

VĂN HÓA

P HẬT G I Á O

**Trần trở
bức dư đồ**

Tr. 4

*Cấu tứ cảm quan
trong thơ Haiku*

Tr. 10

*Tánh Không
và an lạc*

Tr. 18



TÔN HOA SEN

Mái ấm gia đình Việt

THƯƠNG HIỆU
QUỐC GIA



Cam kết BÁN



Đúng Giá
Đúng Tiêu chuẩn
Đúng Chất lượng

ĐỂ MUA ĐÚNG SẢN PHẨM TÔN HOA SEN

Quan sát dòng in trên mặt dưới sản phẩm được thể hiện rất rõ ràng và cụ thể các thông tin về sản phẩm và thông số về tiêu chuẩn chất lượng như sau:

68M - TON HOA SEN - THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA - TON LẠNH MÀU - 15/5 μ m -

a b c d e

0.40mmTCT (± 0.03) - ISO9001:2008 - ISO 14001:2004 - TML 14111869 - 13/11/14 14:27

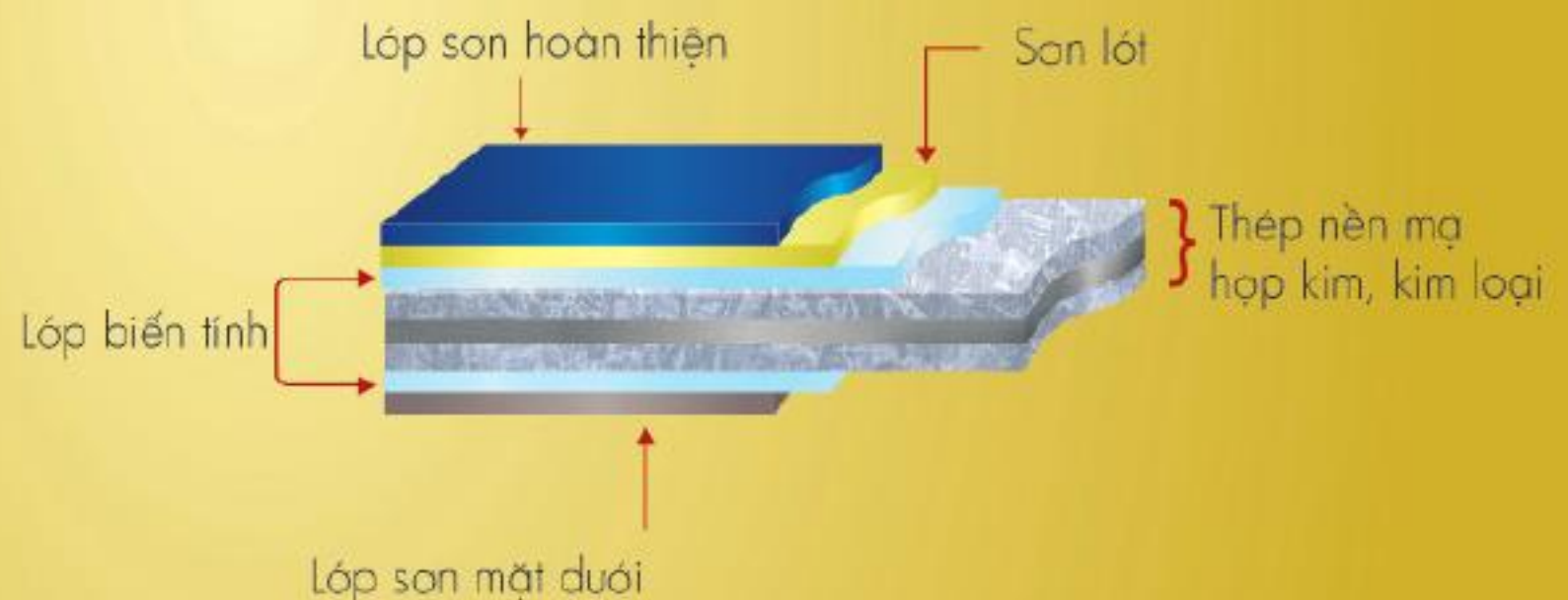
f g h

- a : Số mét
- b : Tôn Hoa Sen
- c : Thương hiệu quốc gia
- d : Loại sản phẩm (Tôn kẽm, Tôn kẽm màu, Tôn lạnh, Tôn lạnh màu)
- e : Độ dày lớp sơn mặt trên và mặt dưới (đối với trường hợp sản phẩm là tôn màu)
- f : Độ dày của sản phẩm (dung sai)
- g : Tiêu chuẩn ISO
- h : Mã số cuộn và ngày giờ sản xuất

• Sử dụng thiết bị đo Palmer để đo độ dày:



• Minh họa cấu tạo tấm Tôn Hoa Sen:



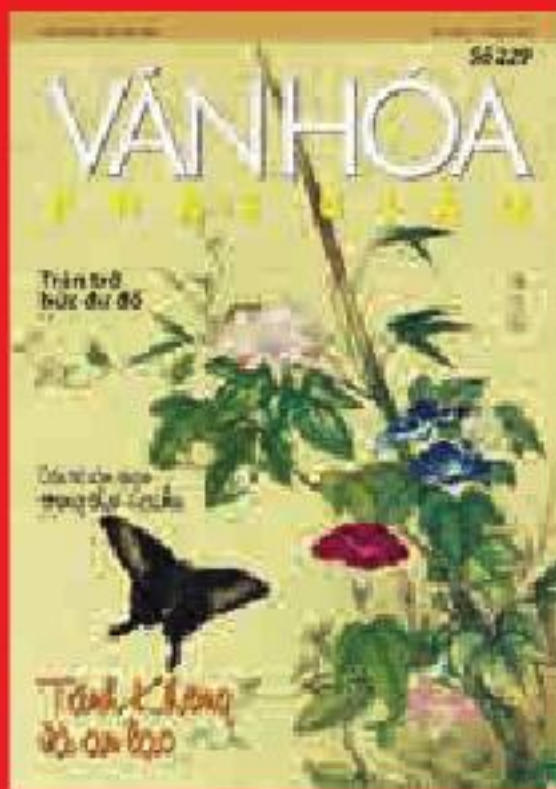
ĐỂ GIÚP BẠN:

Tránh nhầm lẫn mua phải tôn giả, tôn nhái, tôn kém chất lượng

Hãy gọi ngay: **1800 1515**

Tổng đài tư vấn miễn phí cuộc gọi
Thứ hai đến thứ bảy (từ 08g00 - 17g00)

www.hoasengroup.vn



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
 Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIÊN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUÂN MÃN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Tri sự
NGUYỄN BÔNG

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
 Trụ sở Tòa soạn VHPG
 ĐT: (84-8) 3 8484 335
 Ngõ Văn Thông, ĐD: 0906 934 252

Quảng cáo
Pháp Tuê, ĐD: 0913 8100 82

Tòa soạn
 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
 Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
 ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
 Fax: (84-8) 35265 569

Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn
 toasoanvhp@gmail.com

Tên tài khoản:

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo - Ban Văn hóa
 Số tài khoản: 1487000000B
 Ngân hàng VP Bank, Chi nhánh TP.HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
 Bộ Thông tin và Truyền thông
 Số 1878/GP. BTTTT

Ghi bản & in tại Nhà in Trần Phú
 Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Sương mai	3
Trần trở bức dư đồ (Nguyễn Cẩn)	4
Từ vị tướng đến nhà sư đức độ (Như Đại)	8
Cấu tứ cảm quan trong thơ Haiku (Hoàng Xuân Vinh)	10
Nếp sống tu tập của người xuất gia (Quang Đạo)	14
Tánh Không và an lạc (Nguyễn Thế Đăng)	18
Thiền Phật giáo trong thời kỳ hội nhập (Thích Nữ Hằng Liên)	21
Viễn ly điên đảo mộng tưởng, cứu cánh Niết-bàn (Nguyễn Hữu Đức)	24
Tôi đi chùa (Trương Hoàng Minh)	26
Nơi ôm ấp giấc ngủ cho những linh hồn bé bỏng (Bùi Trường Trí)	28
Phỏng vấn (Cao Huy Thuần)	30
Sông Dinh hay sông Gianh? (Tôn Thất Thọ)	33
Nghi về một thái độ tranh luận (Trần Văn Chánh)	36
Văn cần chính xác (Hồ Anh Thái)	39
Vọng ngữ cung cầu (Lê Hải Đăng)	40
Vườn trời (Cao Huy Hóa)	42
Điều ít biết về Tình khúcơ bai (Trịnh Chu)	44
Nội tạng và ngoại bì (Hoàng Tá Thích)	46
Đường bay của hạnh phúc (Đỗ Hồng Ngọc)	48
Thơ (Trường Khánh, Nguyễn Từ, Trà Kim Long, Trần Vương, Sông Hương, Phạm Ánh)	50
Tuyệt cung (Nhụy Nguyễn)	52
Mùa sen mùa người (Nguyễn Thánh Ngã)	56
Gánh (Trần Thế Phong)	57
Lời cảm ơn cuộc sống	59

Bìa 1: Bướm và chào buổi sáng - Oka Baikei. Nguồn: taraandrewswriter.com

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Thế là mùa An cư đã trôi qua hai tháng. Đại lễ Vu-lan lại sắp trở về, *Văn Hóa Phật Giáo* đang chuẩn bị ra số báo đặc biệt nhân mùa Vu-lan Báo hiếu. Chúng tôi mong các cộng tác viên gửi bài sớm, trước ba tuần của ngày rằm tháng Bảy.

Một lần nữa, *VHPG* xin cảm ơn các tác giả đã gửi bài cộng tác khiến tờ bán nguyệt san này ngày càng thêm phong phú. Điều đáng mừng là ngày càng có nhiều tác giả ở miền Bắc như tại Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Hà Nam... đã gửi bài khá đều đặn. Thư từ, tin nhắn, điện thoại... từ các cộng tác viên, độc giả đến với chúng tôi nhiều hơn khiến lắm khi chúng tôi trộm nghĩ *VHPG* được chư Long thần, Hộ pháp phù trợ.

Nhân đây, cũng xin chư độc giả chia sẻ cùng chúng tôi chút phần không vui: Tháng vừa qua, trên một trang web có đăng bài phê phán nặng nề về một bài viết đăng trên *VHPG*, hầu như kết tội *VHPG* có quan điểm sai lạc, vi phạm chính sách của Đảng và Nhà nước...

Chúng tôi xin thưa, lập luận mà bài báo trên đưa ra đã lỗi thời, xưa cũ quá rồi. Chúng tôi cũng xin thưa rằng *VHPG* vẫn luôn theo đúng chủ trương đã đề ra: Đưa đạo Phật vào đời, đóng góp xây dựng cuộc sống an lành, hiền thiện, góp phần bảo vệ, phát huy văn hóa tốt đẹp truyền thống của nước nhà. Chúng tôi luôn hết sức cẩn thận trong việc lựa chọn bài vở để đăng lên báo.

Kính mong chư độc giả tiếp tục ủng hộ *VHPG*, chúng tôi vô cùng cảm tạ.

Kính chúc an khang thịnh lạc.

Văn Hóa Phật Giáo



Mười thiện nghiệp đạo là gì?
Là xa hẳn các nghiệp sát sanh,
trộm cắp, tà hạnh, nói dối, hai lưỡi,
ác khẩu, nói khéo, tham dục, giận
dữ và tà kiến.

(Phật nói Kinh *Thập thiện
nghiệp đạo*)

Ảnh: *Tuệ Ngọc*



Nguồn: baomoi.com

Trăn trở bức dư đồ

NGUYỄN CÂN

Ngẫm chuyện xưa

Thời Pháp thuộc, Tản Đà viết bài thơ diễn tả tâm trạng mình về đất nước dưới gót giày thống trị của ngoại bang: *Vịnh bức dư đồ rách*. Bài thơ in lần đầu năm 1921, trong tập thơ *Còn chơi*.

*Nọ bức dư đồ thử đứng coi
Sông sông núi núi khéo bìa cười
Biết bao lúc mới công vờn vẽ
Sao đến bây giờ rách tả tơi
Ấy trước ông cha mua để lại
Mà sau con cháu lấy làm chơi
Thôi thôi có trách chi đàn trẻ
Thôi để rồi ta sẽ liệu bồi.*

Tâm sự ấy cũng là tâm sự chung của toàn dân ngày ấy trong cảnh nước sắp mất, nhà sắp tan.

Nghĩ chuyện nay

Chúng ta hôm nay có được đất nước thống nhất, giang sơn liền một dải nhưng gần đây không tránh khỏi cảm giác lo lắng về chuyện bức dư đồ cha ông để lại ấy đang bị dòm ngó bởi những thế lực cường quyền phương Bắc. Còn trong nước chúng ta đã làm gì để đáp trả công ơn "vờn vẽ", đắp bồi của cha ông ngày trước? Hay đâu đó vẫn có người lấy làm "chơi", không quan tâm gìn giữ?

Nguy cơ ngoại xâm

Khi Trung Quốc tuyên bố "đường chín đoạn" hay chúng ta thường gọi "đường lưỡi bò" trên biển Đông, họ cũng công bố xây dựng thành phố Tam Sa (vốn là đảo Hoàng Sa của chúng ta bị họ dùng vũ lực chiếm đoạt năm 1974), chúng ta hiểu rằng "Giấc mơ Đại Hán" không chỉ dừng lại ở đây. Quả nhiên, tiếp tục mở rộng

bờ cõi bằng vũ lực như cha ông họ ngày trước, họ lại ra tay sát hại hơn 60 chiến sĩ ta tại Gạc Ma (Trường Sa) và liên tục lấn chiếm một số đảo còn lại. Gần đây họ ngang nhiên xây dựng cải tạo các bãi đá ngầm thành đảo, mở cả đường bay. Mới đây họ còn động thổ xây cả hải đăng trên đó. Sách trắng quốc phòng của Trung Quốc còn khẳng định rằng quân đội Trung Quốc sẽ “mạnh tay” hơn nữa trong việc bảo vệ cái gọi là “lợi ích quốc gia”, dù nói theo Thượng tướng Nguyễn Chí Vịnh, “Anh tự xưng biển của mình, đảo của mình mà cách đất nước anh đến 2.000 hải lý?”. Nói gì đi nữa, “sói Trung Hoa” - như cách gọi của người Trung Hoa hiện nay - vừa đặt được thêm một bước chân. Một bước chân tuy nhỏ của con sói biển nhưng lại là một bước tiến lớn vào biển Đông, khiến không chỉ các nước có biển đảo liên quan mà cả thế giới cảm thấy lo ngại. Người Trung Quốc luôn rêu rao rằng mình chỉ tự vệ. Nhưng chúng ta hiểu bao giờ cũng vậy, lời bào chữa chính thức cho các cuộc chiến tranh thường giống nhau: tự vệ vì họ quan niệm giết người khác và tàn phá đất nước của người khác cũng tốt bởi vì đó là những gì họ sợ người khác toan tính làm với họ. Thói nguy biện từng được bao triều đại Hán, Minh, Nguyên, Thanh vận dụng từ ngàn xưa, đến nay vẫn thế.

Nhiệm vụ chúng ta là phải bảo vệ tổ quốc này. Hãy nhớ lời Lê Thánh Tông năm xưa khi người răn dạy triều thần: *“Một thước núi, một tấc sông của ta, lẽ nào lại nên rút bỏ? Người phải kiên quyết tranh biện, chớ cho họ lấn dần. Nếu họ không nghe, còn có thể sai sứ sang phương Bắc trình bày rõ điều ngay, lẽ gian. Nếu người dám đem một thước một tấc đất của Thái tổ làm mồi cho giặc, thì tội phải tru di”* (Đại Việt sử ký toàn thư).

Nội tâm

Kẻ thù bên ngoài thì đã rõ. Vấn đề là chúng ta nên chọn cách đối phó nào vừa linh hoạt vừa cương quyết, vừa vận dụng quan hệ quốc tế, mềm dẻo tỏ rõ tinh thần yêu chuộng hòa bình nhưng cũng sẵn sàng cho các giải pháp quân sự khi cần thiết. Nhưng điều cũng đáng bàn hôm nay trong bài viết này là kẻ thù bên trong. Liệu có kẻ thù bên trong nào làm bức dư đồ ấy bị xâm hại không?

Chúng ta đang làm gì với tài nguyên của mình?

Trao đổi với phóng viên báo *Thanh Niên*, ông Nguyễn Văn Nền, Bộ trưởng Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, cho biết ngày 26-5-2015, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đã làm việc với Bộ Tài nguyên-Môi trường (TN-MT) cùng các bộ, ngành liên quan về tình hình và giải pháp thực hiện cải cách thủ tục hành chính, đặc biệt là lĩnh vực đất đai. Thủ tướng cũng chỉ đạo Bộ TN-MT rà soát lại việc khai thác cát trên sông, kiểm tra chặt chẽ việc đánh giá tác động môi trường của các dự án, cấm cấp dự án ven biển; địa phương nào đã cấp phải thu hồi giấy phép bởi đây là nơi công cộng, bãi biển phải thông suốt, không được chặn ngang, vây rào.

Sau chỉ đạo của Thủ tướng, người ta mới chợt nhớ ra rằng dân chúng đã từ lâu mất dần những bãi tắm tự do của mình ở biển!. Mọi người mọi giới đang chờ ngày các bãi biển hồi sinh. Người ta mới nhớ đến nhiều bài viết về các quy hoạch dị dạng phá nát cảnh quan Nha Trang, Vũng Tàu... Cụ thể, việc quy hoạch cho xây nhiều công trình trên bãi biển, các cao ốc trên mặt vịnh Nha Trang (Khánh Hòa), lập theo ý tưởng của nhà đầu tư mà không lấy ý kiến rộng rãi của nhân dân. Công ty TNHH Dewan International VN (gọi tắt là Công ty Dewan VN) có 95% vốn của nhà đầu tư từ Hồng Kông - Trung Quốc đã được UBND tỉnh Khánh Hòa cấp “Giấy chứng nhận đầu tư” lần đầu vào ngày 20-8-2014. Theo giấy chứng nhận đầu tư, “Dự án phát triển bãi biển Phoenix” có diện tích 74,16ha, bao gồm mặt đất bãi biển Nha Trang và mặt nước vịnh liền kề. Dự án có thời gian hoạt động 50 năm, mục tiêu là “phát triển toàn bộ khu vực bãi biển chính của thành phố Nha Trang bắt đầu từ chân cầu Trần Phú ở hướng Bắc (Công viên Yersin hiện tại) đến đường Dã Tượng ở hướng Nam”. Nhưng như báo chí đã loan tin, thực chất của dự án này là “bức tử vịnh Nha Trang!”. Trên trang mạng Phoenix Beach Nha Trang - Viet Nam (<http://phoenixbeachvietnam.com>), Công ty TNHH Dewan International quảng cáo các công trình biệt thự Phoenix De Playa, cụm sáu khách sạn mang tên The Crown, tòa nhà thương mại Fish Scale, quán cà-phê trên ngọn cây Arboreals, khu cao ốc vườn Phoenix... với hình ảnh là những tòa nhà cao mọc lên từ mặt biển Nha Trang... Việc các nhà đầu tư “quây rào” không cho người dân vào biển tắm gây bức xúc trong công luận. Ở Đà Nẵng, từ khu nghỉ mát Furama kéo dài về phía Nam dọc bờ biển đã dày đặc những công trình kiên cố, tạo nên bức tường chắn lạnh lùng ngăn cách giữa người dân với biển, từ lâu nó đã trở thành nơi “bất khả xâm phạm” với người dân thường. Đây là thiệt thòi vô cùng lớn cho người dân tại các địa phương có bờ biển đẹp như Đà Nẵng, Nha Trang. Thông tin từ Bộ TN-MT, chỉ riêng 7 địa phương nằm ven biển như: Bà Rịa-Vũng Tàu, Kiên Giang, Khánh Hòa, Đà Nẵng, Quảng Nam, Ninh Thuận, Bình Thuận, hiện có 780 dự án ven biển. Trong số này, hơn 260 dự án có khả năng bị thu hồi với tổng diện tích trên 19.000ha và có 15 dự án đã bị thu hồi với diện tích hơn 700ha. Khắp các bãi biển đẹp trải dài từ Nam tới Bắc đều đang rơi vào tình trạng manh mún bởi hàng ngàn dự án du lịch ven biển. Nhiều dự án đã triển khai và đưa vào hoạt động, nhưng cũng có hàng loạt dự án chỉ chiếm đất và treo ở mặt tiền biển 5-7 năm. Dọc đường ven biển Xuyên Mộc, Bình Châu (Bà Rịa-Vũng Tàu) bãi biển tan hoang bởi các dự án hoang phế. Cụ thể, ở Bà Rịa-Vũng Tàu, dự án khu nghỉ mát giải trí đa năng Saigon Atlantis Hotel do Công ty TNHH Winvest Investment VN làm chủ đầu tư, được cấp giấy chứng nhận đầu tư đã 7 năm, chiếm diện tích hơn 300ha đất và 600ha mặt nước biển đến nay cũng



Nguồn: www.dulichhe.com

nằm im. Khu resorts Mũi Né (Phan Thiết) trong vòng 20 năm đưa vào khai thác du lịch đã trở nên vô cùng chật chội. Hầu hết bãi biển nằm trong tay các chủ đầu tư đến nỗi suốt hàng chục cây số không có một lối đi cho người dân hay du khách không lưu trú trong resort ra được bãi biển.

Lãnh đạo nhiều địa phương e ngại làm mất lòng nhà đầu tư nếu rút giấy phép khi đã cấp. Nhưng chúng ta không thể thu hút đầu tư bằng mọi giá và việc rút phép các dự án nằm ngay trên bờ biển là tôn trọng các nhà đầu tư khác và tạo niềm tin cho du khách thế giới...

Ở những nước như Pháp, chính quyền nhiều thành phố ven biển đã không cho phép xây dựng bất kỳ nhà hàng, khách sạn, resort, quán xá ven biển. Quan điểm chung là bờ biển thuộc sở hữu toàn dân và bình đẳng đối với mọi du khách. Và những công trình xây dựng đều phải được thực hiện sâu trong đất liền, cách bờ biển một con đường và lùi vào sâu trong mấy chục mét nữa. Ở các nước có du lịch biển phát triển cũng tương tự. Các resort, khách sạn được xây dựng ở phía trong để không gian bãi biển làm khu vực chung.

KTS Ngô Viết Nam Sơn, một người từng thực hiện tư vấn thiết kế cho nhiều dự án ven sông biển, nói ngay rằng chủ trương này tốt quá và lẽ ra phải được thực hiện từ rất lâu rồi. Ông nói, *"Địa phương cũng không có quyền bán, cho thuê bãi biển vì nơi đây là công cộng. Các nước đều như vậy hết, không có nơi đâu xé bãi biển để cho doanh nghiệp thuê cả"*.

Biển đã vậy, sông thì sao?

Thủ tướng đề cập việc khai thác cát mất trật tự đang diễn ra đều khắp. "Cát tặc" hùng cứ và hoành hành trên mọi dòng sông. Chúng ta cũng đã và đang gây ô nhiễm cho sông rạch ao hồ bằng nhiều cách mà cách tùy tiện nhất là việc xả trực tiếp ra sông mọi loại chất thải, kể cả chất thải công nghiệp. Trên nhiều con sông,

thủy sản không còn sống nổi. Một vài địa phương còn lấp sông làm khu dân cư như vụ việc xảy ra ở Đồng Nai gần đây.

Đến số phận của rừng

Chúng ta nghe nói nhiều về những dự án trồng rừng, đến 5 triệu ha. Nhưng theo hội chứng "cửa kính vỡ", nếu chúng ta trồng mới 5 triệu ha nhưng lại phá đi đến 3 triệu ha mà cứ báo cáo là có 8 triệu ha rừng thì không đúng. Thử hỏi trong 90.000ha rừng thông ở Đà Lạt, có báo cáo chỉ còn 14.000ha thì chúng ta trồng nhiều hay phá nhiều? Các phong trào làm thủy điện, làm rẫy, phá hoại biết bao nhiêu cánh rừng. Một thông tin gần đây nói lên cách làm tắc trách của ban quản lý dự án hợp phần di dân tái định cư hồ chứa nước Nước Trong (thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ngãi) khi cho áp giá đền bù để giải tỏa khu vườn rừng có hàng trăm cây đại thụ tại khu Sờ Lác và suối Y (xã Trà Thọ, huyện Tây Trà, Quảng Ngãi). Hậu quả, cả một khu rừng bên lưu vực suối bị đốn trắng trong đó có nhiều loại gỗ quý như chò, xoan mộc. Chưa kể nhiều nơi kiểm lâm "lơ là" để lâm tặc tung hoành như đã xảy ra ở Tây Nguyên, Nghệ An, Thanh Hóa hay vùng núi Tây Bắc...

Và khoáng sản

Với nhiều đặc thù phức tạp, khai thác khoáng sản còn được coi là một trong những ngành công nghiệp có nguy cơ tham nhũng và thất thu ngân sách lớn nhất.

Nhìn nhận từ góc độ cơ quan quản lý, Tiến sĩ Lại Hồng Thanh, Cục Kiểm soát hoạt động khoáng sản miền Bắc (Tổng cục Địa chất Khoáng sản) thừa nhận, thời gian qua cơ chế kiểm soát nguồn thu khoáng sản của Việt Nam làm chưa tốt. Theo ông Thanh, việc doanh nghiệp tự kê khai nộp thuế là phù hợp với nền quản lý tiên tiến của thế giới. Tuy nhiên, điều này có thể dễ dẫn tới việc

gian lận nguồn thu, thậm chí sau một thời gian khai thác doanh nghiệp tư nhân “tuyên bố” phá sản hoặc lặt lẽ bỏ đi để chây ỳ nghĩa vụ nộp thuế, phí. Trường hợp Công ty Khai thác Vàng ở Quảng Nam là một ví dụ cụ thể. Họ rút đi khi còn nợ thuế hàng trăm tỷ. Ông Lê Đắc Lâm, Đại biểu Quốc hội tỉnh Bình Thuận phản nản việc các doanh nghiệp khai thác khoáng sản trên địa bàn đã “bỏ túi” nguồn thu lớn. Thế nhưng tính tự giác về đóng thuế, phí và cải tạo môi trường vẫn còn trì trệ và kém hiệu quả. Theo ông Lâm, tỉnh Bình Thuận là địa phương “giàu có” về titan và cát đen. Thực tế đã dẫn đến chuyện doanh nghiệp khai không đúng sản lượng thực để ‘ăn bớt’ tài nguyên, gây thất thoát nguồn thu ngân sách nhà nước. Ngoài ra, sau khi hoàn tất việc khai thác, nhiều doanh nghiệp cũng không thực hiện đúng trách nhiệm cải tạo môi trường, gây ảnh hưởng nguồn nước, đất đai. Còn theo ông Đậu Anh Tuấn, Trưởng ban Pháp chế Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, mặc dù những năm qua, ngành công nghiệp khai khoáng tăng trưởng nhanh, đảm bảo thu nhập cho người lao động, tuy nhiên những đóng góp dường như vẫn chưa tương xứng với mức độ khai thác, chi phí đầu tư và tổn thất gây ra đối với môi trường, xã hội.

Ông Tuấn cho rằng nếu Việt Nam không xây dựng “hàng rào hành chính” vững chắc, có thể sẽ bỏ lọt việc doanh nghiệp “đi đêm” với cơ quan quản lý để gian lận các khoản thuế, phí so với thực tế khai thác. Điều này sẽ gây thất thoát ngân sách và tạo cơ hội cho tham nhũng cao.

Bà Trần Thanh Thủy, điều phối viên Liên minh Khoáng sản cho biết, việc thu ngân sách của Việt Nam đang gặp nhiều khó khăn. Theo bà, từ kinh nghiệm các nước trên thế giới cho thấy, việc tham gia Sáng kiến Minh bạch Thông tin Khai thác Khoáng sản (EITI) sẽ góp phần nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong khai thác khoáng sản, qua đó tạo môi trường đầu tư cạnh tranh hơn đồng thời giảm thiểu các tác động tiêu cực từ khai thác tài nguyên khoáng sản. Nhưng con đường thực hiện EITI không phải trong một sớm một chiều, lại cần quyết tâm cao của các cấp các ngành, nhất là những người giữ vai trò lãnh đạo.

Bài học nào cho hôm nay?

Điều này không mới khi chúng ta hiểu trách nhiệm gìn giữ “Bức dư đồ” không chỉ là con sông dòng suối mà còn là mặt đất bầu trời. Phải gìn giữ vì đó là di sản cha ông để lại. Chúng ta nhớ lời Đức Phật dạy về sự cộng sinh của muôn vật muôn loài trong ý nghĩa tương tức tương dung, không thể tách rời. “Cái này có thì cái kia có, cái này sanh thì cái kia sanh, cái này diệt thì cái kia diệt”. Chúng ta hiểu rằng nếu ta gây tổn hại hay để cho ai chiếm đoạt con sông dòng suối bầu trời mặt đất này thì chính chúng ta bị tổn hại, chứ không ai khác! Ngoài ra, chúng ta còn nghe một số lời dạy của Đức Phật trong

kinh *Anguttara*, Ngài dạy rằng: “Trồng cây cho ta bóng mát, ngoài việc thanh lọc không khí, nó còn bảo tồn trái đất, đó là điều lợi lạc cho tất cả mọi người và cho cả bản thân ta”, hoặc “Có năm loại cây mà một người không được chặt, đó là cây bồ-đề, cây thuốc, những cây lớn mọc bên đường, cây trong rừng xứ lạnh và cây đa”. Đức Phật cũng khuyên mọi người phải biết trân quý tài nguyên. Hòa thượng Trí Quảng trong một bài viết đã nhấn mạnh nguồn cơn của những việc làm sai trái ấy: “Có thể khẳng định rằng, tất cả mọi việc làm tác hại đến môi trường sinh thái và hủy hoại trái đất này đều phát xuất từ tâm tham lam, tâm trục lợi, tâm ích kỷ, tâm si mê của con người. Thực tế cho thấy những người, hay những phe nhóm vì lòng tham vô bờ bến, nên họ thường tóm thu về cho cá nhân hay cho phe nhóm, khiến họ trở thành mù quáng và rất tàn ác, mất cả nhân tính. Họ sẵn sàng sát hại, gây chiến tranh, làm cho nghèo đói, bệnh tật lan tràn, tiêu hủy mạng sống của con người, của các loài và môi sinh cũng từ đó ngày càng hư hoại thêm. Hoặc để thu được món lợi khổng lồ, song song với việc khai thác tài nguyên bừa bãi, họ còn xả chất độc hại vào lòng đất, vào sông ngòi, vào không khí, làm ô nhiễm môi sinh, tác hại đến sức khỏe và gây bệnh tật cho nhiều người” (HT.Trí Quảng - Đức Phật và môi trường sinh thái – giacngo online).

Muốn khắc phục tình trạng trên, con người phải chế ngự tâm Tham của mình. Nếu nhà cầm quyền nào cũng ý thức tham vọng điên cuồng của mình sẽ dẫn đến chiến tranh, gây diệt vong cho chính dân tộc mình và nhân loại, nếu doanh nhân nào cũng hiểu những lợi ích của mình phải tương sinh trên những lợi ích của công nhân, người dân đang sinh sống cùng mình, với mình, họ sẽ tiết chế lòng tham mà nghĩ đến cộng đồng nhiều hơn. Cùng nhau xây dựng Tịnh độ giữa lòng cuộc sống này là mục tiêu lớn lao và cần thiết phải xây dựng ngay bây giờ, nếu không sẽ là quá muộn cho tất cả chúng ta.

Trở lại với Bức dư đồ ấy, chúng ta hãy kiểm điểm chính mình đã làm gì để gìn giữ, bồi đắp nó mà không làm cho nó “tả tơi”, hao hụt. Đồng thời nhấn gửi thế hệ sau về trách nhiệm với hy vọng sẽ góp phần tô điểm khi “Còn núi còn sông” như Tản Đà sau này đã tự an ủi mình dù vẫn buồn vì “thiếu hồ thiếu giấy” hay đúng hơn thiếu phương tiện thực hiện, chính sách đúng đắn, đường lối quang minh.

*Thôi để rồi ta sẽ liệu bồi
Ta bồi cho chúng chị em coi
Giận cho con cháu đà hư thế
Nghĩ đến ông cha dám bỏ hoài.
Còn núi còn sông: Nhìn vẫn rõ
Có hồ có giấy dễ mà chơi.
Bời chưng hồ giấy ta chưa có
Đành chịu ngồi trông rách tả tơi.*

(Vịnh bức dư đồ rách 2, đăng trên
Đông Phương Thời báo, số 635, năm 1927) ■

Từ vị tướng đến nhà sư đức độ

Bài & ảnh: NHƯ ĐẠI

Tướng Tôn Thất Hiệp (1653-1675), tên thật là Nguyễn Phúc Thuận hay Nguyễn Phúc Chiêu, sau vì kỵ húy nên đổi là Hiệp; là con của chúa Hiền Nguyễn Phúc Tần (1648- 1687). Ông là nguyên soái chỉ huy quân Nguyễn chống cự với quân Trịnh vào năm 1673 trong thời gian Trịnh - Nguyễn phân tranh. Về sau ông trở thành một nhà sư đức độ trụ trì chùa Minh Thiện thuộc dinh Thái Khang (Khánh Hòa).

Sách Nguyễn Phúc tộc thế phả chép ông là con thứ tư của Hiền vương Nguyễn Phúc Tần (không phải em như Việt Nam sử lược chép). Mẹ là bà Châu Thị Viên. Sự nghiệp của ông được ghi trong sách Đại Nam nhất thống chí như sau:

"Con thứ tư của Thái Tông, có tài làm tướng, đầu bỏ Chương cơ. Năm Nhâm Tý quân Trịnh vào lấn, lúc ấy Hiệp mới 20 tuổi, nhận mệnh lệnh làm nguyên soái, từ Nguyễn

Hữu Dật trở xuống đều chịu tiết chế, hiệu lệnh nghiêm minh, ai cũng sợ phục. Quân Trịnh vượt sông Gianh, tiến sát đến lũy Trấn Ninh, họ lấp hào san ụ, lũy Trấn Ninh sắp vỡ, tướng giữ lũy là Trương Phúc Cương muốn rút lui về giữ bảo Mối Nai, Hiệp vội vàng ngăn lại và nói: "Một khi quân ta rút lui, tất địch thừa thế lấn vào, vậy hãy hết sức cố giữ, tôi tất đến cứu". Hiệp bèn sai Nguyễn Hữu Dật đem quân cứu viện Trấn Ninh, còn mình thì tự cầm quân giữ lũy Sa Phụ. Quân Trịnh đánh Trấn Ninh không sao hạ được, bèn nhân đêm bỏ trốn; Hiệp đem quân đuổi đến núi Lệ rồi trở về. Chúa thượng nghe tin thắng trận, thưởng cho 100 lạng vàng, 100 lạng bạc và 50 tấm gấm.

Sau khi thu quân về, Hiệp bỏ hết nữ sắc, dựng am nhỏ thờ Phật, giảng bàn nghĩa lý huyền vi, đến năm Ất Mão thì mất, [được truy] tặng Minh Nghĩa công thần Phụ quốc Thượng tướng quân Cẩm y vệ Đô đốc Chương phủ sự Thiếu úy Hiệp quận công, thụy là Toàn Tiết. Năm Gia Long thứ 4, liệt vào thượng đẳng công thần khai quốc, thờ phụ ở Thái miếu. Năm Minh Mạng thứ 12 truy phong Thành quốc công" (ĐNNTC, T.1, sđd, tr.186).

Có thể nói rằng sau nhiều đợt tấn công của quân chúa Trịnh vào Nam đánh quân chúa Nguyễn, trận chiến năm 1673 là khốc liệt và bi thương nhất do quân Trịnh quyết dốc chí thanh toán quân Nguyễn ở phương Nam.

Sách Lịch triều tạp kỷ do Lê Cao Lãng soạn ghi lại:

"Tháng 11. Thống suất Hào quận công Lê Thời Hiến (quân Trịnh- TTT chú) đốc suất quân bản đạo, thẳng tiến đến ngoài lũy Trấn Ninh, sai các bộ tướng là Lương Đăng Quang và Vũ Tuấn Tài, nhân ban đêm, cướp đánh quân Nam Hà, tước được khí giới và cờ xí, bèn thừa thắng đốc quân, men lũy trèo lên để đánh phá phía trong lũy.

Tiết chế quân Nam là Hiệp (quận công) bèn chia quân ra cố sức chống trả, bắn đại bác rào rào. Quân Bắc Hà buộc dây thừng vào khẩu đại bác kéo đi; lại buộc mỗi lửa vào chiếc sào dài phóng vào trong lũy: nhà cửa bị bốc cháy ngất trời. Lại dùng thứ súng "mật sự" lắp vào đó thứ đạn "một mẹ năm con" để bắn: tiếng nổ ầm như sấm. Đạn súng này bắn đến đâu thì các đồ đồng, đồ sắt đều bị thủng vỡ. Quân Nam bị chết rất nhiều nhưng vẫn bền bỉ chống cự và cố giữ. Quân Trịnh đem hết sức sức bèn ra đánh, cũng không hạ được. Quân hai bên đều bị thiệt hại..."

"Lê Thời Hiến sai người làm nhiều điều giả, buộc đồ dẫn hỏa, nhân chiều gió thổi lên, khiến điều gió bay vào trong



lũy, rồi cắt dây cho đứt xuống. Quân trại và pháo đài trong lũy bị thiêu cháy, sáng rực một góc trời... Chúa Trịnh lại sai thêm tướng sĩ đi tiếp chiến, dùng nhiều đạn lửa lấp vào đại bác bắn gấp: quân Nam chống lại bằng nước, đạn lửa không làm tổn thương..." (Lịch triều..., sđd, tr.30).

Sau cuộc chiến khốc liệt đó, Đàng Trong - Đàng Ngoài ngưng việc binh đao, không đánh nhau nữa. Tôn Thất Hiệp đã tổ chức một buổi đại lễ cầu siêu cho các tướng sĩ Đàng Trong lẫn Đàng Ngoài chết trận, thả tất cả tù binh, cho được trở về nguyên quán.

Sách Đại Nam liệt truyện chép rằng khi được chúa ban thưởng do bảo vệ được đồn trại, ông đã từ chối và nói rằng: "Đó là oai của chúa thượng và sức của chư tướng, chứ tôi đâu có tài năng gì" (ĐNLT T1, sđd, tr. 44). Cũng theo Liệt truyện thì: "Sau khi quân Trịnh rút lui, phàm những quân lính Bắc Hà bị bắt, Hiệp (Thuần) đều sai cấp tiền gạo, quần áo, tha cho về, không giết một người nào. Lại đặt một lễ đàn ở trong kinh thành Trấn Ninh, tế tướng sĩ trận vong, cũng đặt một đàn ở ngoài thành tế tướng sĩ quân Bắc chết trận" (ĐNLT, sđd, tr. 44).

Cũng theo Liệt truyện: "Trước kia, Thuần (tức Hiệp) vâng mệnh ra quân, dưới trướng thường dùng giáp sĩ hầu ở tả hữu. Có người Quảng Bình là Bật Nghĩa có một người con gái đẹp đem tiến lên, Thuần nói: 'Sắc đẹp thì đức kém, dùng gì của vươ vật ấy', khước từ không nhận, nhưng lại thương tình vì Bật Nghĩa nhà nghèo, ban cho 10 quan tiền. Ai nghe chuyện này cũng phục là người có đức lượng.

Đến lúc dẹp giặc xong, Thuần về nhà, bỏ gái hầu, làm chùa nhỏ thờ Phật, bàn đạo huyền vi để tự vui..." (sđd, tr. 44).

Sách Lịch triều tạp kỷ kể: "Quận Hiệp (Nguyễn Phước Chiểu), từ sau cuộc chiến tranh năm Nhâm Tý (1672) kéo quân về Nam (Phú Xuân), trong lòng mộ đạo Phật, đi du lãm không sót một danh lam thắng cảnh nào. Quận Hiệp dựng một tòa am nhỏ tại xã Khách Quán, ở một mình ăn chay, thường đốt hương, tụng kinh niệm Phật. Quận Hiệp nói với người ta rằng: 'Người sinh ở đời quý hồ được thích chí mà thôi, chứ phú quý có làm gì. Từ đó đóng cửa không tiếp khách' (Lịch triều..., sđd, tr.32).

Tác giả Nguyễn Hiền Đức trong sách Lịch sử Phật giáo Đàng Trong cho biết thêm:

"Theo tài liệu của chùa Minh Thiện ở núi Bút Sơn, làng Thanh Tuyển, phía Tây dinh Thái Khang (sau chùa dời về ở xã Diên Lạc, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa) thì chính Tôn Thất Hiệp là Tổ khai sơn chùa Minh Thiện và khi ấy ông có pháp danh là Giác Sanh Thiện Hòa Tử.

Sau thời gian hoằng hóa ở chùa này, ngày rằm tháng 6 năm Ất Mão (ngày 6 tháng 8 năm 1675), nhà sư Giác Sanh Thiện Hòa Tử viên tịch, được chúa Hiền ban thụy hiệu là Tịnh Đức Phổ Chiếu Hòa thượng" (Lịch sử Phật giáo..., sđd, tr.128).

Bàn về cuộc đời của vị tướng - nhà sư Tôn Thất Hiệp, nhà văn Sơn Nam trong sách Nói về miền Nam đã viết: "Sự chọn lựa bất ngờ của hoàng tử Hiệp không khó hiểu lắm. Tám tháng ở chiến trận là cả một đời người, là cả thế kỷ thứ

XVII ở Việt Nam! Hẳn ông hoàng Hiệp thấm đau xót cho đường hoạn lộ quá đỗi cay của lão tướng Nguyễn Hữu Dật! Giữa cảnh máu xương lầy lội, tiếng đại bác vang rền, mùi diêm sanh nồng nặc, ông hoàng dư hiểu rằng từ bấy lâu các thương gia Hòa Lan, Bồ Đào Nha cạnh tranh nhau ở Đàng Ngoài, ở Đàng Trong để mua tơ lụa, quế, trầm hương và bán các nguyên liệu giết người. Họ lấn nhau, dùng mọi thủ đoạn tinh vi nhất.

Ông hoàng cũng thấy tận mắt những chiếc đồng hồ kiểu Tây phương và tuy xa gia đình, ông hay tin đứa con của mình, Tôn Thất Lễ sau cơn bệnh nặng mà các ngự y điều trị không nổi, đã rửa tội theo phép Công giáo (1674).

Sanh, lão, bệnh, tử... ông hoàng Hiệp nhận rõ, thấm thía, không kém Thái tử Tất-đạt-đa ngày xưa khi ra bốn cửa hoàng thành. Ông "dùng mãnh tinh tấn", khiêm tốn nhận mình là một chúng sanh trong kiếp sát-na. Vì đã từng đau khổ giữa cuộc thế, đã từng đóng vai người anh hùng, ông muốn thành tâm tìm một cõi an lạc thực tế, sống ẩn dật như nhà hiền triết đủ can đảm, im lặng.

Ông liễu đạo năm 23 tuổi (1653-1675), ngày rằm tháng 6 năm Ất Mão, an táng ở làng Hiền Sĩ, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên, có lẽ không lưu lại một bút tích, một bài thơ truyền khẩu nào. Nhưng hậu thế tưởng còn nhận được hình bóng bất diệt của ông qua nụ cười phảng phất trên môi của các tượng Bồ-tát trong chùa, giữa tiếng kệ kinh..." (Nói về miền Nam, sđd, tr.22, 23).

Đức Phật dạy: "Thắng vạn quân không bằng tự thắng mình". Tướng Tôn Thất Hiệp đã làm tròn bốn phận của người trai trẻ thời loạn, và sau đó ông đã tự thắng mình, từ bỏ những dục vọng phù du để tự mình đi tìm nguyên ủy của cuộc đời. Ông đã chọn cho mình một cuộc sống an lạc theo lời dạy của Đức Thế Tôn:

"Hơn nữa, vì không nhiễm dơ bởi tám cơn gió loạn của thế gian (được và mất; danh thơm và tiếng xấu; khen và chê; sướng và khổ).

Và nhìn thấy tất cả những hiện tượng đều là huyền hoặc, tôi mới thoát khỏi sự chấp trước đeo níu và được giải thoát hẳn sự nô lệ ràng buộc của trần gian..." (Tinh túy trong sáng của đạo Phật, tr.62).

Xin được thắp nén nhang tỏ tấm lòng thành tôn kính ông; một vị tướng và một nhà sư giàu đức độ. ■

Sách tham khảo:

- Đại Nam nhất thống chí, T.1, QSQTN, Nxb KHXH, 1969.
- Đại Nam liệt truyện, T.1, QSQTN, Nxb Thuận Hóa, 1994.
- Nói về miền Nam, Sơn Nam (chương: Ông Hoàng Hiệp và trận giặc năm 1673), Nxb Trẻ, 2009.
- Lịch sử Phật giáo Đàng Trong, T.2, Nguyễn Hiền Đức, Nxb TP.HCM, 2011.
- Nguyễn Phúc tộc thế phả, Hội đồng trị sự NPT, Nxb Thuận Hóa, 1995.
- Lịch triều tạp kỷ, Ngô Cao Lãng, Nxb KHXH, 1995.
- Tinh túy trong sáng của đạo Phật, Phạm Công Thiện, Viên Thông (USA) xb năm 1998.

Cấu tứ cảm quan trong thơ Haiku

HOÀNG XUÂN VINH

Bàn về cấu tứ, các tác giả “Từ điển Thuật ngữ Văn học” nhận định, “Xét trong quá trình sáng tác, cấu tứ là hoạt động tư duy để sáng tạo hình tượng nghệ thuật. Xét như một thành quả sáng tạo, cấu tứ là sự cắt nghĩa, lý giải khái quát hiện tượng đời sống bằng một hình tượng tổng quát có sức chi phối toàn bộ cảm thụ, suy tưởng và miêu tả nghệ thuật trong tác phẩm... Cấu tứ không phải chỉ có trong thơ trữ tình mà còn có trong mọi tác phẩm nghệ thuật khác như tiểu thuyết, kịch, ký, tản văn, trong sáng tác của một tác giả hoặc một loại văn học”¹.

Như vậy, trong thi ca, cấu tứ là cách thức triển khai ý tưởng. Đây là quan niệm phổ biến trong nền văn chương thuộc khu vực văn hoá chữ Hán như Trung Quốc, Việt Nam, Triều Tiên và Nhật Bản.

Thường thức thơ Haiku Nhật Bản, người đọc có thể thấy nhiều kiểu cấu tứ phong phú và đa dạng, nhưng sự phân biệt rạch ròi và xếp loại kiểu cấu tứ cho mỗi bài thơ chỉ mang tính tương đối, ước lệ. Bài viết này nói đến kiểu cấu tứ ngũ giác quan - một kiểu cấu tứ đặc thù của tư duy nghệ thuật Nhật Bản trong thơ Haiku.

Người Nhật từ lâu được đánh giá là dân tộc có óc duy mỹ nhạy cảm. Bởi vậy, vườn thi ca của Nhật Bản là một bức tranh cuộn cảm tú, tinh tế và toàn bích đến từng đường kim mũi chỉ. Trong thơ Haiku, người đọc luôn có cảm giác các thi nhân Nhật Bản sống trọn giác quan của mình. Thơ Haiku khước từ những phạm trù thuộc về lý luận, mà quan tâm đến sự vật, sự việc, hiện tượng thường nhật nhưng mang tính biểu trưng sâu sắc cho các giá trị vĩnh hằng.

Thơ Haiku nằm trong hệ thống cảm thức thẩm mỹ của các nền văn hóa phương Đông, có đặc trưng chung là tính đề cao trực cảm - trực giác - cảm giác khi thể hiện đối tượng, điều mà Engels gọi là “trực cảm bản chất”; trong khi thơ ca phương Tây lại đề cao tính chất suy lý - duy luận - cảm trí.

Nhìn chung, trong dòng suối của tâm thức phương Đông, thơ Haiku Nhật Bản vẫn toát lên vẻ đẹp riêng trong khi đề cao “trực cảm bản chất”, đó là thái độ xử kỷ tiếp vật ở khía cạnh *trọng Tình* - con người đối diện với sự vật, hiện

tượng ở tư cách ngang hàng. Đây là một kiểu cấu tứ đặc biệt trong thơ Haiku. Sự vật, hiện tượng nương vào một giác quan nào đó của nhà thơ để hiện diện thành cấu trúc cú pháp - ngữ nghĩa có giá trị biểu trưng cao nhất.

Thị giác

Trong năm giác quan của con người, thị giác đóng một vai trò quan trọng đặc biệt. Với tất cả các nền văn học, thị giác luôn là giác quan đầu tiên giúp người nghệ sĩ chiếm lĩnh cuộc đời nhiều màu sắc. Bởi vậy, liên tưởng thị giác vẫn là quan trọng nhất trong mọi thứ liên tưởng. Thứ nhất, khả năng thị giác trong việc thẩm nhận ngoại giới là lớn nhất, lớn hơn rất nhiều so với các giác quan khác; kinh nghiệm thị giác cũng sâu rộng và mạnh mẽ; ký ức thị giác cũng nhạy hơn, nghĩa là dễ gọi lại, dễ làm sống lại hơn so với bộ nhớ về mùi vị, âm thanh hay cảm giác xúc chạm. Thứ hai, các biểu hiện thị giác có khả năng diễn đạt, biểu cảm và luận lý rất cao; thị giác đứng đầu ngũ quan bao trùm các xúc cảm và lại kề cận với ngôn ngữ (với tư cách là vỏ trực tiếp của tư duy). Ví thể *tư duy thị giác, ngôn ngữ thị giác* không phải là chữ dùng cho hay mà là khái niệm có nội dung khoa học nghiêm túc. Bằng các ký hiệu tín hiệu thị giác (màu, hình, nét...) ta có thể suy lý, có thể *phán đoán*. *Thông tin thị giác* không chỉ là cách nói mà nó được ứng dụng rộng rãi từ thượng cổ, tới các lĩnh vực khoa học kỹ thuật tối tân nhất ngày nay. Ai cũng có *một lịch sử, một số phận, một đời sống thị giác* của mình, *một cách nhìn* của mình. Con mắt vì vậy không chỉ là một “cửa sổ” của tâm hồn mà nó còn quyết định làm nên nhân cách mỗi người.

Thơ Haiku đậm đà những bức tranh được gợi lên từ ấn tượng thị giác như vậy.

Như bài thơ sau:

Trong đồng hoa cải
Trăm mắt ngắm hoa
Một bầy chim sẻ.

(Basho)

Bài thơ vẽ ra trước mắt người đọc một tấm thảm vàng của hoa cải. Hoa cải vàng được thu vào “trăm mắt” của bầy chim sẻ, những cánh chim sẻ nho nhỏ, đáng yêu. Cái đẹp nhất của bài thơ này là tính tăng bậc của thị giác: Cánh

đồng hoa cải vàng hiện ra trong trăm mắt bầy chim sẻ, còn cả hoa vàng trên cánh đồng và bầy chim sẻ sinh động đáng yêu kia lại hiện ra trong mắt người làm bài thơ nhỏ xinh này. Bài thơ là một bức tranh đẹp yên bình, rộng và thoáng. Bức tranh tuy tiêu sơ mà giàu cảm thức. Người đọc có thể hình dung ra được những màu sắc hài hòa: màu vàng tuyền của hoa cải, màu xanh biêng biếc của bầu trời, màu trắng của mây và những chấm nâu của đàn chim sẻ. Bài thơ cũng có cho người đọc sự cảm nhận về hình khối: sự bạt ngàn của đồng hoa cải, sự cao rộng, thoáng đãng của bầu trời, và những nét chấm phá của bầy chim sẻ.

Ở một bài thơ khác, nhà thơ Basho lại viết:

*Ôi, đóa nazuna
Đôi mắt tôi nhìn kỹ
Bên hàng giậu nở hoa.*

Bài thơ không có gì đặc biệt về mặt tạo hình. Nó đơn sơ và đơn giản hết sức. Đó là một bức tranh khiêm nhường về một bông hoa mã đề nhỏ bé bất chợt nở khiến cho nhà thơ phải căng mắt nhìn kỹ. Màu hoa không kiêu sa nhưng cũng có một ấn tượng thị giác nào đó khiến cho thi nhân không thể rời mắt. Bài thơ gợi lên đơn sơ một hàng giậu nhà ai thấp thoáng một đóa hoa mã đề, một loài hoa đại thật khiêm nhường. Dáng hoa đứng đưa mãi, ám ảnh trong tâm trí độc giả.

Buson cũng có một bức tranh gần gần như vậy khi hạ bút:

*Một bông hoa sắc trắng
Nhìn qua kẽ giậu thưa
Một mùa xuân sắp vắng.*

Bài thơ này của Buson giống với bài thơ trên của Basho, ở chỗ đều là bức vẽ về một khoảng giậu thưa có một bông hoa vừa mới nở trong thời khắc giao mùa. Nhưng nếu như Basho chú ý đến dáng hoa nhỏ bé thì Buson lại dừng điểm nhìn và nhấn mạnh vào "sắc trắng" của màu hoa. Bởi vậy, bông hoa của Buson tuy được phiem chỉ hóa đi, nhưng lại hiện ra khá cụ thể trong tâm trí người đọc. Điểm lạ nhất của bài thơ này là góc nhìn của chủ thể: nhìn một sự vật tồn tại, đang hiện hữu (bông hoa) xuyên qua những khoảng trống của một sự vật khác cũng đang có mặt (hàng giậu thưa).

Còn bài thơ dưới đây lại vẽ đôi mắt của một chú chuồn chuồn ngay thơ đã lọt vào tầm mắt của Issa.

*Ngọn núi xa
Soi trong mắt
Chuồn chuồn*

Bài thơ có hai đối tượng: chủ thể ở tiền cảnh và cái bóng của khách thể tác động lên chủ thể. Chủ thể ở tiền cảnh là đôi mắt chú chuồn chuồn còn khách thể là bóng núi. Bởi vậy, bài thơ vừa giúp người đọc hình dung về đôi mắt của chú chuồn chuồn lẫn bóng núi xa xa. Và cả hai lại trở thành khách thể trong mắt chủ thể nhà thơ, người ngắm cả chuồn chuồn lẫn bóng núi.

Khó có thể phân tích các liên tưởng thị giác, các yếu tố của hình ảnh thị giác xảy ra trong đầu người đọc khi

đọc thơ. Song chắc chắn có một không gian thị giác do nhà thơ tạo ra. Ở đó màu, nét, chuyển động, ánh sáng... có vai trò xúc cảm và nhận thức thế giới của nó. Thị trung hữu họa, nghĩa là trong thơ có họa, mà họa theo kiểu Vương Duy tức là chấm phá, là gợi mở, là tạo không gian chứ không phải mô tả. Rõ ràng các bài thơ tả cảnh chứ nên lạm dụng màu sắc, đường nét... Thơ định làm việc thay tranh là đi quá xa. Ngược lại, thơ không mang lại hoặc khó mang lại một liên tưởng thị giác cũng có cái nghèo nàn, ít xúc cảm. Rõ ràng, nhà thơ cần xúc cảm thị giác rất vi tế (không thể mà nhiều nhà thơ đã đồng nhất hoặc là những người tâm giao của các họa sĩ mọi thời) và người đọc thơ cũng cần con mắt hội họa, cần huy động các liên tưởng thị giác từ khi kinh nghiệm, từ bộ nhớ thị giác vốn rất phong phú của mình.

Thính giác

Thính giác cũng là giác quan có mặt rất nhiều trong văn học. Trong thi ca, có không ít những bài thơ được xây dựng cấu tứ từ tác động của ấn tượng thính giác. Trong văn chương trung đại các nước khu vực văn hóa chữ Hán thường có mô thức nghe mưa đêm, nghe sương rơi, nghe lá rơi, nghe tiếng suối, nghe tiếng chày đập áo, nghe tất cả mọi thanh âm của cuộc sống... hay âm nhạc được ví von, so sánh, liên tưởng đến những âm thanh thiên nhiên hay âm thanh chiến trận có ấn tượng thính giác cao độ. Chẳng hạn, như đoạn Nguyễn Du miêu tả tiếng đàn của Kiều:

*Khúc đau Hán, Sở chiến trường
Nghe ra tiếng sắt tiếng vàng chen nhau.*

Hay khi Bạch Cư Dị miêu tả tiếng đàn của người kỹ nữ trong *Tỳ bà hành*:

"Dây to nhường đổ mưa rào", "Mâm ngọc châu bỗng nảy hạt châu", "Trong hoa oanh riu rít nhau / Nước tuôn róc rách chảy mau xuống ghềnh", "Bình bạc vỡ tuôn đầy dòng nước / Ngựa sắt giông, xô xát tiếng đao"...

Trong tinh thần đó, thi nhân Nhật Bản cũng có cách cấu tứ bài thơ Haiku trên trục sự kiện hay ấn tượng thị giác.

Một lần ngang qua cánh rừng, nghe tiếng vượn hú nào nể, nhà thơ Basho nghĩ đến tiếng khóc của những em bé bị bỏ rơi trong khu rừng, ông viết:

*Tiếng vượn hú nào nể
Hay tiếng trẻ bị bỏ rơi than khóc
Gió mùa thu tái tê.*

Bài thơ được cảm nhận bắt đầu từ thính giác. Tại nghe tiếng vượn hú rồi nhà thơ liên tưởng đến nỗi đau trong cuộc sống con người (tiếng trẻ bị bỏ rơi). Đây không chỉ là sự chuyển đổi giữa nghe và nghĩ mà là một sự chuyển động giữa động và tĩnh: âm thanh bên ngoài, tiếng lòng sâu lắng của nhà thơ. Hai chi tiết tiếng vượn hú và tiếng trẻ bị bỏ rơi giữa cơn gió mùa thu tạo cho người đọc cảm nhận một bức tranh trong bài thơ vừa thật vừa ảo. Cái ảo là khoảng âm thanh không rõ ràng trong nhất thời, cái thực là chính là tiếng lòng của con người với thời cuộc nhân sinh tồn tại vĩnh hằng trong cuộc đời vốn có nhiều điều chưa nói hết.

Bài thơ giản dị trong sáng nhưng ý nghĩa tư tưởng lại vượt ra ngoài lớp vỏ ngôn từ ít ỏi.

Khi nghe tiếng chim đỗ quyên nhà thơ giật mình:

*Chim đỗ quyên hót
Ở kinh đô
Mà nhớ kinh đô.*

Tiếng chim là tín hiệu gợi nhớ của lòng người trong thơ ca từ xưa đến nay. Cũng thế, Basho một lần nghe tiếng chim đỗ quyên khoảng trống trong lòng lại ùa về như một ký ức day dứt khó quên. Điều dễ nói cũng là điều khó nói, thế mà nhà thơ đã thốt thành lời. Ở đây ý thơ chưa diễn đạt hết mọi cung bậc đến tận chiều sâu tâm hồn nhưng khoảng lặng đã làm cho lòng ta tự hỏi tiếng chim hay tiếng lòng của nhà thơ? Chủ thể trữ tình bị xóa nhòa, ranh giới giữa quê hương và con người giữa thời gian hiện thực với thời gian quá khứ và thời gian tương lai, được bắc cầu bằng tiếng chim đỗ quyên trong mùa hè, dưới chiếc cầu đó là dòng sông lòng cuộn cuộn...

Xin dẫn thêm một số bài thơ khác trong trường cảm quan này:

*Ao cũ
Con ếch nhảy vào
Vang tiếng nước xao.*
(Basho)

*Tôi vỗ bàn tay
Dưới trăng mùa hạ
Tiếng dội về ban mai.*
(Basho)

*Vắng lặng u trầm
Thấm sâu vào đá
Tiếng ve ngâm.*
(Basho)

Khứu giác

Hương gây mùi nhớ, trà khan giọng tình.

(Nguyễn Du)

Trong cảm xúc thì mùi vị (khứu giác, vị giác) là yếu tố chính để kích thích tâm hồn con người chứ không phải chỉ là sắc đẹp (thị giác) không chỉ là giọng nói (âm thanh) cũng không hẳn là dự cảm còn đọng lại trên da thịt. Khi nhận một mùi hương quen thuộc, bỗng nhiên ta nhớ lại một hình ảnh nào đó liên quan đến mùi hương đặc biệt ấy và một cảm xúc xuất hiện. Tại sao vậy? Vì cảm xúc đó là kết quả của một vòng phản xạ. Xét về mặt y học, các phân tử của mùi khi tiếp xúc với các thụ thể có trên niêm mạc mũi sẽ tạo ra một kích thích, từ đó theo dây thần kinh khứu giác chuyển về vỏ não và tạo ra ngay một cảm xúc. Mọi suy nghĩ hành động sẽ chịu ảnh hưởng trực tiếp từ cảm xúc đó.

Thơ ca nói chung và thơ Haiku nói riêng là một phương thức sống, trước khi trở nên là một hình thức nghệ thuật. Ở đó, con người phải sống trọn các giác quan của mình.

Chẳng hạn như bài thơ sau của Basho:

*Ở Yamanaka
Không cần ngắt hoa cúc bỏ vào
Mà nước suối vẫn thơm.*

Bài thơ chỉ được hiện hình trên một giác quan hết sức mỏng manh: đó là khứu giác. Nhà thơ nghe thấy được cả mùi vị của thiên nhiên qua cách so sánh ngầm từ mệnh đề phủ định: không cần bỏ hoa cúc nhưng nước suối cũng thơm tựa như hoa cúc. Nước suối thơm như hoa cúc qua khứu giác tinh nhạy của nhà thơ cũng là mùi vị thơm thảo của thiên nhiên. Ngay lúc đó, người đọc cũng như nghe thấy mùi vị thơm dịu, tinh khiết và mát lạnh. Nhà thơ không chỉ "ngửi" bằng mũi, mà thật ra đã "ngửi" bằng cả tấm lòng, cả trái tim.

Một bài thơ khác của Basho:

*Tiếng chuông chùa tan
Hương hoa buổi tối
Như còn ngân vang.*

Nói tới hương hoa, dù là ở đâu, chúng ta cũng đều đang hướng tới cái đẹp. Bởi vậy, hương hoa của Basho như đánh động một cái gì đó trong tâm can ta. Hương hoa chỉ tồn tại trên mặt giấy nhưng chúng ta như ngửi được làn hương ấy, thanh sạch ấy. Mùi hoa đơn sơ, khiêm giản nhưng gợi lên được một bầu không khí an nhiên, vương vấn. Ở bài thơ này, khứu giác và thính giác đã cùng nhau làm nhiệm vụ của mình, đem lại cảm xúc, cảm nhận cho người làm thơ.

Còn bài thơ sau, cũng của Basho, vô hình vô tướng, vô thanh vô sắc, vô ngã vô vật, chỉ có một mùa hương vô ưu và vô vi:

*Từ cây hoa nào
Mà ta không biết
Một làn hương trao.*

Xúc giác

Xúc giác là một trong những giác quan cũng được xuất hiện dù không nhiều trong thơ Haiku.

*Dưới làn nước trôi
Một con cua nhỏ
Bò lên chân tôi.*

(Basho)

Bài thơ có cấu tứ hết sức đơn giản dựa trên xúc giác khi chủ thể trữ tình để yên cho con cua nhỏ bò lên bàn chân ngâm nước của mình. Cảm giác xúc giác cụ thể của bài thơ đã bị nhà thơ loại bỏ hoàn toàn. Nhưng người đọc lại nảy sinh ra cảm xúc vi diệu về sự hòa hợp bởi hình ảnh mang tính vật ngã tương giao hết sức triu mến, một tình bạn dễ thương, một sự cộng sinh thân ái giữa hai sinh linh, giữa thiên nhiên, giữa cuộc đời.

Ở một bài thơ khác, xúc giác cũng được vận dụng hết sức khéo léo trong việc xây dựng từ cấu tứ cảm giác xúc giác:

*Qua cầu
Tay xách dép
Thật dễ chịu.*

(Buson)

Bài thơ chỉ từ một cảm giác "dễ chịu" nhưng lại bao hàm giá trị triết học sâu sắc. Bài thơ như là một sự đối thoại với điển tích Bồ-đề Đạt-ma qua sông bằng nhánh lau trong

truyền thuyết Phật giáo. Chủ thể trữ tình cũng đang làm một cuộc hành hương để tìm ra sự phóng thích. Hành động “*tay xách dép*” tượng trưng cho sự cởi bỏ bản ngã cố chấp ở bản thân, của tinh thần vô ngại, vô chấp. Chỉ có như vậy mới có thể có cảm giác dễ chịu từ một sự việc hết sức đơn giản như thế.

Vị giác

Vị giác rất ít xuất hiện trong thơ Haiku. Chúng tôi đơn cử trường hợp:

*Không bao giờ quên
Mùi vị cô đơn
Của giọt sương trắng.*

(Basho)

Bài thơ này của Basho xuất hiện vị giác, nhưng là vị giác có tính chất siêu hình. Bởi đối tượng của bài thơ là một thực thể có sẵn trong tự nhiên. Còn tính chất được tri nhận về đối tượng qua con đường vị giác lại có bản chất giả định, trừu tượng và phi thực. Song, giọt sương qua chiêm nghiệm của nhà thơ gợi lên cho chúng ta sự bất an về kiếp người hữu hạn, sự cô đơn mênh mông trong sâu thẳm mỗi con người.

Trên đây là ngũ giác quan con người trong việc tạo nên cấu tứ cho thơ Haiku. Xét về hiệu ứng tri nhận đối tượng, thơ Haiku có hai dạng thức. Dạng thức thứ nhất, Haiku dựa vào ngoại giác quan hoàn toàn (thị giác, thính giác, vị giác, xúc giác, khứu giác), hoặc kết hợp giữa ngoại giác quan và nội giác quan (cảm giác – một dạng năng lượng của tâm linh).

Hầu như, trong mỗi bài thơ nhỏ xinh ấy, chúng ta đều thấy có sự tổng hòa của các giác quan. Nhà thơ đã thức nhận các giác quan để có thể tiếp cận với đối tượng. Có thể nói, tuy thơ Haiku không miêu tả cảm giác nhưng vẫn đem lại cảm giác đậm đà hơn:

*Ôi tiếng ve kêu
Thấm sâu vào đá
Trong cội quạnh hiu.*

Bài thơ trên được Basho xây dựng trên nền thính giác và cảm giác. “*Tiếng ve kêu*” trong bài thơ có chức năng biểu vật là chính, tức là chỉ có chức năng làm cho chúng ta khu biệt được đối tượng “*tiếng ve kêu*” khác với các âm thanh khác. Mặt khác, sự miêu tả tính chất của đối tượng bị lược bỏ nên đối tượng chỉ là một hiện diện vô tri vô giác. Nhưng cảm giác xuất hiện, khi nhà thơ nhận thấy trong một giây phút siêu nhiên, dường như tiếng ve đã và đang dần dần thấm sâu vào vách đá, thì người đọc hình dung ra được một tiếng ve rõ ràng, đầy đủ âm sắc, cao độ, trường độ. Rồi cảm giác về một khoảng không hiu quạnh xuất hiện đã nâng đỡ tính chất biểu cảm của đối tượng. Đó là một tiếng ve đầy tính suy nghiệm về số phận con người, về lẽ sống trước quy luật của vũ trụ. Như vậy, đối tượng không những đã hiện diện mà còn sinh động, vang vọng từ trang thơ vào trái tim nhân thể qua con đường thính giác. Cảm giác ở trong bài thơ xuất hiện đến ba lần: lần thứ nhất là sự xuyên thấu của tiếng

ve vào vách đá, lần thứ hai là về khoảng không gian vô chiều kích và thứ ba là sự sinh động của vách đá. Ở lần thứ nhất, tiếng ve từ âm thanh đã chuyển sang trạng thái của chất lỏng. Chỉ có chất lỏng mới có khả năng thẩm thấu. Ở lần thứ ba, tảng đá vô tình bỗng như thành chứng nhân thẳm lạng của hư vô.

Ở một bài thơ khác của Ni sư Chiyo-ni (1703-1775) mới thật tuyệt vời:

*Trên bờ bãi triều lui
Những gì nhật lên được
Động dậy bồi hồi.*

Một cảm giác giăng mắc ở bài thơ đã neo lại một tứ thơ lộng lẫy: đó là sự vận động vi diệu của vũ trụ qua việc nhật vô sò. Chúng ta thấy ở bài thơ không có đối tượng được định danh cụ thể, mà lại được “mờ hóa”, tẩy trắng đi thành một phẩm danh chung chung “*những gì nhật lên được*”. Nhờ có ngữ cảnh là “*Trên bờ bãi triều lui*” người đọc mới biết là nhà thơ đang đi dọc bờ biển, đang nhật những sinh vật sống lẫn chết nằm lại khi thủy triều rút. Ý thơ vừa khép lại, nhưng tứ thơ đã mở ra bằng một cảm giác của chủ thể trữ tình: “*động dậy bồi hồi*”. Khai triển tứ thơ chỉ bằng một cảm giác như vậy thì quả là phi phàm. Từ cảm giác “động dậy” đó, cả nhà thơ lẫn người đọc đều nghe rõ từng nhịp triều lên xuống, từng tiếng thở của những sinh vật nhỏ bé, những tiếng vận động mơ hồ trong từ vi mô tế bào... hòa với nhịp đập trái tim cùng cảm quan của chủ thể trữ tình.

Dạng thức thứ hai, là cấu tứ bài thơ hoàn toàn nhận thức bằng nội giác quan. Chẳng hạn, bài thơ của Thiền sư Ryokan (1758-1831):

*Kẻ trộm kia
Đã không lấy đi
Vắng trắng nơi cửa sổ.*

Bài thơ có thể hiểu theo hai nghĩa. Theo nghĩa thực, sau khi kẻ trộm đi rồi, bằng thị giác, thiền sư vui mừng phát hiện vẫn còn lại một vắng trắng bên cửa sổ. Nhưng nếu hiểu theo nghĩa ẩn dụ, thì có thể không tồn tại một vắng trắng nào cả, không có một giác quan nào hoạt động cả. Nhưng tứ thơ lại lộng lộng vô cùng. Chính ở đây, trong tâm thức vô chấp vô ngã, vắng trắng được neo lại trong tâm trí người đọc. Cảm giác ở người đọc về một vắng trắng sáng láng, ảo huyền là cái đẹp muôn đời. Còn ở con mắt của Đạo, rõ ràng, Thiền sư Ryokan đang viết bài thơ về lẽ tồn sinh trên cõi đời này.

Cấu tứ ngũ giác quan là một kiểu cấu tứ độc đáo, gắn liền với kiểu tư duy duy cảm – duy mỹ ở người Nhật. Chính nhờ kiểu cấu tứ này, mà thơ Haiku tràn đầy sinh sắc, đi trước cả những chủ nghĩa sáng tác như Chủ nghĩa ấn tượng, Chủ nghĩa siêu thực ở văn chương phương Tây. Trường phái Tân cảm giác (Shin Kankaku-ha) đầu thế kỉ XX của Nhật với tên tuổi của Yasunari Kawabata là sự tiếp nối cảm quan này. Đây cũng là kiểu cấu tứ đầu tiên dẫn dắt chúng ta từng bước đi vào thế giới cấu tứ phong phú, đa dạng, linh hoạt của thơ Haiku Nhật Bản. ■

Nếp sống tu tập của người xuất gia

QUANG ĐẠO



Người quyết tâm theo đuổi giáo pháp giác ngộ của Đức Phật với mục đích giải thoát khổ đau sinh tử luân hồi, thể hiện qua việc cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, thì được gọi là tu sĩ (*pabbajita*), Sa-môn (*Samana*) hay Tỳ-kheo (*Bhikkhu*). Vị ấy chấp trì một nếp sống tu tập gọi là Phạm hạnh (*Brahmacariya*) hay Sa-môn hạnh (*Samanacariya*), tức chế độ đào luyện và phát triển toàn diện nhân tính theo lời Phật dạy bao gồm sự tu tập về giới đức (*sīlabhāvanā*), tu tập về tâm đức (*cittabhāvanā*) và tu tập về tuệ đức (*paññabhāvanā*) hướng đến mục đích giác ngộ hay còn gọi là thực hành con đường Giới (*Sīla*), Định (*Samādhi*), Tuệ (*Paññā*) đưa đến giải thoát (*vimutti*) và giải thoát tri kiến (*vimuttiñāna*). Do sự phát triển nhân tính được thực hiện trên nền tảng hướng thượng của giáo pháp Đức Phật nên sự tu tập về giới đức, tâm đức, tuệ đức cũng được gọi là thực hành Tăng thượng giới (*Adhisīla*), Tăng thượng tâm (*Adhicitta*), Tăng thượng trí tuệ (*Adhipaññā*), tức phương pháp đánh thức và nâng cao các phẩm chất đạo đức, tâm thức và trí tuệ ở bên trong con người. Đó là đạo lộ tu tập của người xuất gia hay còn gọi là Phạm hạnh, Sa-môn hạnh, tức nếp sống tu hành của người xuất gia, khiến cho người xuất gia từng bước hoàn thiện chính mình, đạt đến quả vị giác ngộ, thành tựu mục đích xuất gia tu học.

Đức Phật giảng dạy rất kỹ về ý nghĩa và cách thức thực hành nếp sống tu tập của người xuất gia. Trước hết, Ngài khuyên nhắc các Tỳ-kheo:

"Sa-môn! Sa-môn!" Đây các Tỳ-kheo, dân chúng biết các Thầy là vậy. Và nếu các Thầy được hỏi: "Các Thầy là ai?" Các Thầy phải tự nhận: "Chúng tôi là Sa-môn". Đây các Tỳ-kheo, các Thầy đã được danh xưng như vậy, đã tự nhận là như vậy, thì này các Tỳ-kheo, các Thầy phải tự tu tập như sau: "Chúng ta sẽ thọ trì và thực hành những pháp tác thành Sa-môn, những pháp tác thành Bà-la-môn. Như vậy, danh xưng này của chúng ta mới chân chánh và sự tự nhận này của chúng ta mới như thật. Và những đồ cúng dường mà chúng ta thọ hưởng như y phục, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh mới có được kết quả lớn, lợi ích lớn cho chúng ta. Và chúng ta xuất gia không thành vô dụng, có kết quả, có thành tích"¹.

Tiếp theo, Đức Phật trình bày chi tiết về các pháp tác thành Sa-môn, tác thành Bà-la-môn (chỉ cho một người đạt đến quả vị A-la-hán, chứng ngộ Niết-bàn), tức sự tu tập về giới đức, tâm đức, tuệ đức hay sự thực hành Tăng thượng giới, Tăng thượng tâm, Tăng thượng trí tuệ, đưa đến giải thoát và giải thoát tri kiến²:

I. Tu tập về giới đức (sīlabbhāvanā) hay thực hành Tăng thượng giới (Adhisila)

- Thực hành tầm quý: Nuôi dưỡng tâm lý xấu hổ và sợ hãi đối với thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác.

- Thực hành thân hành, khẩu hành, ý hành thanh tịnh: Quyết tâm từ bỏ mười ác nghiệp (sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, tham dục, sân hận, tà kiến); nỗ lực thực hành mười thiện nghiệp (không sát sanh, không lấy của không cho, không tà hạnh trong các dục, không nói láo, không nói hai lưỡi, không nói lời độc ác, không nói lời phù phiếm, không tham dục, không sân hận, có chánh kiến).

- Thực hành nuôi sống thanh tịnh: Nuôi sống bằng phương tiện chánh đáng, dựa vào sự hỷ cúng của người khác, không làm các nghề nghiệp bất chánh, tránh tích trữ tài sản.

- Thực hành hộ trì các căn: “Khi mắt thấy sắc, không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì vì con mắt không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, vị ấy chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì con mắt, thực hành sự hộ trì con mắt. Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì vì ý căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, vị ấy chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn”.

- Thực hành tiết độ trong ăn uống: “Như lý giác sát thọ dụng đồ ăn khát thực không phải để vui đùa, không phải để đam mê, không phải để trang sức, không phải để tự làm đẹp mình, mà chỉ để thân này được sống lâu và được bảo dưỡng, để (thân này) khỏi bị thương hại, để hỗ trợ phạm hạnh, nghĩ rằng: ‘Như vậy ta diệt trừ các cảm thọ cũ và không cho khởi lên cảm thọ mới, và ta sẽ không có lỗi lầm, sống được an ổn’”.

- Thực hành chú tâm cảnh giác: “Ban ngày đi kinh hành (hay) trong lúc ngồi, ta phải tẩy sạch tâm tư khỏi các pháp chướng ngại. Ban đêm canh một đi kinh hành (hay) trong lúc ngồi, ta phải tẩy sạch tâm tư khỏi các pháp chướng ngại. Ban đêm canh giữa, ta phải nằm đáng nằm con sư tử, nghiêng bên hông tay phải, một chân đặt trên chân kia, chánh niệm tỉnh giác, tâm nghĩ đến lúc thức dậy lại. Ban đêm canh đầu thức dậy, đi kinh hành (hay) trong lúc ngồi, ta phải tẩy sạch tâm tư khỏi các pháp chướng ngại”.

- Thực hành chánh niệm tỉnh giác: “Khi đi tới, khi đi lui đều tỉnh giác, khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tỉnh giác, khi co tay, khi duỗi tay đều tỉnh giác, khi mang y kép, bình bát, thượng y đều tỉnh giác, khi ăn uống, nhai, nuốt đều tỉnh giác, khi đi đại tiện, tiểu tiện đều tỉnh giác, khi đi đứng, nằm, thức, nói, yên lặng đều tỉnh giác”.

II. Tu tập về tâm đức (cittabbhāvanā) hay thực hành Tăng thượng tâm (Adhicitta)

- Lựa chọn nơi thích hợp để hành Thiền.

- Ngồi kiết-già, lưng thẳng, an trú niệm trước mặt (chú tâm vào đối tượng chọn lựa khi hành Thiền).

- Loại trừ năm triền cái: tham dục, sân hận, hôn trầm thuy miên, trạo hối, nghi ngờ; cảm nhận sự thoải mái, sung sướng, hân hoan, thanh thản, giống như người mắc nợ được thoát khỏi nợ nần, như người bệnh thoát khỏi cơn bệnh, như người tù được phóng thích, như người nô lệ được thoát khỏi cảnh nô lệ, như người buôn lớn đi qua sa mạc với tính mạng và tài sản được an toàn.

- Chứng và trú Thiền thứ nhất: “Sau khi đã đoạn trừ năm triền cái này, những pháp làm ô nhiễm tâm tư, làm yếu ớt trí tuệ, vị ấy ly dục, ly ác, bất thiện pháp chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Vị ấy thấm nhuần, tắm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân này với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không có hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần. Đây các Tỳ-kheo, như một người hầu tắm lão luyện, hay đệ tử người hầu tắm, sau khi rắc bột tắm trong thau bằng đồng, liền nhồi bột ấy với nước, cục bột tắm ấy được thấm nhuần nước ướt, trào trộn với nước ướt, thấm ướt cả trong lẫn ngoài với nước, nhưng không chảy thành giọt. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo thấm nhuần, tắm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân này với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần”.

- Chứng và trú Thiền thứ hai: “Vị ấy diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Vị ấy thấm nhuần, tắm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân này với hỷ lạc do định sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do định sanh ấy thấm nhuần. Đây các Tỳ-kheo, ví như một hồ nước, nước từ trong dâng lên, phương Đông không có lỗ nước chảy ra, phương Tây không có lỗ nước chảy ra, phương Bắc không có lỗ nước chảy ra, phương Nam không có lỗ nước chảy ra, và thỉnh thoảng trời mưa lớn. Suối nước mát từ hồ nước ấy phun ra, thấm nhuần, tắm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy hồ nước ấy, với nước mát lạnh, không một chỗ nào của hồ nước ấy không được nước mát lạnh thấm nhuần. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, vị ấy thấm nhuần, tắm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do định sanh không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do định sanh thấm nhuần”.



- Chứng và trú Thiền thứ ba: “Vị ấy ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là “xả niệm lạc trú”, chứng và trú Thiền thứ ba. Vị ấy thấm nhuần, tắm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân này với lạc thọ không có hỷ ấy, không một chỗ nào trên toàn thân không được lạc thọ không có hỷ ấy thấm nhuần. Nay các Tỳ-kheo, ví như trong hồ sen xanh, hồ sen hồng, hồ sen trắng, có những sen xanh, sen hồng hay sen trắng. Những bông sen ấy sanh trong nước, lớn lên trong nước, không vượt khỏi nước, nuôi sống dưới nước, từ đầu ngọn cho đến gốc rễ đều thấm nhuần, tắm ướt, tràn đầy thấu suốt bởi nước mát lạnh ấy, không một chỗ nào của toàn thể sen xanh, sen hồng hay sen trắng không được nước mát lạnh ấy thấm nhuần. Cũng vậy, nay các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo thấm nhuần, tắm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân này với lạc thọ không có hỷ ấy, không một chỗ nào trên toàn thân không được lạc thọ không có hỷ ấy thấm nhuần”.

- Chứng và trú Thiền thứ tư: “Vị ấy xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Vị ấy thấm nhuần toàn thân mình với tâm thuần tịnh trong sáng, không một chỗ nào trên toàn thân không được tâm thuần tịnh trong sáng ấy thấm nhuần. Nay các Tỳ-kheo, ví như một người ngồi, dùng tấm vải trắng trùm đầu, không một chỗ nào trên toàn thân không được vải trắng ấy che thấu. Cũng vậy, nay các Tỳ-kheo, vị ấy ngồi thấm nhuần toàn thân mình với tâm thuần tịnh trong sáng, không một chỗ nào trên toàn thân không được tâm thuần tịnh trong sáng ấy thấm nhuần”.

III. Tu tập về tuệ đức (pannàhàvanà) hay thực hành Tăng thượng trí tuệ (Adhipannà)

- Thành tựu Túc mạng minh hay quán sát về khổ đau

luân hồi của tự thân: “Với tâm định tĩnh, thuần tịnh trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình tĩnh như vậy, vị ấy dẫn tâm, hướng tâm đến Túc mạng minh. Vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp. Vị ấy nhớ rằng: ‘Tại chỗ kia, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sinh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây’. Như vậy, vị ấy nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết. Nay các Tỳ-kheo, ví như một người đi từ làng mình đến làng khác, từ làng ấy đi đến một làng khác nữa, và từ làng này lại trở về làng của mình, người ấy nghĩ: ‘Ta từ làng của mình đi đến làng kia, nơi đây, ta đã đứng như thế này, đã ngồi như thế này, đã nói như thế này, đã yên lặng như thế này. Từ nơi làng nọ, ta đã trở về làng của ta’. Cũng vậy, nay các Tỳ-kheo, với tâm định tĩnh, thuần tịnh trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình tĩnh như vậy, vị ấy dẫn tâm, hướng tâm đến, Túc mạng minh. Vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ, như một đời, hai đời... Như vậy, vị ấy nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết”.

- Thành tựu Thiên nhãn minh hay quán sát về sự kiện khổ đau tái sinh của hết thảy chúng sanh do nghiệp lực: “Với tâm định tĩnh, thuần tịnh trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình tĩnh như vậy, vị ấy dẫn tâm, hướng tâm đến trí tuệ về sanh tử của chúng sanh. Vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Những chúng sanh làm những ác hạnh về thân, lời và ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn những chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, lời và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, cõi Trời, trên đời này. Như vậy, vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ. Nay các Tỳ-kheo, ví như có hai nhà có cửa, và ở đây, một người có mắt đứng ở giữa, người này có thể thấy các người khác đi vào nhà, đi

ra, đi qua, đi lại. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, vị ấy với Thiên nhân thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang... đều do hạnh nghiệp của họ”.

- Thành tựu Lưu tận minh hay quán sâu về bốn sự thật (khổ, khổ tập, khổ diệt, con đường đưa đến khổ diệt) và các lậu hoặc (gốc rễ của khổ đau) để quyết tâm dứt trừ khổ đau: “Với tâm định tĩnh, thuần tịnh trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình tĩnh như vậy, vị ấy dẫn tâm, hướng tâm, đến Lưu tận trí. Vị ấy biết như thật: ‘Đây là khổ’, biết như thật: ‘Đây là Nguyên nhân của Khổ’, biết như thật: ‘Đây là sự Diệt khổ’, biết như thật: ‘Đây là con đường đưa đến diệt khổ’; biết như thật: ‘Đây là những lậu hoặc’, biết như thật: ‘Đây là nguyên nhân của các lậu hoặc’, biết như thật: ‘Đây là sự đoạn trừ các lậu hoặc’, biết như thật: ‘Đây là con đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoặc’. Này các Tỳ-kheo, ví như tại dãy núi lớn có một hồ nước, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, một người có mắt, đứng trên bờ sẽ thấy con hến, con sò, những hòn đá, hòn sạn, những đàn cá bơi qua lại hay đứng một chỗ. Vị ấy nghĩ: ‘Đây là hồ nước thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm. Đây là những con hến, con sò, những hòn đá, hòn sạn, những đàn cá đang bơi qua lại hay đứng yên một chỗ’. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo biết như thật: ‘Đây là khổ... biết như thật: ‘Đây là Con đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoặc’”.

IV. Chứng đắc giải thoát (vimutti)

- Tâm thoát khỏi dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu, không còn ô nhiễm, phiền não hay khổ đau: “Nhờ hiểu biết như vậy, nhận thức như vậy, tâm của vị ấy thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu”.

V. Đạt đến giải thoát tri kiến (vimuttināna)

- Biết rõ mình đã giải thoát, đã giác ngộ: “Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, khởi lên sự hiểu biết: ‘Ta đã giải thoát’. Vị ấy tuệ tri: ‘Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm xong, sau đời hiện tại không có đời sống nào khác nữa’”.

Đức Thế Tôn xác nhận một Tỳ-kheo hay người xuất gia nỗ lực hoàn tất nếp sống tu tập trên thì được gọi là Samôn (Samana), Bà-la-môn (Brahmana), vị đã tẩy sạch se (nahata), vị đã biết và hiểu rõ (vedagū), bậc có học (sottiya), bậc Thánh (Ariya), hay bậc A-la-hán (Arahanta), nghĩa là người đã làm cho dừng lại, đã tận xuất, đã tẩy sạch se, đã biết và hiểu rõ, đã tiêu diệt, đã làm cho xa lìa, đã đoạn tận các ác, bất thiện pháp (tham-sân-si hay dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu), những pháp này ô nhiễm, đưa đến tái sanh, đáng sợ hãi, đem lại khổ quả, đưa đến sanh, già, chết trong tương lai.³ ■

Chú thích:

1. Đại kinh Xóm ngựa, Trung Bộ.
2. Xem chi tiết ở Đại kinh Xóm ngựa, Trung Bộ.
3. Đại kinh Xóm ngựa, Trung Bộ.

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2015

Ban Biên tập Văn Hóa Phật Giáo đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2015, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo Văn Hóa Phật Giáo đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả	: 50 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga	: 44 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm, Vina Giấy	: 45 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu	: 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng	: 25 cuốn/kỳ
PT Chánh An & Chơn Hòa	: 14 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu	: 12 cuốn/kỳ
Đđ. Thích Viên Anh + Đđ. Thích Viên Hải,	
Chùa Bảo An	: 12 cuốn/kỳ
Cô Nga	: 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiền, Tâm Hoa (USA)	: 10 cuốn/kỳ
Ô. Văn Cát Tiên	: 10 cuốn/kỳ
Ô. Huỳnh Văn Lộc, Q.BT	: 10 cuốn/kỳ
Tác giả Miên Ngọc	: 10 cuốn/kỳ
Nhà sách Thái Hà	: 10 cuốn/kỳ
Bà Lương Thị Ngọc Hạnh,	
Q.5, PD: Diệu Đức	: 10 cuốn/kỳ
Ô. Trần Quốc Định	: 10 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Định	: 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh	: 9 cuốn/kỳ
Phật tử Nguyễn Thị Hoa	: 7 cuốn/kỳ
Cô Cẩm Hà (USA)	: 6 cuốn/kỳ
Hồng Phúc & Xuân An	: 6 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Khôi	: 5 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q.BT	: 5 cuốn/kỳ

Cửa hàng Tâm Thuận	: 5 cuốn/kỳ
Cô Tú Oanh, Hà Nội	: 5 cuốn/kỳ
Ô/Bà Nguyễn Văn Bản, USA	: 5 cuốn/kỳ
Phật tử Trương Trọng Lợi	: 5 cuốn/kỳ
Ô. Lê Xuân Triều, Q.BT	: 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Kim Sơn, Q.2	: 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Thị Ngọc, Phan Thiết	: 5 cuốn/kỳ
Lakinh.com	: 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Hòa	: 4 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Thị Ninh, USA	: 4 cuốn/kỳ
Cô Huệ Hương	: 4 cuốn/kỳ
Bà Trần Thị Bích Trâm	: 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Tự Phương Thúy	: 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Thị Thu Thanh	: 3 cuốn/kỳ
Bà Phạm Thị Kim Anh	: 3 cuốn/kỳ
Cháu Thiên An	: 3 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Ân	: 2 cuốn/kỳ
BBT www.thuongchieu.net	: 2 cuốn/kỳ
Chị Tuyền,	
Cty TNHH Cơ khí Mè Linh	: 2 cuốn/kỳ
Bà Kim Anh, Q.2	: 2 cuốn/kỳ
Phật tử Từ Minh	: 2 cuốn/kỳ
BBT Viện khongtu.com	: 2 cuốn/kỳ
Cty Nén Hạnh Phúc, Q.BT	: 2 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh	: 2 cuốn/kỳ

Cty TNHH Thép Thiên Tâm	: 2 cuốn/kỳ
Cty Tân Hiệp, Q.6	: 2 cuốn/kỳ
Ô. Lê Hưng Khanh, Gò Vấp	: 2 cuốn/kỳ
Nguyễn Dũng	: 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Kính	: 2 cuốn/kỳ
Bác sĩ Thanh, Q.3, TP.HCM	: 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Mỹ	: 1 cuốn/kỳ
Cô Diệp Anh và Chị Ngân	: 1 cuốn/kỳ
Cô Kim	: 1 cuốn/kỳ
Phật tử Chánh Hiếu Trung	: 1 cuốn/kỳ
Phật tử Bùi Quang Việt	: 1 cuốn/kỳ
Thầy Hạnh Thông, TCFH ĐN	: 1 cuốn/kỳ
Cty Dược phẩm Phúc Thiện	: 1 cuốn/kỳ
Chị Kiều Oanh	: 1 cuốn/kỳ
PT. Nguyen Thuan	
(namgio1942@yahoo.com)	: 1 cuốn/kỳ
Cô Châu	: 1 cuốn/kỳ
Tổng số báo tặng kỳ này:	454 cuốn

Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: **Tòa soạn, Phòng Phát hành VHPG: (08) 3 8484 335.**

Email: toasoanvhp@gmail.com

Ban Biên tập



Tánh Không và an lạc

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

Pháp thân Phật là tánh Không không hình không tướng ở khắp như hư không. Báo thân là quang minh và Hóa thân là thân vật chất; hai thân này được gọi là Sắc thân. Sắc thân được ứng hiện từ Pháp thân và không lìa Pháp thân. Một trong những tính cách của sắc thân là an lạc:

*Phật thân cùng khắp đầy pháp giới
Khắp ứng chúng sanh đều hiện tiền
Các thứ giáo môn thường dạy trao
Nơi pháp tự tại hay khai ngộ.
Trong các điều vui của thế gian
Thánh tịch diệt lạc là tối thượng*

*Trụ trong pháp tánh rộng mênh mông
Thiên vương Diêu Nhân quan sát thấy.*

(Phẩm Thế chủ Diêu Nghiêm, thứ 1)

Chư Phật, Đại Bồ-tát ứng hiện thân nơi thế gian, thân ấy lấy pháp thân làm nền tảng nên chứa cái vui cao nhất của thế gian là “thánh tịch diệt lạc”. Hóa thân của một bậc giác ngộ là bốn đại đã được chuyển hóa thành lạc tịch diệt tối thượng.

Phẩm Như Lai xuất hiện, thứ 37, nói quang minh Như Lai (Báo thân) “khiến sanh hoan hỷ”, “hay làm cho tất cả chúng sanh đều được hoan hỷ”:

“Các Bồ-tát trước đó đã thành tựu những địa khi thấy quang minh này thì lại được thanh tịnh hơn, tất cả thiện căn thấy đều thành thực, hướng đến Nhất thiết trí. Các bậc Nhị thừa thì diệt tất cả phiền não. Những chúng sanh khác mù tối, nhờ quang minh này thân họ được lạc phúc, tâm trở nên thanh tịnh, nhu nhuyễn, dễ uốn nắn để có thể tu chánh niệm và trí huệ. Những chúng sanh trong những cõi địa ngục, quỷ đói, súc sanh đều được khoải lạc, giải thoát những khổ và khi chết được sanh lên cõi trời hoặc cõi người”.

Bản chất của quang minh hay báo thân là lạc phúc, hoan hỷ, nên khi chúng sanh tiếp xúc được với nó thì đều được lạc phúc, hoan hỷ.

Báo thân có nền tảng là Pháp thân và luôn luôn đi cùng Pháp thân. Như thế Lạc và Không luôn luôn đi cùng nhau, không tách rời. Đây cũng là sự thành tựu tối cao của các Tantra Mật thừa: sự bất nhị của tánh Không và đại lạc (mahasukha).

Đức Đạt-lai Lạt-ma thứ XIV nói: *“Trong những Tantra Yoga tối thượng, như Kalachakra, giai đoạn cuối là samadhi, trong đó lạc bất biến tối thượng sanh khởi”* (Tantra in Tibet, Dalai Lama XIV, 1987 - Mật thừa Tây Tạng, chương Kim cương thừa, Nxb Thiện Tri Thức, 1999).

Bài kệ của Ban-thiền Lạt-ma thứ VI nói:

*Nguyên rằng con thành tựu thông điệp Bất Nhị sâu xa
Của hai giai đoạn thiền định được dạy trong Guhyasamaja,
Yamantaka, Heruka Chakrasamvara và Kalachakra.
Như thế trong nội đời này con hoàn thành chứng ngộ
Tịnh quang và thân huyễn trong hợp nhất viên mãn
Hay thân không hợp nhất với lạc phúc bất biến.
(Sự tu hành Kalachakra, Glenn Mullin, TTT dịch, 2009)*

Chúng ta tìm hiểu tiếp về vấn đề tánh Không và an lạc này ở tam muội thứ 8 trong 10 tam muội của phẩm *Hiển Thủ*, thứ 12, đặc biệt nói về quang minh. Mười tam muội này do Bồ-tát Hiển Thủ nói cho các Bồ-tát cầu chứng giác ngộ, “những công đức đó chẳng lường được, nay tôi tùy sức nói ít phần”.

Tam muội thứ 8 nói về những quang minh mà khi phóng ra đem đến an lạc cho chúng sanh. Có thể đặt tên cho tam muội này là Quang minh tam muội. Quang minh tam muội thứ nhất có tên là An Lạc

*Có thắng tam muội tên An Lạc
Hay khắp cứu độ các quần sanh
Phóng đại quang minh chẳng nghĩ bàn
Khiến ai được thấy đều điều phục...*

Quang minh khi phóng ra thì tất cả những sự tiêu cực xấu xa bị tiêu diệt: “bao nhiêu ám chướng đều tiêu trừ”, “rưới tắt những khát ái thế gian”, “vượt qua được bốn dòng nước dữ”, và hiển bày những công đức khiến chúng sanh thực hành Phật pháp để giải thoát. Thế nên một quang minh có tên là Thiện Hiện, sự xuất hiện của những cái thiện.

Khi những tiêu cực đó được xua tan thì an lạc bèn đến. Có quang minh tên là Hoan Hỷ vì làm cho chúng sanh hoan hỷ, ưa làm những hoạt động đem đến sự vui thích cho thân tâm và rồi thành tựu quang minh cho chính mình:

*Lại phóng quang minh tên Hoan Hỷ
Quang này thức tỉnh tất cả chúng
Khiến họ ái mộ giác ngộ, Phật
Phát tâm nguyện chứng vô sư đạo.
Tạo lập tượng Như Lai đại bi
Tướng hảo trang nghiêm ngự tòa sen
Luôn ca ngợi những thắng công đức
Do đây thành được quang minh này.*

Quang minh Báo thân thành tựu là do công đức được làm y vào Pháp thân tánh Không, “do bốn hạnh xưa được quang minh”:

*Nếu ai tự tu các phước nghiệp
Cúng dường chư Phật vô lượng số
Nơi công đức Phật thường nguyện cầu
Được quang minh này làm giác ngộ.*

Quang minh là do công đức, nguyện và hạnh hợp thành, do đó quang minh là Báo thân. Báo thân nghĩa là thân lạc phúc, vì Báo thân còn được dịch là “Thọ pháp lạc Phật”.

Quang minh ấy là an lạc và làm cho người khác chuyển dục lạc thành an lạc. Việc phóng quang hân là do năng lực của từ bi nơi một Bồ-tát:

*Lại phóng quang minh tên Diệt Ái
Quang này thức tỉnh tất cả chúng
Khiến họ xa lìa cảnh năm dục
Trụ nơi diệu vị của giải thoát.
Nếu hay lìa bỏ cảnh năm dục
Tâm trụ diệu vị của giải thoát
Thì hay dùng cam lộ Phật pháp
Rưới tắt những khát ái thế gian.
Bồ thí ao giếng và dòng suối
Chuyên cần đạo giác ngộ vô thượng
Trách năm dục, ca ngợi thiền định
Do đây được thành quang minh này.*

Cũng nhờ quang minh của Báo thân mà người ta có thể đi sâu vào Pháp thân tánh Không và giúp người khác thấu đạt tánh Không, bởi vì Báo thân quang minh chẳng hề lìa Pháp thân tánh Không.

*Lại phóng quang minh tên Huệ Đăng
Quang này thức tỉnh tất cả chúng
Khiến biết chúng sanh tánh Không tịch
Tất cả các pháp vô sở hữu.
Diễn nói các pháp không, vô chủ
Như huyễn, ngọn lửa, trăng dưới nước
Cũng như giấc mộng, bóng trong gương
Do đây thành được quang minh này.*

Có quang minh tên là An Ổn, từ an ổn hết khổ đau
mà được an lạc. Lại có quang minh khiến người vui
mừng với Pháp:

*Lại phóng quang minh tên An Ổn
Quang này chiếu đến người tật bệnh
Khiến trừ tất cả sự khổ đau
Đều được an lạc trong chánh định...
Lại phóng quang minh tên Lạc Pháp
Quang này giác ngộ tất cả chúng
Khiến nơi chánh pháp luôn mền thích
Lóng nghe diễn thuyết và biên chép
Lúc pháp sắp diệt hay diễn thuyết
Khiến người cầu pháp ý thỏa mãn
Mền thích chánh pháp siêng tu tập
Do đây được thành quang minh này.*

Quang minh Báo thân này một khi thấm vào tâm, từ
tâm thấm ra đến khẩu, và cuối cùng ra đến thân, nghĩa
là ra đến các giác quan và chuyển hóa các giác quan:

*Lại phóng quang minh tên Diệu Âm
Quang này khai ngộ các Bồ-tát
Tất cả các tiếng trong ba cõi
Đều khiến người nghe là tiếng Phật.
Lớn tiếng ca ngợi tán thán Phật
Bồ thí chuông linh các âm nhạc
Khiến khắp thế gian nghe âm Phật
Do đây được thành quang minh này.*

Do quang minh này, mắt tai mũi lưỡi thân ý, các giác
quan đều trở nên thanh tịnh, kinh nghiệm được cõi
giới của Phật, hay là pháp giới:

*Lại phóng quang tên Mắt Thanh Tịnh
Hay khiến người mù được nhìn thấy
Đem đèn cúng Phật và tháp Phật
Do đây được thành quang minh này...
Lại phóng quang tên Tai Thanh Tịnh
Hay khiến người điếc được nghe tiếng
Trống nhạc cúng Phật và tháp Phật
Do đây được thành quang minh này...*

Do quang minh này sắc thanh hương vị xúc pháp
đều thành thanh tịnh, nghĩa là trở lại bản tánh thanh
tịnh của chúng, do đó cảnh vật đối tượng đều thành
cõi tịnh độ, cõi Phật:

*Lại phóng quang tên Sắc Thanh Tịnh
Khiến thấy Phật sắc chẳng nghĩ bàn
Đem những Phật sắc trang nghiêm tháp
Do đây được thành quang minh này.
Lại phóng quang tên Thanh Thanh Tịnh
Khiến biết tánh thanh vốn không tịch
Quán thanh duyên khởi như tiếng vang
Do đây được thành quang minh ấy.
Lại phóng quang tên Hương Thanh Tịnh
Khiến mọi vật hôi đều thơm sạch
Nước thơm rửa tháp, cây bồ-đề
Do đây được thành quang minh ấy.
Lại phóng quang tên Vị Thanh Tịnh
Hay trừ tất cả độc trong vị
Hằng cúng dường Phật, Tăng, Mẹ Cha
Do đây được thành quang minh ấy.
Lại phóng quang tên Xúc Thanh Tịnh
Hay khiến thô nhám thành dịu êm
Dù thương đao kiếm trên rơi xuống
Đều khiến biến thành tràng hoa đẹp.
Bồi xưa từng ở giữa đường sá
Thoa hương, rải hoa, trải y phục
Rước đưa chư Phật đi trên đó
Vị thế nay được quang minh này...*

Kinh còn nhiều đoạn nữa, nhưng cũng đủ cho chúng
ta thấy quang minh tức Báo thân an lạc không lìa Pháp
thân tánh Không, chuyển hóa thân tâm và thế giới này
thành môi trường của an lạc hay cõi Phật thanh tịnh.
Đó là sự chuyển hóa sanh tử thành Niết-bàn, là một
mục đích tu chứng của Đại thừa.

Khi một Bồ-tát chuyển hóa thế giới vật chất sanh tử
khổ đau thành thanh tịnh, thiêng liêng, an lạc, thì thân
tâm và thế giới trở thành Hóa thân của vị ấy. Sự chuyển
hóa này là do Báo thân quang minh an lạc không lìa
khỏi Pháp thân tánh Không mà thành tựu.

Kinh dạy mỗi chúng ta vẫn có ba thân Pháp, Báo,
Hóa, dù ở dạng tiềm năng. Chúng ta vẫn đang có Báo
thân dù chưa phóng quang minh được vì chưa đủ trí
huệ và công đức. Phật pháp là để cho chúng ta khai
mở quang minh Báo thân ấy, sử dụng nó làm lợi lạc cho
mình cho người để biến cuộc đời sanh tử của chúng ta
thành môi trường của an lạc và tự do.

Với một vị Phật thì ở đâu cũng là Tịnh độ, ở đâu cũng
là cảnh giới của tánh Không và an lạc:

*"Đại Bồ-tát dùng trí huệ vô ngại biết tất cả cảnh giới
thế gian là cảnh giới Như Lai. Biết tất cả cảnh giới ba đời,
tất cả cõi cảnh giới, tất cả pháp cảnh giới, tất cả chúng
sanh cảnh giới, chân như vô sai biệt cảnh giới, pháp giới
vô chướng ngại cảnh giới, thật tế vô biên tế cảnh giới, hư
không vô phần lượng cảnh giới, cảnh giới không cảnh
giới, đều là Như Lai cảnh giới".*

(Phẩm Như Lai xuất hiện, thứ 37) ■

Thiền Phật giáo trong thời kỳ hội nhập

THÍCH NỮ HÀNG LIÊN

Nhận thức về Thiền

Bắt nguồn từ chiếc nôi Phật giáo Ấn Độ, ngày nay phương pháp thiền học của Đức Phật được giảng dạy rộng rãi khắp nơi trên thế giới. Trong tinh thần “tùy duyên bất biến”, thiền Phật giáo đã hòa nhập và phát triển cùng văn hóa của mỗi quốc gia tạo nên các dòng thiền với nhiều sắc thái linh động khác nhau. Tại Việt Nam, thiền được chư vị tổ sư kết hợp hài hòa với văn hóa và uyển chuyển đi vào cuộc sống tạo nên những trang sử hào hùng của dân tộc. Có thể nói, thiền là tinh hoa vi diệu của Phật giáo với tôn chỉ duy nhất là sự giác ngộ hướng đến giải thoát khổ đau hoàn toàn, nên hầu hết các tông phái Phật giáo đều dùng thiền làm căn bản cho sự tu tập trên con đường cải thiện tâm linh. Đây là tiến trình giải thoát, thiết lập vững chắc trên ba giai đoạn: giới (Sila), định (samādhi) và tuệ (pañña).

Thiền, theo ngôn ngữ gốc Pāli “Bhāvanā” có nghĩa là “sự luyện tập, trau dồi hay tập cho quen dần”, nhưng do kinh sách dịch thuật thường có sự nhầm lẫn giữa hai từ Bhāvanā với Jhāna (định: trạng thái tâm tĩnh lặng trong thiền) nên thiền trở thành bí ẩn và khó hiểu đối với người muốn tu tập. Thật ra, thiền có hai loại thực hành căn bản là Samatha Bhāvanā (Thiền chỉ hay Thiền định) và Vipassanā Bhāvanā (Thiền quán hay Thiền tuệ). Sự khác biệt chủ yếu giữa hai loại thiền này là *Thiền chỉ* giúp hành giả đạt được tâm an tịnh, làm giảm bớt phiền não nhưng không hoàn toàn đoạn tận khổ đau; trong khi đó *Thiền quán* có khả năng đoạn tận gốc phiền não nhờ phát triển tuệ giác về vô thường, khổ và vô ngã. Thiền chỉ có trước khi đạo Phật ra đời và Thiền quán là sự khám phá vĩ đại của Đức Phật đã cống hiến cho nhân loại.

Sử liệu Phật giáo ghi nhận, Đức Phật là một bậc đại trí tuệ và từ bi, thuộc nhân vật lịch sử chứ không phải là một nhân vật thần thoại. Cách đây hơn 26 thế kỷ, sự thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của Ngài là sự tu hành trải nghiệm qua con đường Thiền định (Samatha) và Thiền tuệ (Vipassanā) để tịnh hóa dòng tâm thức và đoạn tận khổ đau. Tuy nhiên, thực hành thiền Phật giáo không chỉ giới hạn dành riêng cho người Phật tử tu tập mà còn áp dụng chung cho bất cứ ai đau khổ hướng đến mục tiêu tâm linh cao cả nhất của sự giác ngộ và giải thoát hoàn toàn.

Sự rèn luyện tâm thức theo phương pháp thiền là từng bước thanh tịnh tâm, chuyển hóa mê lầm thành hiểu biết sáng suốt và cuối cùng vượt thoát phiền muộn, khổ đau đạt đến hạnh phúc chân thật. Nhìn chung, áp dụng thiền trong cuộc sống của bất cứ thời đại nào đều sẽ giúp con người biết sửa chữa những sai lầm cá nhân và sống phù hợp với quy luật tự nhiên.

Giáo dục Thiền nhằm đáp ứng nhu cầu tâm linh trong thời kỳ hội nhập

Trước đây người ta vẫn thường có những nhận định sai lạc về thiền Phật giáo, cho rằng thiền là một pháp tu mang tính tâm linh huyền bí cao siêu chỉ dành riêng cho người tu hành giải thoát chứ không liên quan gì đến thế gian. Thật ra, thiền là sự tu luyện bên trong dòng tâm thức con người, nó vốn trừu tượng, mệnh mông, nếu không có người có kinh nghiệm hướng dẫn sẽ dễ bị rơi vào hoang tưởng và khủng hoảng tinh thần hay còn gọi là “tẩu hỏa nhập ma”... Chính điểm này đã làm cho thiền dường như bị đóng khung trong nhà Phật, khiến không mấy ai hiểu hết giá trị cao quý của thiền và không dám thực tập thiền trong cuộc sống.

Tuy nhiên, dưới ánh sáng văn minh của thời đại khoa học, khi loài người cùng lật ngược quá khứ để nghiên cứu về tôn giáo thì không một học giả nào có thể phủ nhận được sự đóng góp to lớn của Phật giáo nói chung hay pháp môn thiền nói riêng đối với nhân loại trong tất cả các lĩnh vực. Trong đó, lĩnh vực giáo dục con người là một lĩnh vực quan trọng được Đức Thế Tôn nhắc đến nhiều lần; đồng thời, Ngài đưa ra những phương thức giáo dục con người là bằng hành động cụ thể chứ không phải là một triết lý hay một luận lý suông. Sự áp dụng lời dạy của Đức Phật không chỉ tác động lớn đến đời sống cá nhân mà còn ảnh hưởng sâu rộng đến xã hội nhân sinh, như khoa học gia Albert Einstein đã từng nói: “*Phật giáo là một tôn giáo khoa học đã có những đóng góp vĩ đại cho nhân sinh*”.

Phương thức giáo dục hữu hiệu nhất trong Phật giáo là nhấn mạnh đến sự chuyển hóa của từng cá nhân để mỗi người đều tự nhận biết trách nhiệm của mình trong tập thể, vì mỗi con người có khả năng nhận thức, tình cảm, trí tuệ và môi trường sống khác nhau. Cũng vậy, Đức Phật dạy mỗi chúng hữu tình hãy tự làm chủ chính

mình, hãy làm chủ những giây phút hiện tại trong cuộc sống, đây là một trong những cách giáo dục đặc sắc mà Ngài đã truyền dạy trong kinh *Tương Ưng*:

*Không than việc đã qua,
Không mong việc sắp tới,
Sống ngay với hiện tại,
Do vậy, sắc thù diệt.
Do mong việc sắp tới,
Do than việc đã qua,
Nên kẻ ngu héo mòn,
Như lau xanh lìa cành.*

(Phẩm *Cây lau*)¹

Ngày nay, khi nghiên cứu về tâm lý giáo dục hiện đại, nhất là ngành tâm lý trị liệu, chúng ta sẽ bắt gặp nhiều người bị rối loạn tâm lý, tinh thần sầu muộn... những trường hợp này đa phần đều do tư duy không lành mạnh của cá nhân; nhất là những tư duy về quá khứ không thiết thực cũng như các mơ ước tương lai hão huyền khiến con người mất tự chủ, tồi tệ hơn là đánh mất chính mình. Chính vì vậy, giáo dục Thiền học giúp con người làm chủ cảm xúc của tự thân là một nhu cầu thiết yếu không thể thiếu trong thế giới hiện đại. Khi nhân loại càng tiến đến đỉnh cao của nền văn minh vật chất, chính là lúc con người cần phải tu tập giá trị tâm linh để quân bình trong cuộc sống.

Trên thực tế, thời kỳ quốc tế hội nhập và phát triển là cơ hội để con người thăng hoa trong cuộc sống, nhưng trái lại họ càng trở nên bận rộn, mệt mỏi và chịu nhiều áp lực khi phải đối diện với những thách thức và cạnh tranh. Phương tiện khoa học tân tiến đã làm tăng thêm nhịp sống hối hả và lo toan, khiến người có cảm giác như không còn đủ thời gian để thực hiện mọi công việc hằng ngày. Có thể nói, ước mơ tìm về cuộc sống lý tưởng của con người đã đánh đổi tất cả sức lực và tài năng của mình để rồi chưa bao giờ tìm thấy hạnh phúc. Như vậy, một nền giáo dục nhân bản trao truyền về kiến thức, thể dục, đức dục, mỹ học, sinh lý và lao động vẫn không thể nói lên được ý nghĩa toàn diện của hạnh phúc. Con người ngày nay, nhất là tuổi trẻ, đang ngày càng có nguy cơ rơi vào tình trạng thái hóa, suy đồi về đạo đức. Các trang thông tin truyền thông trên báo chí, truyền hình đã phản ánh về những câu chuyện thương tâm trong học đường cũng như trong đời sống xã hội vẫn diễn ra ngày một phức tạp hơn. Điều này như một hồi chuông cảnh tỉnh cho mỗi người hãy sớm nhận biết giá trị giáo dục tâm linh. Con người cần phải được đào luyện về phương thức sống định tĩnh, làm chủ được chính mình và biết buông xả hơn trong cuộc sống. Thiền Phật giáo chính là giải pháp cấp bách và hữu hiệu nhất cho con người và xã hội ngày nay, vì Thiền có khả năng rèn luyện và chuyển hóa dòng tâm thức vượt qua tham ái trói buộc của tự ngã để có một cuộc sống an vui và hạnh phúc thật sự.

Hiện nay trên thế giới, Thiền học đã và đang được phổ biến rộng rãi trong các lĩnh vực của cuộc sống. Tại Ấn, giáo dục thiền được áp dụng trong các trường học đã giúp các em có một hành trang vững vàng khi bước vào đời với sự tự tin chính là nhờ kỷ luật thiền: “Tĩnh giác và buông xả”. Các binh lính, công an và nhân viên của một số công sở thuộc hệ thống công quyền của nhà nước Ấn cũng được học và thực tập thiền. Không những vậy, giáo dục thiền được mở rộng đối với cả các tù nhân hay những người nghiện ma túy; những khóa thiền 10 ngày được mở ra định kỳ mỗi tháng tại các nhà tù lớn đã phần nào làm thay đổi nhận thức của tù nhân. Một minh chứng cho thấy phương pháp thiền Vipassana đã đạt được những thành tựu lớn trong công cuộc cải cách nhân phẩm tù nhân vào năm 1994 tại nhà tù Tihar với sự tham gia của 1000 tù nhân².

Giáo dục thiền học theo phương pháp kỹ thuật khoa học thực sự là đóng góp to lớn của Phật giáo đối với nhân loại nếu chúng ta biết khám phá ra những tác động to lớn của thiền đối với người biết cách thực tập.

Về tình cảm, giáo dục thiền học giúp con người phát triển khả năng tập trung để đạt được sự tĩnh tâm, nhờ đó cuộc sống trở nên sáng suốt phần khởi, hân hoan và hỷ lạc.

Về tâm lý, giáo dục thiền học là quá trình chuyển đổi tâm lý từ thụ động sang tích cực; từ tham-sân-si, nguồn cội của tội lỗi khổ đau, trở thành vô tham-vô sân-vô si, bến bờ của thánh thiện hạnh phúc.

Thực hành thiền hàng ngày giúp tâm thức con người ổn định về sức khỏe, duy trì tốt kỷ ức, làm tăng trưởng khả năng tập trung tư duy và sáng tạo. Nhất là đối với tuổi trẻ; nếu những người trẻ biết tập luyện thiền, họ sẽ có sự tiếp thu kiến thức tốt hơn, loại bỏ được các tâm lý mệt mỏi, thụ động, chán nản, sầu muộn, triệt giảm đam mê các trò chơi điện tử và những thú vui cảm dỗ khác. Thiền học nếu được áp dụng triệt để trong cuộc sống chắc chắn sẽ trở thành nhân tố tốt cho nền giáo dục nhân bản và toàn diện.

Sự đóng góp của Thiền như một nghệ thuật sống

Chúng ta đã biết, mỗi người trên đời này ai cũng mong muốn có một cuộc sống an vui và hạnh phúc. Tuy nhiên, không mấy ai thực hiện được điều này trọn vẹn trong khi tâm vẫn còn nhiều phiền muộn, bất an, vì chính nỗi khổ cá nhân sẽ tác động một cách tiêu cực đến cuộc sống của họ và những người xung quanh. Trong một gia đình hay đoàn thể, nếu có một cá nhân đau khổ thì người quanh họ sẽ bị ảnh hưởng chung, đó là quy luật tương tác tự nhiên. Cũng vậy, một người an vui mới có thể sống hòa hợp, đem lại sự vui vẻ giữa mọi người với nhau. Ở đây, thiền Phật giáo là phương pháp thực tiễn giúp con người tìm về niềm an vui thật sự cho chính mình; vì cốt lõi của thiền có thể giúp con người từng bước tập luyện tâm thức, làm chủ được



hành vi của cá nhân. Ngay khi dòng tâm thức bất thiện khởi lên, hành giả sẽ nhận diện ngay nhờ phương pháp thiền tỉnh giác; và với tuệ quán, nó sẽ đoạn diệt trước khi biểu hiện ra bên ngoài bằng hành động. Dĩ nhiên, thực hành điều này hoàn toàn không phải là cách đè nén cảm xúc vào bên trong tạo thành phức cảm không giải tỏa được. Muốn hành trì được cần phải có sự hướng dẫn từ những người có kinh nghiệm và đã thành tựu trên con đường giới, định, tuệ; điều này có thể được xem như một nghệ thuật để điều phục và kiểm soát tâm mình trong từng khoảnh khắc, đồng thời phát triển khả năng tỉnh giác và buông xả để đạt được cuộc sống an lạc cho chính mình và cho mọi người xung quanh. Đây chính là kỹ thuật vi diệu của thiền dùng để diệt tận tâm bất thiện, tham, sân, si - gốc rễ của phiền muộn.

Như vậy, tầm quan trọng của Thiền là nhằm chế ngự và chuyển hóa các tâm bất thiện, nhưng tùy vào tập khí nghiệp và chủng tử của mỗi cá nhân, sự tập luyện nghiêm túc theo giáo pháp mới có thể vượt qua được. Đa phần, khi con người va chạm với những thất bại trong cuộc sống như về tình cảm, công việc... nếu không thể giải quyết được thì họ chọn phương án trốn tránh hay tìm mọi cách để phủ nhận sự thật ấy. Riêng đối với người biết áp dụng *thiền định* trong cuộc sống thì họ sẽ biết chấp nhận sự thật và tìm cách giải quyết

tích cực có trí tuệ, có nghĩa là người này dám đối diện với sự thật không mong muốn bên trong chính mình bằng *thiền quán*, đồng thời qua kỹ thuật hành trì thiền, quán chiếu bằng tuệ giác về hiện hữu của vô thường, vô ngã, khổ để không tạo nghiệp và đoạn trừ nghiệp, từ đó hướng đến sự giải thoát an vui. Tức là họ không mắc sai lầm, sâu xa hơn là không mắc vào vòng lao lý hay tự hủy hoại bản thân.

Tùy nhân duyên, mỗi người đều có thể tìm về thiền học để áp dụng như một nghệ thuật sống trong cuộc đời. Chúng ta có thể hiểu thiền dưới nhiều phương diện khác nhau, nhưng đặc tính chung nhất đối với người sống thiền thì đó là sự an lạc đích thực và rất hữu ích cho nội tâm cũng như các lĩnh vực khác trong cuộc sống. Thiền thực sự là một nhu cầu không thể thiếu trong cuộc sống ở mọi thời điểm, là một phương thuốc hay chữa lành các căn bệnh khổ đau của tâm; đồng thời là một nghệ thuật sống không bao giờ lạc hậu để áp dụng vào cuộc sống cá nhân và hầu như đem lại lợi ích cho nhân sinh, thế giới. ■

Chú thích:

1. *Tương Ưng I*; Hán tạng tập 36,3 Đại 3, 260c; Biệt tập 8: 1, Đại 2.

2. Trích "*Thiền trong nhà tù*"; dịch từ: Raja.M.Vipassna in Prisons, (VRI Series No.126). pp.¹⁻⁴.

Viễn ly điên đảo mộng tưởng, cứu cánh Niết-bàn

NGUYỄN HỮU ĐỨC

Có một người quyết tâm hể có dịp là niệm Phật A-di-đà, những mong khi chết sẽ vãng sinh Tịnh độ, thông dong miền Cực lạc.

Một hôm, ông ta thấy Đức Phật A-di-đà hiện ra trên tay có cầm chiếc va-li và nói: "Này con, đã đến lúc con đi rồi".

Ngạc nhiên, người đàn ông hỏi: "Bây giờ sao, sao mau quá vậy? Con còn nhiều dự định...".

Sau đó là cuộc nói chuyện.

- Rất tiếc nhưng đã đến giờ đi rồi, con à.

- Thưa Đức Phật, có gì trong cái va-li đó vậy?

- Trong đó có chứa những gì thuộc về con.

- Những gì thuộc

về con? Ý của Đức Phật muốn ám chỉ tài sản, tiền bạc của con.

- Những thứ đó đã không phải của con đâu; chúng thuộc vào Trần gian mà con đã sống.

- Vậy có phải là gia đình, thân thuộc, bạn bè thân hữu của con?

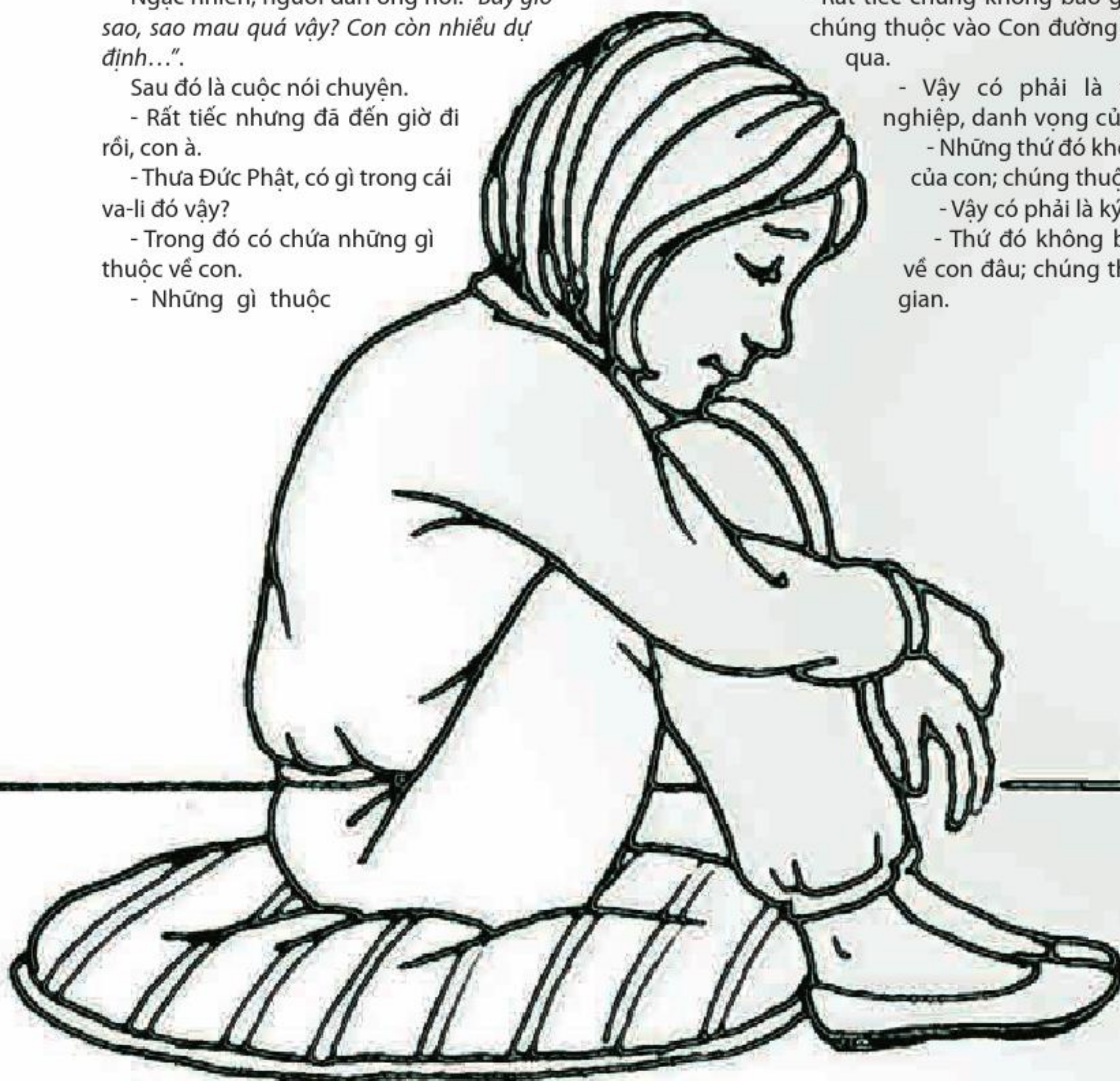
- Rất tiếc chúng không bao giờ là của con; chúng thuộc vào Con đường mà con đã đi qua.

- Vậy có phải là tài năng, sự nghiệp, danh vọng của con?

- Những thứ đó không bao giờ là của con; chúng thuộc vào Hư ảo.

- Vậy có phải là ký ức của con?

- Thứ đó không bao giờ thuộc về con đâu; chúng thuộc vào Thời gian.



- Vậy có phải là thân xác con?
- Cái đó không là của con đâu; nó thuộc vào Cát bụi.

Người đàn ông lấy cái va-li từ Đức Phật A-di-đà mở ra và thấy nó trống trơn: *"Con thật chẳng có gì cả sao?"*

Đức Phật A-di-đà trả lời: *"Chỉ mỗi thời gian mà con đã sống là của con lúc đó, và rồi con không thể mang bất cứ thứ gì theo con"*.

Trên đây là mẩu chuyện tôi tình cờ đọc được trên mạng và sửa chữa chút đỉnh cho mạch lạc hơn. Chuyện hư hư thực thực chỉ nhằm nói về những gì con người muốn mang theo khi chết nhằm "vãng sinh miền Cực lạc" thật ra chỉ là sự trống rỗng. Tôi lại được đọc một mẩu tin nói về tựa đề một cuốn sách làm ta phải suy nghĩ.

Đó là cuốn sách viết về thiền tập của nữ tác giả Sylvia Boorstein. Tựa của sách là *"Don't just do something, sit there"* (Đừng làm điều gì cả, chỉ ngồi yên đó). Tựa đề này làm nhiều người đọc bị sốc.

Một người đã đặt câu hỏi với nữ tác giả: *"Tôi bao giờ cũng nghĩ rằng, nếu ta muốn có một sự đổi thay nào đó cho chính mình hoặc cho xã hội, thì ta phải tích cực làm điều gì đó. Còn bà lại cho rằng 'Đừng làm điều gì cả, chỉ ngồi yên đó'. Như vậy nghĩa là sao?"*

Bà Sylvia Boorstein đã trả lời: *"Tôi hoàn toàn đồng ý với bạn, mỗi chúng ta đều có bốn phận hành động khi ta thấy có điều gì đó phải làm. Tôi chỉ muốn nói, ta cũng cần có sự tĩnh lặng để thấy thật rõ điều mình thật sự phải làm. Việc đó cũng có giá trị rất lớn"*.

Qua tựa đề của cuốn sách, bà Sylvia Boorstein nói với chúng ta nhiều điều lắm. Đối với con người, sống là hành động và ngược lại, có hành động mới thể hiện mình đang sống. Suy nghĩ thường tình của chúng ta là như vậy. Nhưng cuộc đời đâu phải chỉ là chuỗi liên tục các hành động. Giống như trời đất xoay vần trong động và tĩnh, giữa các cơn mưa gió bão bùng là sự tịch lặng im ắng, con người sống trong hành động xen kẽ với "ngồi yên". Thậm chí, con người rất nên đang làm mọi chuyện mà vẫn có thể "ngồi yên".

Cũng giống như biển cả, trên mặt biển các làn sóng nhấp nhô không ngớt nhưng trong lòng biển sâu thì tịch lặng vô cùng. "Đừng làm điều gì cả, chỉ ngồi yên đó" không có nghĩa sống trên đời không nên làm gì hết, mà nên để tâm thức tĩnh lặng để thấy thật rõ, để thấu hiểu mình đang làm gì. Hay câu đó cũng là kêu gọi, làm đủ mọi việc trên đời nhưng ta vẫn "ngồi yên".

"Ngồi yên" đây chính là để tâm thức tỉnh giác, yên lặng không "lãng xãng" bị lôi cuốn theo các ý tưởng tham, sân, si chi phối hành động của mình. Trên con đường phát triển trong thế giới vô thường này, con người luôn luôn hiện hữu với "cái tôi" xấu xí. Thoát thai từ một động vật, con người dính liền với bản năng luôn phóng chiếu của đủ loại dục vọng. Con người luôn tìm cách thỏa mãn các loại dục vọng đó, ý thức hay không ý thức, mà bất kể lợi ích của tha nhân. Từ đó con



người sinh ra tham lam, đố kỵ, tị hiềm... trong quan hệ với nhau. Suốt quá trình tồn tại và phát triển, con người gây ra biết bao tàn nhẫn, khổ đau cho mình và cho người xuất phát từ "cái tôi" luôn muốn được bành trướng phóng hiện, cái "bản ngã" chứa quá nhiều dục vọng. "Ngồi yên" trong hành động chính là giải thoát khỏi "cái tôi" xấu xí đó.

Hai mẩu chuyện kể trên, một nên chết như thế nào và một nên sống ra sao, làm tôi nhớ đến một câu trong "Tâm kinh": *"Viễn ly điên đảo mộng tưởng, cứu cánh Niết-bàn"*. Ý của câu này là "Hãy xa lìa, rời bỏ những mộng tưởng làm ta điên đảo, để tâm ta đạt được sự tịch diệt hoàn toàn".

Rõ ràng là để đối phó, hóa giải những suy tưởng sai lầm, mê vọng làm ta điên đảo (thậm chí không biết mình điên đảo) ta không thể dùng một suy tưởng cao siêu hơn, ưu việt hơn để thay thế, mà triệt để nhất là dập tắt mọi suy tưởng, tâm thức ta tịch lặng hoàn toàn. Tâm ta tịch lặng hoàn toàn sẽ giúp ta thấy rõ, thấu hiểu những điều kỳ diệu. Để chết đi và vãng sinh tịnh độ rõ ràng là phải buông xả, vứt bỏ, "viễn ly" những gì ham muốn của thế gian, thực chất là những "mộng tưởng điên đảo", tất cả chỉ là sự rỗng không của cái va-li có tên "cứu cánh Niết-bàn". Để sống thông dong, an nhiên tự tại trong cuộc đời này, rõ ràng là nên làm mọi việc trên đời mà vẫn "ngồi yên" để "viễn ly điên đảo mộng tưởng, cứu cánh Niết-bàn". ■



Tôi đi chùa

TRƯƠNG HOÀNG MINH

Quê tôi chỉ có một ngôi chùa, đó là chùa Phật Quang nằm trên bờ kinh Bang Chang cách thị trấn Trà Ôn khoảng ba cây số.

Tôi không biết ngôi chùa này cất hồi nào nhưng chắc chắn trước khi tôi chào đời (1946) vì vào năm 1945, hai vị cố Hòa thượng Thích Thiện Hoa và Thích Trí Tịnh đã về đây thành lập Phật học đường.

Chùa nằm lọt thỏm giữa khu vườn rậm rạp trồng nhiều loại cây ăn trái, phía sau là đồng ruộng, trước mặt là dòng kinh hiền hòa, mùa nắng mặt nước trong xanh lóng lánh ánh trắng rằm, mùa mưa nhuộm màu trắng đục sóng gợn lăn tăn theo từng tiếng chuông ngân. Theo tía tôi nói lại thì vườn ruộng của chùa do

dân làng hiến tặng, đạo Phật gọi là cúng dường. Vào các ngày rằm lớn và lễ vía, bốn đạo quanh vùng đi chùa rất đông, cúng dường rất nhiều nhưng đa số là cây nhà lá vườn cùng nhang, đèn cây, dầu lửa... còn cúng tiền thì khá ít (có lẽ do dân còn nghèo). Chùa bị dột mưa, hư hỏng chỗ nào, bốn đạo tự nguyện mang tre lá, cây cối đến làm công quả, lợp sửa lại. Thầy trụ trì cùng Tăng Ni cũng thường thuyết pháp cho bốn đạo nghe. Nói thuyết pháp cho “xóm tụ” chứ thật ra là những cuộc trao đổi đạo pháp thân mật giữa Tăng Ni và bốn đạo quanh chiếc bàn tròn và chung trà miếng bánh, tía tôi nói thế.

Hồi còn bé, tôi thường được má dẫn đi chùa lạy Phật vào các ngày rằm ngươn lễ Tết. Lúc bấy giờ má dẫn đi



thì đi, biểu lay thì lay chớ tôi có biết ý nghĩa đi chùa lay Phật là gì đâu! Khoảng chín mười tuổi tôi lại được thấy trụ trì qui y thọ giới với pháp danh Nhật Mẫn.

Tôi cũng chẳng biết việc này có ý nghĩa gì, chỉ hiểu lơ mơ Ngũ giới cấm và... ghi nhận hai điều thú vị.

Một là, mỗi thầy bốn sư đều đặt pháp danh cho đệ tử theo cách riêng của mình, thầy A dùng chữ Nhật, thầy B dùng chữ Thiện, thầy C dùng chữ Phước... cho nên khi nghe pháp danh của anh XYZ nào đó người ta có thể biết thầy bốn sư của các anh ấy là ai.

Hai là, pháp danh thường bắt vần với tên tục của người qui y thọ giới, ví như tôi tên Minh thành ra Nhật Mẫn, người tên Mừng thành ra Thiện Hỷ, người tên Khải thành ra Phước Tấu... Không biết bây giờ có còn như vậy không?

Sau khi qui y thọ giới, tôi vô Gia đình Phật tử trong đội Oanh vũ nam. Từ đó tôi thường xuyên đi chùa vào ngày Chủ nhật mỗi tuần cho đến khi học hết lớp đệ tứ (lớp 9 bây giờ) tôi lên tỉnh học tiếp, việc đi chùa chỉ còn thỉnh thoảng. Thời gian trong Gia đình Phật tử, ngoài việc sinh hoạt ca hát vui chơi, tham dự các khóa lễ tụng

niệm, tôi còn được học thêm lịch sử Phật Thích-ca và giáo lý của Ngài, xem kinh luận đã được dịch ra tiếng Việt và nghe các Tăng Ni giảng đạo.

Từ lúc bước chân vào đời, việc đi chùa của tôi bị gián đoạn một quãng thời gian dài, một phần do chiến tranh, một phần do mưu sinh nuôi vợ nuôi con. Tôi đi chùa trở lại sau khi các con trưởng thành và đều có gia đình, chẳng những đi chùa "nhà" mà còn đi nhiều chùa khác nữa vào hầu hết các ngày rằm ngươn lễ vía lớn nhỏ.

Bước vào tuổi lục tuần tôi mới bắt đầu nghiên cứu kinh sách, hơi muộn nhưng có còn hơn không. Bình tâm kiểm điểm lại tôi thấy mình phạm phải nhiều sai lầm đáng trách. Thời gian qua tôi đi chùa do cảm tính dục lạc, chạy theo phong trào, tự khoác lên mình chiếc áo cư sĩ "mộ đạo" cho "người đời trông đến, Tăng Ni trông vào" kính trọng ngợi khen chứ không phải vì "ngộ đạo" mới đi chùa học hỏi Tăng Ni cách thức thuần dưỡng tâm tánh, phương pháp tu hành để được vãng sanh Tịnh độ.

Tôi lay Phật không phải để noi theo gương Ngài, không phải để sám hối lỗi lầm, diệt trừ tâm ngã mạn mà để cầu xin Ngài gia hộ, ban phước lành và tai qua nạn khỏi.

Tôi cúng dường là để được nhà chùa vinh danh, hãnh diện với hàng xóm, để nhờ Tăng Ni "cúng sao" và cầu an cho gia đình, cầu siêu cho Cửu huyền Thất tổ chứ không hiểu cúng dường có nhiều ý nghĩa tốt đẹp và tích cực. Đó là, giúp nhà chùa có điều kiện sinh sống, có khả năng xây dựng và mở mang cơ sở vật chất làm chỗ dựa cho đời sống tinh thần và đời sống tâm linh của nhân dân. Giúp Tăng Ni, lực lượng nòng cốt truyền bá giáo lý, không phải lao động vất vả để mưu sinh, có sức khỏe và thì giờ học tập tu hành, phiên dịch kinh luận, hoằng dương đạo pháp. Cúng dường với tâm thức đó còn thể hiện tinh thần tự lợi, lợi tha vừa đem lại phước đức cho người cúng dường vừa gìn giữ bảo tồn Tam bảo thường còn, đem lại lợi ích cho chúng sinh. Nếu cúng dường như tôi sẽ có kết quả ngược lại, nhà chùa sẽ mất đi vai trò thiêng liêng của mình, chỉ đơn thuần là nơi thờ phụng cúng bái, tổ chức lễ vía rằm ngươn. Tăng Ni gặp nhiều chướng ngại trên đường tu học, không phát huy được năng lực, không làm tròn trách nhiệm của họ sẽ đưa đến hệ quả tất yếu là việc hoằng dương đạo pháp bị trì trệ và có thể chệch choạc tôn chỉ.

Tôi cảm thấy xấu hổ với chính mình và hổ thẹn với đồng đạo, Phật tử chân chính dù họ không hề phê phán hay chỉ trích tôi. "*Bụng làm dạ chịu*" chớ trách ai? Cũng tại mình ngu si, kiêu căng, ngạo mạn lại còn chấp cứng cái ta và cho ý nghĩ việc làm của ta là đúng. Để xưa tan phiền não nghiệp chướng, tôi nghĩ chỉ có cách duy nhất là vô chùa quỳ trước Đức Phật tử bi, ăn năn sám hối, trừ bỏ lỗi trước không phạm lỗi sau thì tâm hồn mới được nhẹ nhàng an vui. ■



Nơi ôm ấp giấc ngủ cho những linh hồn bé bỏng

BÙI TRƯỜNG TRÍ

1 Tôi đến Công viên nghĩa trang thai nhi giáo xứ Tây Hải (phường Hồ Nai, TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) vào một buổi sáng tinh mơ. Nắng vàng trải khắp khoảng rộng không gian có nhiều cây xanh, hoa lá, ghế đá. Vậy mà, lòng lại nặng trĩu vì bị ám ảnh bởi những số liệu mà bên Hội Kế hoạch hóa gia đình Việt Nam vừa công bố công khai: *Bình quân mỗi năm tại Việt Nam có khoảng 300.000 ca nạo thai, xếp cao nhất so với các nước Đông Nam Á và xếp thứ 5 so với thế giới.*

Tôi giả dụ nếu như không có các nghĩa trang chôn cất thai nhi đàng hoàng như thế này, thì hàng trăm ngàn bào thai kia sẽ bị "xử lý" như thế nào? Đem chôn (đất đâu mà chôn cho hết?) hoặc đem đốt theo quy trình bên ngành y tế (chắc chắn!) hoặc đem... vứt bỏ ngoài cánh đồng, bụi chuối, thùng rác, nhà vệ sinh (lâu lâu báo chí đăng tin ở nơi này nơi kia người dân phát hiện thai nhi còn nguyên cuống rốn). Nỗi xót xa làm ngộp tim tôi, khi ngưỡng tượng cảnh hàng trăm ngàn

sinh linh bé bỏng kia lặng thầm hóa thành tro bụi, trở về cát bụi mà ngậm ngùi ngàn năm.

2 Khi tôi đến, nghĩa trang vắng người, bỗng nhiên có hàng trăm chú chim sẻ non ở đâu bay về đậu chen kín trên nhánh cây cổ thụ mọc trước cổng nghĩa trang. Đàn chim đồng thanh kêu chíp chíp như lời chào khách, tạo nên âm hưởng ban mai vui tươi, rộn ràng. Sự hiếu kỳ tò mò làm tôi bước rào quanh các huyệt mộ để xem xét. Có một luồng gió rất mạnh quẩn quanh tôi, và tôi có cảm giác hình như có hàng ngàn cánh tay cố đẩy mình ra khỏi cổng nghĩa trang. Đầu tôi đau như điên, tôi rung mình lao đảo bước ra ghế đá ngồi.

Vừa lúc ấy, chị Nguyễn Thị Căn, người quản trang của nhà thờ kịp đến để tiếp chuyện với tôi. Người phụ nữ 50 tuổi, có nét mặt phúc hậu thì thầm vào tai tôi, nói ra thì thành là... mê tín dị đoan chứ thực sự ai lần đầu đến khu nghĩa trang này, cái thủ tục đầu tiên là phải đứng cầu nguyện trước (nếu là đạo Công giáo) hoặc ít nhất thấp trên các phần mộ một nén nhang (nếu là đạo khác), rồi sau đó mới vào tham quan. Bởi vậy, tôi phải làm theo "thủ tục" như lời chị Căn căn dặn. Tôi khấn thầm hương linh các em thai nhi uống tử về mục đích chính của việc viếng thăm này và "xin" các em cho tôi được... bước vào và tiến gần lại các phần mộ các em hơn. Chị Căn cho biết thêm, trong ngày thánh lễ, nhà thờ đưa hàng trăm thai nhi ra nghĩa trang tiến hành chôn cất trước buổi bình minh lên. Người nào được phân công nhiệm vụ cầm trên tay cái hòm bé bé xinh xinh chứa hình hài thai nhi sẽ cảm nhận rất rõ bàn tay mình... rung rinh. Sự rung rinh này có thể là nụ cười hài lòng lần cuối của thai nhi vô tội trước khi các em được nằm ngủ, một giấc ngủ bình yên ngàn năm bên cạnh bạn bè mình trong chiếc nôi, là các hòm mộ tập thể xây bằng đá rất đẹp.

3 Chị Căn kể cho tôi một câu chuyện đau lòng về một người mẹ - một bác sĩ sản khoa - đã tự tay phá bỏ bào thai của con gái mình. Trong đời làm bác sĩ của bà ta tại phòng khám tư nhân đã tự tay điều hòa, nạo hút khá nhiều ca, nhỏ có mà lớn cũng có. Khi biết đứa con gái mình mới học lớp 9 "dính" bầu, sau phút hoảng loạn, giận dữ, bà bàn với chồng bí mật đưa con đến phòng khám và sẽ bà trực tiếp phá bào thai. Bao nhiêu kinh nghiệm suốt gần 30 năm làm nghề, bao nhiêu lý trí mới giúp bà ta đứng vững vào giờ phút ấy. Bà hít một hơi thật sâu, lau nước mắt, đeo găng tay, trấn tĩnh tiêm một liều thuốc vào đứa con gái cứng đang nằm yên trên bàn. Rồi cái thai được lôi ra, thân thể tái nhợt, không còn nguyên vẹn hình hài, kết quả của mũi tiêm, nó đã chết vì ngạt. Quá đớn đau và sợ hãi bà té nhào xuống nền nhà bất tỉnh. Từ đó, chưa đêm nào bà ngủ trọn giấc. Những cơn ác mộng hành

hạ bà hằng đêm. Bà thường mơ thấy một đứa bé khóc oe oe gọi: "Ngoại ơi, con chết rồi!", cái miệng nhỏ xíu của đứa bé cắn vào tay bà bật máu. Bà đã phải trải qua nhiều cung bậc của tâm trạng như: giằng xé, đớn đau, ám ảnh, đến mức đôi lần bà đã đi tìm cái chết để giải thoát chính mình. Có nỗi đau nào hơn chính bàn tay bà đã giết chết cháu mình, khi nó gần 4 tháng tuổi, đã mang hình hài của một đứa bé con.

Và giờ đây, bà thường xuyên đến nghĩa trang thai nhi giáo xứ Tây Hải để cầu nguyện hàng ngày. Bà bỏ thời gian cả tiếng đồng hồ để ngồi trò chuyện với các em bên cạnh phần mộ, bà trò chuyện với đàn chim sẻ non đang huyền thuyên, ríu rít, chuyển cành quanh gốc cây cổ thụ. Bà gởi nỗi lòng của mình vào những tiếng chim, để cho gió cuốn đi, bay xa thật xa. Gió đã cuốn đi và đã xóa tan mọi phiền não bao vây bà lâu nay.

4 Tiếp tôi tại nhà thờ giáo xứ Tây Hải là vị linh mục trẻ Nguyễn Văn Tịch. Phút gặp gỡ giao ban đầu, tôi có một ấn tượng mạnh với thần thái của một vị tu sĩ Công giáo chân chính. Nghe danh tiếng của linh mục đã lâu, lần đầu gặp mà sự ngưỡng mộ của tôi lại càng tăng lên gấp bội. Linh mục Nguyễn Văn Tịch bộc bạch cơ duyên đưa ông đến với các thai nhi và động lực để làm công việc chôn hài nhi đơn giản chỉ là niềm tin và lòng thương yêu con người: *"Các thai nhi cũng là những phận người, phận người dễ bị tổn thương nhất vì các em thuần khiết nhất, thánh thiện nhất, yếu đuối vô phương tự vệ và nhất là có một linh hồn bất tử. Vậy mà các em có khi lại trở nên thảm họa của xã hội văn minh chúng ta. Các em bị người đời vứt bỏ đi như rác thải sinh hoạt. Trong mọi trường hợp đó các em đã không có cơ hội lên tiếng nói, đau xé lòng mà không kêu lên được. Tôi thương những phận người này, quý trọng những mảnh đời ấy và gọi các phận người ấy là con và tôi là bố, là cha của chúng".*

Nghĩa trang thai nhi được thiết kế xây dựng theo ý tưởng của linh mục Tịch là mô hình của 2 bàn tay, mỗi ngón tay là một kim tinh lớn, dài 2-3m, rộng 0,5-0,8m và sâu 2m, mỗi ngón kim tinh an táng khoảng 3.000 thai nhi. Biểu tượng bàn tay mang ý nghĩa của nâng đỡ, dẫn dắt, che chở, đối nghịch với những bàn tay kéo các thai nhi ra khỏi lòng mẹ, cắt đứt sự sống của các em. Hiện tại, số lượng hài nhi chôn đã lấp đầy 3 "ngón" tay, tính đến tháng 7 năm 2015 là hơn 9.000 trường hợp. Một con số vô tri nhưng nghe qua thật đau nhói lòng!

5 Rời nghĩa trang thai nhi khi nắng treo cao lơ lửng trên đỉnh đầu. Quay bước trở về, tôi có một niềm tin rằng hàng ngàn linh hồn bé bỏng đang nằm dưới tắc đất kia cũng đang nở nụ cười hài lòng bởi bao quanh các bé luôn được sưởi ấm, sẻ chia, ôm ấp bằng hàng ngàn bàn tay yêu thương của mọi người khắp nơi... ■



Nhân vật thứ nhất

- Thưa ông Descartes, tôi là nhân vật trong chuyện "Đứa con" mà ông vừa đọc. Tôi vẫn còn hỏi tôi hoài về chuyện đạo đức, lương tâm. Những bức thư mà tôi nhận được làm tôi nhớ bức thư mà ông viết cho bạn về đam mê của tình yêu. Ông viết như sau, tôi trích nguyên văn:

"Khi tôi còn nhỏ, tôi yêu một đứa con gái bằng tuổi tôi, mắt hơi lé. Vì vậy, cái cảm giác ghi vào não tôi khi nhìn hai con mắt lạc nhau ấy kết hợp chặt chẽ với cái cảm giác rung động đam mê yêu đương trong tôi, chặt chẽ đến nỗi lâu lắm sau đó, hề thấy cô nào hơi lé mắt là tôi có khuynh hướng muốn yêu hơn là với những cô không có mắt lé. Chỉ vì thế thôi: vì cô ấy hơi lé mắt, nhưng tôi lại không biết là vì thế".

Thưa ông, phải chăng đứa con gái hơi lé mắt ấy đã nằm trong vô thức của ông, và chỉ cần ông thấy ai lé mắt là nó thức dậy? Ông không biết vì sao, là vì nó nằm trong vô thức của ông?

- Ấy, ông chỉ trích đoạn đầu mà không trích đoạn sau. Sau đó tôi viết: *"Từ khi tôi suy nghĩ trên sự việc ấy, tôi thấy lé mắt là một khuyết điểm, và tôi hết cảm động".*

- Ông giải thoát được một quyền rũ khi ông lôi nó ra khỏi vô thức để đưa nó vào ý thức? Giá tôi cũng giải thoát được như ông...

- Tôi không nói vô thức đâu nhé. Tôi chỉ nói ý thức. Tôi thừa nhận rằng ta có thể yêu một người mà không hiểu tại sao, nhưng hẳn nhiên không nên chạy theo đam mê ấy mà phải suy xét người kia có xứng đáng với đam mê của mình không. Nếu thấy người ấy tốt, ta có

thể chiếu theo khuynh hướng thẩm kín trong đầu, còn nếu thấy lé là một khuyết điểm thì từ già. Ý thức được tính chất của sự việc, đẹp hay xấu, ưu điểm hay nhược điểm, là điều kiện cần và đủ để giải phóng.

- Thưa ông, như vậy ông phân biệt lý trí và đam mê. Cần phải dùng lý trí để rọi ánh sáng vào đam mê để thấy đâu là nguyên do, đâu là lợi ích, và đạo đức chính là khả năng suy nghĩ để thấy và biết phân biệt. Nhận định đúng sự việc thì hành động đúng. Nói khác đi, đó là ý chí, ý muốn, mà ông cho là của báu quý nhất của con người để được tự do. Đó là điều kiện để tự do. Nhưng thưa ông, có phải lúc nào tôi cũng biết được tôi đâu. Bằng chứng là tôi không biết tôi đang buồn hay đang vui, đang mừng rỡ vì thoát nạn với vợ hay đang thất vọng vì không có đứa con. Tôi muốn thành thật với chính mình để thành thật với người khác, nhưng tôi không biết thế nào là thành thật

với chính tôi. Xin cảm ơn ông đã dạy cho tôi một điều là phải vận dụng ý thức để soi sáng tình tiết, nhưng càng vận dụng tôi lại càng thấy bất lực, vì tôi thấy có hai tôi chứ không phải một tôi: tôi này tán thành, tôi kia phản đối, tôi này không suy nghĩ như tôi kia. Vậy tôi nào là tôi?

Nhân vật thứ hai

- Kính chào ông Freud. Tôi vừa được ông Descartes tiếp chuyện để hỏi câu hỏi về "tôi" trong chuyện "Đứa con". Ông cho tôi một bài học quý giá nhưng tôi chưa được thỏa mãn. Thưa ông, ông có thể giúp tôi để giải quyết vấn nạn với chính tôi? Tôi là ai?

- Mời ông nằm xuống đây. Nhà tôi không có sa-lông, chỉ có cái đi-văng này để tiếp khách. Ông vừa gặp ông Descartes hả? Ông ấy làm một cách mạng tư tưởng trong thế kỷ của ông, nay thì ông đã bị lạc hậu rồi khi không biết sự quan trọng của vô thức. Nơi nhân vật của chuyện, cũng như mọi người, có ba con người chứ không phải chỉ hai. Con người thứ nhất là cái mà tôi gọi là "cái ấy". Con người thứ hai là cái mà tôi gọi là "siêu tôi". Xin lỗi ông, tôi không nói "siêu ngã", nghe nặng mùi triết lý quá, tôi dùng chữ nôm na như thế cho tiện. Con người thứ ba là cái mà ông gọi là "tôi".

Cái mà ông gọi là "tôi" là phần ý thức trong nhân cách của ông. Qua cái "tôi" ấy, ông định nghĩa ông, ông là thế này, ông là thế kia, ông khác với người khác và khác như thế nào. Xưa nay, người ta nói "tôi" chính là nói cái tôi ấy. Nhưng cái "tôi" ấy có hai ông chủ mà ông không biết. Ông chủ thứ nhất là "cái ấy". Đó là phần vô thức trong ông. Phần ấy tầm tối, ý thức không xâm

nhập vào được. Nó lộn xộn, nó sôi sục những xung động, tràn đầy năng lượng do những xung động ấy gây ra. Nó thúc bách, nó làm áp lực để thoát ra, để thỏa mãn khoái lạc, vì nguyên tắc của nó là khoái lạc. Nhưng nó lại bị đẩy lùi vào bên trong. Ai đẩy lùi?

Chính là ông chủ thứ hai, cái "siêu tôi". "Siêu tôi" vạch ra một giới hạn mà văn hóa, đạo đức buộc ông không được vượt qua, ngăn ông lại, không cho ông thỏa mãn những xung động của "cái ấy". Không được làm thế này, không được nói thế kia, không được đối xử thế nọ, không được... không được! Đó là mệnh lệnh của "siêu tôi", luôn luôn nói bên tai ông những cấm kỵ của xã hội mà ông không được vi phạm. Cái "siêu tôi" hành hạ cái "tôi" của ông không hờ một phút nào. Một mặt, ông bị "cái ấy" thúc đẩy, một mặt, ông bị cái "siêu tôi" ngăn chặn, cái "tôi" của ông sinh ra là từ cái căng thẳng giữa "cái ấy" và cái "siêu tôi". Nó cố làm trung gian giữa hai ông chủ để thiết lập quân bình cho cả ba. Nếu thành công thì ông sống bình thường. Nếu không, thì, coi chừng, ông bị tâm thần bất định. Hình như ông không được yên ổn...

- Vâng, tôi có mặc cảm phạm tội tuy không biết là tội gì. Suy đi nghĩ lại như ông Descartes dạy bảo thì hình như chẳng có tội gì, nhưng mặc cảm tội lỗi cứ âm ỉ trong lòng tuy ngoài mặt thần nhiên.

- Thì đấy, mặc cảm phạm tội chính là sự căng thẳng giữa cái "tôi" và cái "siêu tôi".

Cái "siêu tôi" nơi ông có thể kích thích cái "tôi" để đưa nó vào con đường thành công, đem lại vẻ vang, danh giá cho ông ở bên ngoài mặt. Nhưng bên trong, nó chà đạp cái "tôi" của ông dưới sức nặng của những cấm kỵ và những kết án như thể là nó đồng lõa với "cái ấy" để làm khổ ông. Nó dữ tợn với cái "tôi", cứng rắn, không khoan nhượng. Và cái "tôi" của ông không những bị khuất phục mà đôi khi còn có thể lấy làm vui thích để tự hành hạ mình, chê trách mình, buộc tội mình. Ông không biết có người tự quất roi vào lưng đến chảy máu và cảm thấy sung sướng trong đau đớn sao? Cái "tôi" sung sướng để chịu đựng. Cái "siêu tôi" sung sướng để trừng phạt. Hy vọng bây giờ ông đã hiểu vấn đề của ông. Hiểu tức là tự giải quyết.

- Vâng, tôi hiểu. Nhưng cái hiểu ấy không đủ để đem lại thanh thản cho tôi. Cái mà tôi cần là trời yên biển lặng trong lòng.

- Thế thì tôi chịu. Hay là ông đến uống trà với ông sư?

Nhân vật thứ ba

- Bạch sư, tôi là nhân vật trong chuyện "Đứa con" mà tôi đã tặng sư. Ông Descartes bảo tôi phải có ý chí để ý thức. Ông Freud bảo tôi phải điều hòa ba con người trong tôi. Thưa sư, Phật giáo có biết vô thức?

- Mô Phật, mời ông ngồi. Hôm nay gió mát, ta ngồi ngoài hiên, khỏi cần quạt. Và chẳng, nói chuyện thức thì cái đầu nóng lắm ông ạ, tôi chẳng dám đi vào cái rừng rậm ấy đâu của tâm lý học Phật giáo. Chỉ xin nói qua quýt thế này. Phật giáo phân biệt tám thức chứ không phải chỉ hai mà thôi đâu. Ta có mắt tai mũi lưỡi thân ý. Mỗi bộ phận ấy tương ứng với một thức: cái thấy, cái nghe, cái ngửi, cái nếm, cái xúc giác... Ý thức có vai trò làm tổng hợp năm thức kia. Hai thức còn lại, Mạt-na và A-lại-da, quan trọng lắm, chỉ xin nói gọn nó là cái tâm của ông. Tâm ý chứa đựng tất cả. Tất cả những gì ông thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc chạm, đau khổ, vui sướng đều trở về tâm như ngàn sông chảy vào một biển. Tâm như biển, ý nghĩ, cảm xúc như sóng. Sóng từ đâu đến? Từ biển. Nó trở về đâu? Về biển. Biển và sóng đều cùng một thể. Tâm cũng như đất. Đất nhận mọi hạt giống. Nó cất giữ hạt giống để làm nảy mầm. Nhưng tâm cũng là toàn thể đất và hạt giống như biển cũng là toàn thể của vô vàn sóng. Từ đó, mấy người Tây phương đem ví biển sâu thẳm như vô thức; ý nghĩ, cảm xúc như sóng ở bên trên, như là ý thức. Ví như vậy thì dễ hiểu nhưng đơn giản quá và không đúng hẳn: một bên thì đồng thể, một bên thì chia hai.

- Thưa sư, như vậy thì vấn đề đạo đức nằm ở đâu?

- Nằm ở nơi hạt giống gieo vào tâm. Hãy gieo những hạt giống lành, chăm sóc vun trồng cho tốt.

- Như vậy, thưa sư, chính sự chăm sóc đó làm nên cái tôi? Tôi tốt hay xấu là tùy thuộc vào sự chăm sóc đó? Nhưng, lại lần nữa, tôi là ai? Ai chăm sóc, ai chọn

hạt giống? Câu hỏi ấy là câu hỏi muôn đời, nhưng nó trở nên khắc khoải với tôi từ khi xảy ra câu chuyện đứa con. Từ thuở xa xưa, ông đại hiền triết Socrate đã dạy: *"Hãy tự mình biết mình"*. Nhưng làm sao tự biết mình?

- Đúng vậy. Mỗi người phải tự mình tìm phương sách để hiểu mình. Tôi không có phương sách gì để trao cho ông ngoài việc thiền định. Với ánh sáng của định, ông hãy tự hỏi ông: cái "tôi" của ông có thật hay không? Hay đó chỉ là những tương quan hợp lại. Nếu cái "tôi" của ông không thật thì "cái ấy" hay "siêu tôi" đều không có thật nốt. Chẳng có gì có thật cả, kể cả đạo đức đang làm khổ ông. Ông tưởng nơi ông thánh không có chút phàm nào cả hay sao? Ông tưởng nơi phàm phu không có chút thánh nào cả? Đứng trên cao mà nhìn, không có phàm, không có thánh. Để hạt giống xấu rơi vào tâm thì thánh cũng trở thành phàm. Gieo được một hạt giống lành thì phàm cũng trở thành thánh. Nghĩ sâu như vậy thì cũng không có tốt, không có xấu, không có thiện, không có ác. Tôi nói đạo đức không có thật là như vậy, là phải nhìn từ cao. Vì ông đã đầy ắp đạo đức nên tôi mới nói. Với ai khác, tôi không nói như vậy đâu, nguy hiểm lắm. Ông bị dẫn dắt về đạo đức vì ông mang trong tâm quá nhiều chữ "có". Vì thế nên tôi nghĩ phương thuốc để chữa bệnh vướng mắc của ông là học chữ "không". Ông hãy thiền định trên chữ "không" ấy để vứt bỏ đi mặc cảm.

Ấy, xin mời ông chén trà kéo nguội. Tôi tự tay ướp sen đây. ■





Sông Dinh hay sông Gianh?

Bài & ảnh: TÔN THẮT THỌ

Từ trước đến nay, ở Thừa Thiên- Huế tồn tại hai câu ca dao liên quan đến địa danh của địa phương này:

1.

Núi Truồi ai đắp mà cao

Sông Gianh ai bới ai đào mà sâu?

2.

Núi Truồi ai đắp mà cao

Sông Dinh ai bới ai đào mà sâu?

Câu 1 được cụ Ứng Luận, một thầy giáo cao niên ở Huế của thế kỷ trước ghi nhận, và giải thích trong cuốn *Ca dao xứ Huế* như sau:

"Núi Truồi (1.154m) không phải là núi cao nhất trong vùng mà là núi Bạch Mã (1.444m), nhưng vì núi này nằm

sâu nên khó thấy. Núi Truồi lúc trước nổi tiếng là nhiều cộp.

Sông Gianh nằm giữa hai tỉnh Quảng Bình và Quảng Trị, nổi tiếng là sâu. Sông này đã có một thời làm ranh giới cho hai miền Bắc, Nam trong thời gian Trịnh Nguyễn phân tranh (1627-1672)" (Ca dao xứ Huế, tr.33).

Đối với câu ca dao này, đã có nhiều nhà nghiên cứu văn học dân gian tỏ ra nghi ngờ về mức độ chuẩn xác của nó: núi Truồi ở phía Nam của tỉnh Thừa Thiên; không phải cao nhất vùng này, còn sông Gianh khá lớn, ở tận tỉnh Quảng Bình. Tại sao lại có sự *phối hợp*, so sánh xa xôi đến như thế, cho dù trước đây hai địa phương này thuộc chung xứ Thuận Hóa, nhưng từ thuở ban đầu đã thuộc về hai châu khác nhau: châu Thuận và châu Hóa. Trải qua nhiều triều vua Nguyễn, Quảng Bình và Thừa Thiên (Huế) luôn là hai địa phương hành chánh và địa

lý riêng biệt, xen giữa còn có tỉnh Quảng Trị. (Chỉ sau năm 1975, có lúc 3 tỉnh được hợp nhất thành tỉnh Bình Trị Thiên, nhưng chỉ một thời gian ngắn).

Về câu thứ 2, (*Sông Dinh ai bới...*), tác giả Lê Văn Hảo, một nhà nghiên cứu sử học, ghi nhận và chép trong cuốn khảo cứu về Huế có tựa là *Huế giữa chúng ta* như sau:

"Ca dao Huế lần lượt kể ra những tên núi, sông, làng xóm nghe trầu mền lạ lùng:

Núi Truồi ai đắp nên cao

Sông Dinh ai bới ai đào nên sâu?

Và chú thích ở cuối trang là:

"*Sông Dinh là một trong những tên cũ của sông Hương chảy qua Phú Xuân, tức là Chính Dinh thời các chúa Nguyễn*" (Huế giữa chúng ta, tr.68).

Thực ra, sông Hương chưa bao giờ mang tên là *sông Dinh*, và người Huế từ trước đến nay không ai gọi sông Hương là *sông Dinh* bao giờ! Các chi lưu của nó có tên là sông *Lợi Nông* (An Cựu), sông *Thiên Lộc*, sông *Như Ý*, sông *Phổ Lợi* hoặc sông nhỏ hơn thì mang tên vùng đất nó chảy qua như sông *Kim Long*, sông *Đông Ba*... Thực tế, ở Huế cũng có địa danh *Dinh*, địa danh này xuất hiện trong một câu ca khác, không liên quan gì đến tên sông:

Ru em cho thóc cho mùi

Cho mẹ đi chợ mua vôi ăn trầu

Mua vôi chợ Quán chợ Cầu

*Mua cau Nam Phổ mua trầu **chợ Dinh***

Chợ Dinh bán áo con trai

Triều Sơn bán nón Mậu Tài bán kim.

Chợ Dinh lúc trước ở đường Chi Lăng, phường Phú Hiệp, Huế. Sở dĩ chợ được gọi như thế vì thời gian trước, vùng đất này có nhiều dinh thự của các ông hoàng bà chúa hay quan lại lớn, vì thế còn được gọi là **chợ Dinh Ông**, trước có bến đò, gọi là bến đò Chợ Dinh.

Mặt khác, theo ngữ nghĩa, *dinh* (còn gọi là *doanh*) là danh từ chung có từ thời các chúa Nguyễn, để chỉ một đơn vị hành chánh. Thời Nguyễn Phúc Khoát (1738-1765), chúa chia Đàng Trong ra làm 12 dinh, Phú Xuân (Huế) gọi là *Chính dinh*. Năm 1801, Nguyễn Ánh lấy lại được kinh đô cũ, Thừa Thiên Huế đổi thành *dinh Quảng Đức*, có kèm theo chữ *trực lệ*, tức thuộc về *Kinh sư*. Dinh Quảng Đức tồn tại đến năm 1822 thì được vua Minh Mạng đổi thành phủ Thừa Thiên.

Về sau, *dinh* được hiểu như một từ chỉ nơi chốn hoa đô hội, là trung tâm hành chánh, thương mại văn hóa; để phân biệt với chốn thôn dã, "quê mùa". Từ quê ra đến nơi đô hội thì gọi là "đi dinh", "lên dinh" hay "về dinh". Do đó, có thể khẳng định rằng ở Huế không có con sông nào được gọi là sông Dinh cả!

Trở lại trường hợp *sông Gianh*, không biết vì lý do gì mà có sự lẫn lộn với một câu ca dao khác thuộc tỉnh Quảng Bình! Trong tập *Văn học dân gian Bình Trị Thiên - Ca dao dân ca* do Trần Hoàng chủ biên, trong phần ca dao thuộc khu vực Quảng Bình có ghi nhận câu:

Lũy Thầy ai đắp mà cao

Sông Gianh ai bới ai đào mà sâu?

(Ca dao-dân ca..., sđd, tr.25)

Lũy Thầy và Sông Gianh là hai địa danh thuộc tỉnh Quảng Bình, điều đó là hợp lý.

Về sông Dinh, được biết ở vùng Tuy Hòa (Phú Yên) cũng có lưu truyền một câu ca dao liên quan đến sông Dinh, nhưng không có sự liên hệ nào với ngọn núi ở Huế:

Sông Dinh ai bới, ai đào

Để cho ngọn nước chảy vào vòng cung?

Qua một số tư liệu ghi chép thì sông Dinh là một nhánh nhỏ của sông Đà Rằng chảy quanh thị xã Tuy Hòa, nay sông đã bị bồi lấp.

Những điều đó cho chúng ta nhận định rằng: cả hai địa danh *sông Gianh* và *sông Dinh* tồn tại trong câu hát ở Huế đều không phù hợp.

Vậy câu ca dao trên có nguyên bản là như thế nào?

Đối với cư dân địa phương, ai cũng biết ở huyện Phú Lộc, Thừa Thiên Huế có hai làng được coi là rất gần kết với nhau, hễ nói đến làng này là phải nhắc đến làng kia; đó là làng *Nông* và làng *Truồi*. *Nông* (Hán) hay *Nong* (Nôm) là tên nói gọn làng *An Nông* thuộc xã Lộc An; *Truồi* là một thôn thuộc xã Lộc Điền, nằm cách trung tâm Huế khoảng 30km về phía Nam, tại đây có *núi Truồi* và *sông Nông*.

Sông Nông bắt nguồn từ núi Truồi, chảy qua đầm Cầu Hai, sông ngắn không rộng nhưng sâu, nước trong xanh có khi thấy tận đáy. Núi Truồi cao trên 1.000m, vươn cao giữa những dãy đồi nhấp nhô liên tục, đây là đỉnh khá cao trong vùng, quanh năm gần như chỉ vào mùa hè là không bị mây mù che phủ, dân địa phương quen gọi là "*độn (động) Truồi*". Nong và Truồi nổi tiếng không kém các danh thắng khác của Thừa Thiên với nhiều đặc sản như chè Truồi, sắn Nong.

Theo sách *Đại Nam nhất thống chí* do Quốc sử quán triều Nguyễn chép thì núi Truồi thuở ấy có tên là núi *Ứng Đồi* "*Ở phía tây huyện Phú Lộc, là ngọn núi cao nhất của kinh kỳ*" (ĐNNTC, tr.113). Cũng theo sách này thì sông Nong có tên là sông *Sư Lỗ*, "*Ở phía Nam huyện Phú Lộc, phát nguyên từ phía Bắc núi Ứng Đồi, chảy về phía Đông chừng 9 dặm đến Bàn Môn, lại chảy về phía Đông bắc rồi chia thành hai nhánh đổ vào Hà Trung*" (ĐNNTC T1, tr.128).

Với địa danh Truồi, nhà nghiên cứu Nguyễn Khắc Mai giải thích trên tạp chí *Sông Hương*:

"*Truồi là một vùng đất phía Nam Huế, nơi đó từng nổi tiếng sản vật chè. Chè Truồi, Truồi không phải từ Hán, trong từ vựng Việt nó không có ý nghĩa. Tôi đã dò tìm trong từ điển Chăm-Việt không thấy có từ tương tự, may quá, trong tiếng của người Pa-cô, một cư dân thượng du vùng Huế, nay họ cư ngụ trên dãy Trường Sơn, họ có từ **a-truôi**, nghĩa là **con gà**. Tôi ngờ rằng dưới chân núi Bạch Mã hẳn có nhiều tiếng gà rừng, gà gô, gà lôi, trĩ... Rồi vùng đất ấy xưa đã có tên là làng Gà*".



Đối với địa danh **Nông** (chữ Hán) hay **Nong** (nôm) được tác giả giải thích:

"Còn **Nong** là thế nào? Làng này từng có tên chữ là **An Nông** nghĩa là một vùng nghề nông an bình. Tôi đoán rằng đó là dịch ngược. Người xưa diễn dịch một cái tên làng dân dã thành tên chữ nghĩa. Tôi đã thử tìm xem ở làng đó có nghề truyền thống đan nong, nia là những dụng cụ của nhà nông hay không. Người xưa vẫn từng lấy tên một sản phẩm đặc biệt để đặt cho tên vùng đất quê hương. Ngoài Bắc từng có tên làng Cót, làng Mẹt, trong Nam lại có tên Vườn Trầu, Vườn Chuối... Nhưng ở làng Nong không có nghề đan nong. Lần tìm dấu vết trong tiếng Pa-cô thấy có tiếng **Tnoong**, nghĩa là cái cốt thóc, cái vựa, cái lẫm đựng thóc. Phải chăng đây là vùng quê xưa mà nghề trồng lúa rất phát đạt.

Một làng Nong gần làng Truối, nghĩa là cạnh làng lúa có làng gà. Những ước mơ về sự no đủ của người xưa có thể được ngụ ý vào tên làng xóm, còn gây cho con cháu ngày nay những suy tư cảm động (theo *Sông Hương*, sđd, tr.34).

Do sự gần gũi và gắn kết như thế nên nguyên văn câu ca dao trên đúng phải là:

*Núi **Truối** ai đắp mà cao
Sông **Nông** ai bới ai đào mà sâu?*

Câu ca dao này được xuất phát từ một câu ca dao khác rất phổ biến ở nhiều nơi:

*Non kia ai đắp nên cao
Sông kia ai bới ai đào mà sâu?*

Hoặc:

*Núi cao ai đắp mà cao.
Sông sâu ai bới ai đào mà sâu?*

Câu này đã được người dân Thừa Thiên Huế thêm vào hai địa danh của mình là núi Truối và sông Nông vào bằng hình thức chơi chữ rất thú vị:

Cũng như nhiều địa phương khác, hầu hết cư dân vùng này đa số có giọng nói và cách phát âm không chuẩn, cụ thể là địa danh **Truối** đã được phát âm thành **Trùi** hay **Tùi**, (tr thành t và uô thành u).

Trùi (đúng là Truối) được sử dụng theo nghĩa chỉ vật không nhọn, không cao, đối với cao.

Nông nghĩa là cạn; đối với sâu:

*Núi **Trùi** (Truối) ai đắp nên **cao**
Sông **Nông** ai bới ai đào nên **sâu**?*

Đây là cách chơi chữ rất đặc trưng, thường thấy ở nhiều câu ca dao khác ở Huế.

Cuối cùng theo nhiều tài liệu ghi lại thì tiếp sau hai câu trên là hai câu liên tục:

*Núi Truối ai đắp mà cao,
Sông (Gianh) ai bới ai đào mà sâu.
Nong tầm ao cá nương dàu,
Đò xưa bến cũ nhớ câu hẹn hò.*

Điều này củng cố thêm cho lập luận trên, vì ở Thừa Thiên Huế, hầu như ai cũng biết Truối là vùng đất nổi tiếng trồng dâu:

*Xứ Truối ngọt mít thơm dàu,
Anh đi làm rể ở lâu không về.*

Đò xưa bến cũ hẹn hò phải là bến sông gần gũi trong cùng một địa phương thì ngoài sông Nông ra còn là sông nào nữa!?

Tóm lại, đối với câu thứ hai trong câu ca dao trên, nếu đọc là *sông Gianh* hay *sông Dinh* đều không thực chuẩn, nó không tạo thêm nghĩa gì cho câu hát mà còn làm hạn chế vai trò của nó, không phản ánh đầy đủ mối tình cảm trọn vẹn của người dân trong vùng dành cho quê hương. Họ đã thể hiện tâm tư tình cảm qua ca dao bằng thứ ngôn ngữ nôm na và thông dụng nhất của mình. ■

Tài liệu tham khảo:

- *Đại Nam nhất thống chí*, T.1, QSQTN, Nxb KHXH, 1969.
- *Huế giữa chúng ta*, Lê Văn Hào, Nxb Thuận Hóa, 1984.
- *Ca dao xứ Huế bình giải*, Ứng Luận, Sở VH TT-H xuất bản, 1991.
- *Tìm hiểu tên làng quê xứ Huế*, Nguyễn Khắc Mai, tạp chí *Sông Hương* 2/2009.
- *Văn học dân gian Bình Trị Thiên - Ca dao dân ca*, Trần Hoàng chủ biên, Nxb Thuận Hóa, 1988.



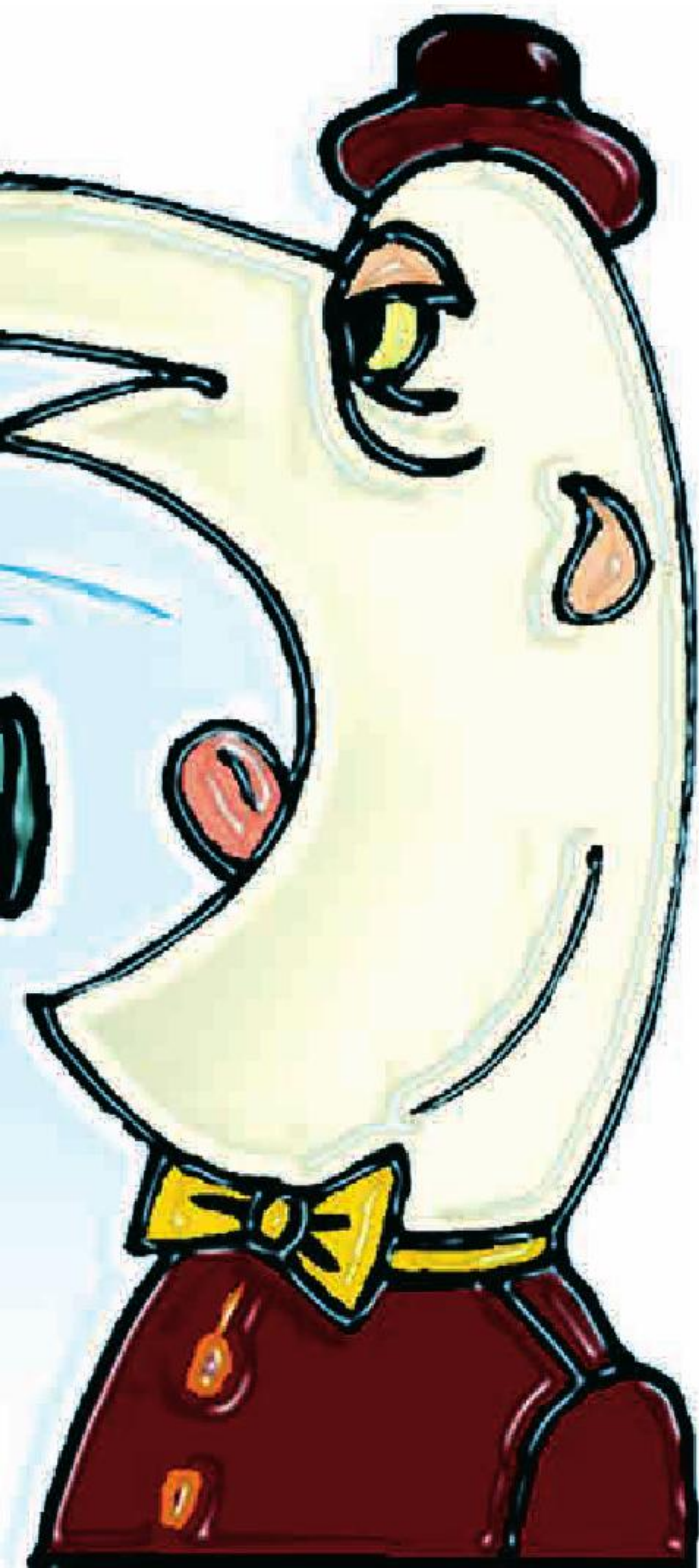
Nghĩ về một thái độ tranh luận

TRẦN VĂN CHÁNH

Trong sinh hoạt học thuật-tư tưởng, tranh luận dưới hình thức phản biện giúp làm sáng tỏ các lẽ phải trái, hoặc sự kiện đúng sai, từ đó các bên tham gia và những người quan sát bên ngoài có thể điều chỉnh lại nhận thức ban đầu của mình cho những vấn đề đang được xem xét, và một khi vấn đề đã trở nên ngã ngũ với kết luận rõ ràng thì kết luận đó cuối cùng sẽ được cả học giới và toàn xã hội công nhận, biến thành nhận thức chung

và chuẩn, có thể được đưa vào sách giáo khoa cho học sinh học tập.

Tuy nhiên, trên thực tế, có những vấn đề tranh luận không bao giờ đạt được sự ngã ngũ, mà chỉ dừng lại ở các giả thuyết, vì không đủ cơ sở tài liệu để khẳng định một cách chắc chắn, như trong trường hợp tranh luận nhau về văn bản gốc của hàng trăm câu thơ truyện Kiều, về vấn đề ai là diễn giả bản Nôm *Chinh phụ ngâm khúc* (Đoàn Thị Điểm hay Phan Huy Ích?), về không ít chi tiết liên quan



đến cuộc đời và tác phẩm của nữ sĩ Hồ Xuân Hương (cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX), chẳng hạn. Ở bộ môn lịch sử, cũng lắm vấn đề tương tự như vậy được đặt ra mà vẫn chưa thể đi đến kết cục, nên hễ ai dẫn chứng sự kiện đầy đủ và đưa ra được lý lẽ có tính thuyết phục hơn thì sẽ được nhiều người tin theo và ủng hộ hơn. Có thể nói, về tâm lý, mặc dù khá nhiều trường hợp người tham gia tranh luận trước sau vẫn bảo lưu ý kiến của mình, nhưng trong học thuật, nếu không có tranh luận thì hoạt động

học thuật cũng trở nên tẻ nhạt, đó là lý do khiến thể loại văn tranh luận đăng trên các báo, tạp chí và các mạng xã hội luôn hấp dẫn, gây được sự quan tâm theo dõi của nhiều người, và cuốn hút thêm sự tham gia tranh luận của những người khác.

Phạm vi các đề tài tranh luận thì hết sức rộng rãi, đa dạng. Có thể nói, chuyện gì cũng tranh luận hay phản biện được tất. Trên đây chỉ nói vấn đề thuần túy học thuật thì có phần đơn giản, vì ranh giới đúng sai tương đối rõ ràng, dễ phân biệt. Đến như những cuộc tranh luận về tư tưởng, hoặc chỉ về văn học, sử học, nghệ thuật mà có kèm thêm vấn đề quan điểm-lập trường để từ đó đánh giá thế nọ thế kia, thì vấn đề đã tỏ ra phức tạp hơn nhiều.

Ở Việt Nam những năm gần đây, do xã hội, thời đại và thực tế cuộc sống biến chuyển rất nhanh, nên dù muốn hay không muốn, ai cũng phải thừa nhận như một lẽ hoàn toàn tự nhiên, là vẫn tồn tại những quan điểm - lập trường hay nhận thức còn chênh lệch, chưa đồng đều thống nhất nhau, hoặc thậm chí đối lập nhau hẳn cho những vấn đề khác nhau liên quan đến chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, mà riêng về phương diện văn hóa với nghĩa rộng bao gồm cả các bộ môn văn, sử, triết, tôn giáo thì sự đối lập ý kiến giữa một số nhóm thức giả có chủ trương khác nhau dường như đã bộc lộ ngày càng rõ nét. Kết quả là hai chữ "phản biện" xuất hiện từ lúc nào không rõ nhưng đã được dùng khá phổ biến, và tạm gác qua các mạng xã hội trên internet, không ít tờ báo, tạp chí in trong nước hiện nay đã đặt ra loại chuyên mục với những tên gọi khác nhau như "diễn đàn" (hoặc "diễn đàn ý kiến"), "nghiên cứu-trao đổi", "lý luận-phê bình" (hoặc "nghiên cứu-phê bình-trao đổi")... để làm công việc phản biện chống lại những "ý kiến khác". Trước hết, và nói chung, phải nhận đây là dấu hiệu tốt tiến bộ, vì có công khai tranh luận thì mới làm sáng tỏ được những vấn đề mà đất nước và xã hội đang cần, qua đó gợi ý (nếu không muốn nói "hướng dẫn") giúp độc giả - tức dư luận quần chúng - có được những đánh giá và chọn lựa sáng suốt hơn cho những vấn đề hữu quan.

Bản chất của phản biện vốn hàm nghĩa là biện luận bằng lý lẽ để chống. Nói cách khác, chống lại cái đã đưa ra, dù đó là giáo điều truyền thống hay một loại "ý kiến khác" chưa được số đông người chấp nhận. Tuy nhiên cách "chống" ở đây tất yếu phải có sự phân tích và viện dẫn đến lý lẽ phải chăng, không được giáo điều một chiều. Nói chung, kiến thức cũng như lý lẽ của người chống đưa ra phải đủ mạnh và có sức thuyết phục hơn so với người bị chống, đòi hỏi vừa sự tinh tường, vừa thái độ khiêm tốn của người phản biện để nói sao cho lọt tai người khác. Chủ yếu chỉ nên nhắm đến khía cạnh đúng sai trong nội dung đề tài tranh luận, chứ không phải lý lịch cá nhân của đối phương, và vì thế cũng phải đảm bảo tinh thần dân chủ bình đẳng khách quan, trong sự công tâm, trong sáng, chính đại quang minh, lấy chân lý làm tiêu chuẩn, không thể vì định kiến, sự thù ghét hoặc

động lực cá nhân thấp hèn mà chửi bới lăng nhăng, sử dụng đến những biện pháp hay thủ thuật có tính chụp mũ đàn áp, nhất là chụp mũ chính trị để làm tiêu tan sự nghiệp người khác...

Trong thế giới văn minh hiện đại, việc làm nào, nghề nghiệp nào cũng đòi hỏi phải có khía cạnh văn hóa-đạo đức kèm theo. Như chơi thể thao cần đến văn hóa thể thao, thì tranh luận, phản biện cũng cần thứ tương tự. Kinh doanh thực phẩm hay làm báo cũng vậy, phải có đạo đức kinh doanh, đạo đức báo chí... Cho nên khoan tính chuyện phải trái, đúng sai, nếu mượn lý do "nghiên cứu-trao đổi", "phản biện", chuyên dùng lời lẽ xác láo thiếu văn hóa phê bình theo kiểu vùi dập, chụp mũ chính trị đối với những người có "ý kiến khác", thì không thể gọi là phản biện lành mạnh. Trong trường hợp này, ý đồ phản biện giả định có tốt thật chẳng nữa vẫn thường bị phản tác dụng, chẳng những không thuyết phục được đối phương mà còn dễ gây mất đoàn kết, gieo vào lòng người đọc nỗi nghi ngờ về động cơ thiếu trong sáng của những người phản biện.

Gần đây, rất tiếc thấy có hiện tượng tranh luận hoặc phản biện thiếu văn hóa xảy ra ở số ít tờ báo và tạp chí, nơi tập trung những "chuyên gia phản biện" gọi là "dư luận viên" để công kích một số đối tượng thuộc loại có ý kiến khác mà tất tần tật đều bị họ gán cho cái tội nếu không phản động chống phá Nhà nước, xuyên tạc lịch sử thì cũng có ý xấu này nọ.

Cách phản biện của họ thường không nêu ra được sự kiện, lý lẽ hay ý kiến gì mới, mà chỉ dựa vào một số những bài bản lý luận cũ rích đã học được từ mấy mươi năm về trước. Đường lối phản biện chủ yếu là dùng lối chụp mũ chính trị, gán cho đối phương những tội không có thật và không có bằng chứng cụ thể, như nói vu vơ rằng có sự xúi giục của những yếu tố nước ngoài này khác, rồi dùng những từ ngữ đao to búa lớn, lời lẽ bêu riếu, mỉa mai, mạ sát, bôi bác, vu cáo, xúc phạm cá nhân, thậm chí còn moi cả việc đời tư của đối phương ra hỗ trợ tranh luận để hi vọng thủ thắng. Một đôi khi, ngoài những thủ pháp vừa kể, thay vì chỉ tranh luận học thuật để phân biệt đúng sai, chờ dư luận khách quan hoặc các giới hữu trách phân xét, họ còn không quên để nghị lời cả đối phương của mình ra để trừng trị về mặt tổ chức, như trường hợp luận văn thạc sĩ văn học của Nhà Thuyên về thơ "mở miệng" ở ĐHSP Hà Nội hai năm về trước!

Có quá nhiều thí dụ không tiện kể hết ra. Như có mấy nhà "luận chiến văn chương" chuyên nghiệp viết tiếp liền trên 5-7 số tuần báo, trong khi phản biện quá hung hăng đã dùng những cụm từ ngữ nặng nề như sau để tấn công

đối phương là một nhà văn già nổi tiếng năm nay đã ở tuổi trên 80: "ma lanh láu cá", "à uôm", "một thâm ý được bộc lộ trắng phớ ra như thế", "mị dân quá thể", "cụ nhà văn đã tự nguyện làm miếng giẻ lau vết máu dưới gót giày quân xâm lược", "xem xã hội Việt Nam là cái sọt rác", "méo mó, khoác lác, lừa bịp, hồ đồ", "một thứ lập luận lạ đời của một cái đầu mang nặng tư tưởng phản bội, vong ơn bội nghĩa, đồ quốc tặc dân", "với bầy đàn như thế kia, thử hỏi ông định thức tỉnh cái gì?", "đã tự lột mặt nạ để lộ ra bộ mặt thật cơ hội, tráo trở của mình"...

Còn đối với một nhà văn khác trẻ hơn nhà văn già vừa nêu trên, chỉ vì mới phát biểu mấy câu đăng báo về đổi mới văn học, đã bị đưa ngay vào đầu bài phản biện kiểu chụp mũ: "Sau những ám chỉ, giấu mặt, giờ đây NHT đã lộ rõ chân tướng chính trị phản động, nhân cách thấp kém và những suy luận học thuật lơo leo đầu dơi mình chuột..." (Văn Nghệ TP.HCM, số 357, ngày 11/6/2015, tr.14).

Ngược lại, ở những tác giả phản biện kiểu nêu trên, khi muốn ca tụng ai thì cứ bốc đối tượng mình ca tụng lên mây xanh, người thường họ cũng gọi bằng "thánh", "thánh nhân"... Dường như đối với họ không có thứ ngôn ngữ khoa học trung tính phản ánh đúng bản chất sự vật, mà chỉ sử dụng hai loại ngôn ngữ lưỡng cực hóa là mạ sát và tâng bốc.

Cách làm việc như trên rất có thể xuất phát từ động cơ thiện chí muốn mau mắn tích cực thực hiện các đường lối chủ trương chính thống của chế độ, nhưng vì "bảo hoàng hơn vua" và bị phản tác dụng nên thực chất là làm trái tinh thần nghị quyết, chủ trương rằng về mặt lý luận phải chấp nhận "đối thoại thẳng thắn với những người

có quan điểm khác trên tinh thần khoa học, dân chủ, xây dựng, thuyết phục lẫn nhau" (trích Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 9/10/2014 của Bộ Chính trị về công tác lý luận và định hướng nghiên cứu đến năm 2030).

Ở đây, trong bối cảnh lịch sử phức tạp tế nhị hiện nay, chúng ta tạm không xét đến khía cạnh đúng sai giữa các bên có quan điểm dị biệt hoặc đối lập, cũng không chống hay bênh vực bất kỳ ai, mà chỉ xét đến khía cạnh thái độ văn hóa tranh luận-phản biện với những biểu hiện chưa được lành mạnh của nó. Điều còn chút may mắn là hiện tượng thiếu lành mạnh này chỉ mới ở mức thiếu sót trong hệ thống quy hoạch báo chí quốc gia, kiểu con sâu làm rầu nổi canh, nhưng nếu thiếu cảnh giác, để cho nó tăng trưởng dần dần lên thì sẽ nêu gương xấu về thói chửi rủa và mạ sát, điều tuyệt đối cần tránh vì rất nguy hại cho đầu óc thể hệ trẻ non nớt học sinh-sinh viên đang cần hấp thụ một nền văn hóa-giáo dục nhân bản lành mạnh. ■





Lang thang
trong chữ

Vẫn còn chính xác

HỒ ANH THÁI

Lầu nay nhiều ông Tây An Nam đã bê nguyên con số trong văn Anh Mỹ để áp vào chính tả tiếng Việt. Thử nêu ví dụ này: khoản tiền còn thiếu là 200,000 đô-la. Viết thế này, người Việt sẽ hiểu là chỉ có 200 đô-la. Dấu phẩy trong tiếng Anh khi chuyển sang tiếng Việt phải chuyển thành dấu chấm, phải là 200.000 đô-la thì mới đúng là hai trăm nghìn hoặc hai mươi vạn đô-la. Tôi thấy cách đặt dấu sai này đã vào đến nhiều bảng biểu kế toán của các cơ quan. Đành phải tự bảo rồi một lúc nào đó, từ điển tiếng Việt cũng phải chấp nhận nó. Cũng coi thay đổi chính tả như thay đổi một thói quen mà thôi.

Cũng là chuyện con số, nhưng là cách viết liên quan đến năm tháng. Lấy một ví dụ: quan hệ Việt - Mỹ được bình thường hóa năm chín lăm. Có người còn viết là năm 95. Đọc thì hiểu là năm 1995, vì cái năm ấy chưa xa lắm. Cũng như câu: sau năm bảy lăm, đất nước thống nhất, thì hầu như đều hiểu đó là năm 1975. Tuy vậy, sang đầu những năm 2000 rồi, nói 95 đây thì phía trước là năm 2095, còn xa, nhưng nhân loại đã đi qua nhiều năm 95, chẳng hạn 1895, 1795, hoặc chính là năm 95 Công nguyên. Không nên viết tắt là năm 95, nếu viết tắt thì nên thêm cái dấu chứng tỏ mình viết tắt: '95. Nhưng nhìn chung là nên viết đầy đủ: 1995.

Thêm nữa, tôi muốn tham khảo tiếng Anh về cách dùng số nhiều để xác định thập kỷ, và vẫn viết: những năm 1990. Người phản biện sẽ bảo, chỉ có một năm 1990 thôi. Đúng vậy, nhưng những năm 1990 là hàm ý một thập kỷ bao gồm năm 1990 đến 1999, là số nhiều, là những năm. Tiếng Anh viết: 1990s, chữ s đằng sau hàm ý số nhiều, đúng nghĩa là *những năm 1990*. Không ai bắt bẻ là chỉ có một năm 1990. Chỗ này thì nên tham khảo tiếng nước ngoài. Còn nói là những năm chín mươi thì không chính xác, không rõ nó thuộc về thế kỷ nào. Nếu không viết thập kỷ 90 của thế kỷ XX, thì viết những năm 1990 cũng là được.

Cũng là một cách dùng quen mà không chính xác: *năm 30 sau Công nguyên*. Ta đang sống trong Công

nguyên mà, kỷ nguyên ấy đã hết đầu mà gọi là sau Công nguyên. Tôi thì vẫn viết là năm 30 Công nguyên, để phân biệt với năm 30 trước Công nguyên, bảo đảm không sai.

Người ta còn quen dùng một cụm từ theo kiểu: lễ kỷ niệm 38 năm ngày thống nhất đất nước. Đã năm lại còn ngày. Vẫn hiểu ý tứ chỗ này: kỷ niệm 38 năm vào đúng ngày thống nhất. Tôi từ chối lối hành văn này, mà viết: lễ kỷ niệm 38 năm thống nhất đất nước, sau đó ghi chính xác cái ngày. Đủ. Và chính xác.

Nói tiếp chuyện thiếu chính xác, trong cuốn *Hãy chăm sóc mẹ* (Lê Hiệp Lâm và Lê Nguyễn Lê dịch), ta nhặt được một câu: vừa tháo cái khăn đang đội trên đầu ra phủi bụi bám trên quần áo, tôi vừa nhìn ông cùng chiếc xe đạp đang dẫn mắt hút... *Gánh nặng trên đầu đã biến mất*, tôi cảm thấy nhẹ nhõm lạ thường (tr.258).

Tôi nhớ thời sinh viên, một cô bạn từ bé mới bước chân về nông thôn có vài lần, còn ở thành phố cô chỉ vài lần thấy con bò kéo xe. Một hôm, đang đi trên đường phố Hà Nội, cô bất ngờ thấy một con bò không kéo xe. Thốt lên: Ô, bò đi bộ. Cả đám bạn bè được một trận cười. Cô mới chỉ thấy bò kéo xe, tức là bò đi xe, bây giờ lần đầu tiên cô thấy bò không đi xe. Nó đi bộ.

Kể lại chuyện cũ để thấy rằng dịch giả có thể cũng giống cô bạn kia, có thể chưa bao giờ thấy người ta gồng gánh trên vai. Một chiếc đòn gánh đặt trên vai, hai đầu đòn gánh móc vào hai cái dây quang, dây quang mang mỗi bên một cái thúng hoặc rổ hoặc bồ, thậm chí là hai cái sọt. Tóm lại, gánh là gánh bằng vai. Nặng hay nhẹ thì cũng cùng gánh trên vai. Chẳng ai đặt đòn gánh lên đầu mà gánh cả.

Thêm câu này nữa để cười cho vui, nếu như có thể cười được: *Con chó vẫy đuôi khi được anh vuốt ve trên người nó*.

Đùa một tí, không hề có ý nặng lời: chó mà lại là người được sao? Lại vẫn là viết quen tay. Trên mình nó chứ nhỉ. Trên thân nó chứ nhỉ. Hay là người viết còn hàm ý nào khác? ■



Vọng ngữ cung cầu

LÊ HẢI ĐĂNG

Khuất trong Công viên Gia Định, từng có hai lớp thể dục thẩm mỹ, học vào mỗi buổi sáng, học viên đa số là phụ nữ tuổi trung niên. Sau một thời gian ngắn chỉ còn một lớp hoạt động.

Xét về nội dung bài học, trình độ huấn luyện viên... có thể nói hai lớp học này giống nhau. Song, trong cách thức truyền đạt bài giảng lại có sự khác biệt. Một huấn luyện viên chuyên chú vào từng động tác, hô to đồng dục giữa công viên đông người, nhưng chẳng hề gây được sự chú ý, không thể làm dậy lên niềm đam mê của các học viên. Trong khi huấn luyện viên kia ghi âm hiệu lệnh vào máy cassette, đơm đặt, thêm thắt lời lẽ... khiến cả lớp hứng khởi. Cùng là một động tác "lắc hông", nhưng nghe máy cassette phát ra: "*Lắc hông đánh tan mỡ bụng*", cả lớp liền tập luyện say sưa, dường như cái mục đích "đánh tan mỡ bụng" đã phá vỡ thói chệnh mảng, lười biếng của họ; mặc dù

chẳng ai dám đảm bảo chắc chắn về kết quả thực sự của động tác đó.

Như hai khía cạnh của một hình tượng, cũng tại công viên này, một lớp tập dưỡng sinh thu hút đông đảo sự tham gia của các cụ già với những bài tập phù hợp với trẻ nhỏ, song, dưới sự hướng dẫn của huấn luyện viên pha trộn những lời lẽ dí dỏm, vui nhộn, ngộ nghĩnh khiến cho cả lớp bị hấp dẫn, đặc biệt là tính chất "thần dược" qua từng động tác; như cùng một động tác đan hai bàn tay vào nhau, tùy từng vị trí tiếp xúc mà có khả năng giúp "tăng cường trí nhớ", "bổ trợ dạ dày", "thanh lọc bàng quang", "ổn định cột sống"... Cứ thế, ai có bệnh tình gì, ngay lập tức có những động tác thể dục đi kèm giúp hóa giải nỗi ưu tư. Lớp bóng đá tổ chức tại Sân vận động Quân khu 7 thì giúp "phát triển chiều cao", "giảm cân"... Hễ con người xuất hiện nhu cầu sẽ có nơi đáp ứng. Quan hệ cung - cầu thiết lập trên cơ sở thỏa nguyện nhu cầu các bên

tham gia. Con người đã đi từ tinh thần “tự do” đến “nô lệ” và có ảo tưởng về những giá trị ngoại tại.

Tương tự như vậy, ở lĩnh vực âm nhạc, nhiều phụ huynh cho con học đàn piano bị thôi thúc, ám ảnh bởi hình ảnh “thiên thần” với cây đàn trước bao cặp mắt vây quanh ngưỡng mộ. Mấy anh chàng mới lớn chọn tác phẩm xuất phát từ động cơ “cua gái”, chẳng mấy người quan tâm khám phá chân trời vô tận của nghệ thuật nhằm trở về miền đất hoang vu bị bỏ quên trong tâm hồn.

Trong một số phạm vi nào đó, tâm hồn trẻ nhỏ có thể ví như tờ giấy trắng. Nhưng xuất phát từ tư duy thực dụng, tác động của một số hình thái giáo dục thiếu trong sáng đã bẻ cong đường nét ngây thơ khiến cho tờ giấy trắng trở thành giấy lộn với hình ảnh nguệch ngoạc, nhòe nhoẹt, méo mó, vỡ vụn... Và khi tâm hồn lạc lối, mọi phương pháp giáo dục bắt đầu trở nên vô bổ.

Cuối năm đi họp cho cô con gái học ở một trường tư thục. Ngôi trường này vốn nổi tiếng về sự khắt khe, “nói không với bệnh thành tích”... Quả thật, với kết quả “thường thường bậc trung” của tất cả các em học sinh của lớp, phụ huynh dường như tin tưởng vào kết quả học tập đã được phản ánh chính xác. Song, bản thân tôi lại không khỏi nghi ngờ về thực trạng hạnh kiểm của các em. Lớp có sĩ số 26 học sinh, trong đó có 24 em hạnh kiểm tốt. Điều này dường như đi ngược lại những gì báo chí, phương tiện truyền thông phản ánh.

Hỏi về cách thức đánh giá hạnh kiểm của trường mới phát hiện ra lỗ hổng thênh thang mà tiêu chí “Giáo dục công dân” dựa vào. Theo đó, các em tự đánh giá lẫn nhau; còn về các môn Giáo dục công dân và Đạo đức, việc kiểm tra dựa vào phương pháp trắc nghiệm kiến thức. Nếu Đạo đức mà kiểm tra được bằng lý thuyết và học thuộc bài, tôi dám chắc, tham nhũng, tiêu cực... không bao giờ xảy ra ở tầng lớp quan chức cấp cao. Vì, họ đều nhận thức một cách sâu sắc những gì đúng và sai, hành động nào không được làm...

Trên thực tế, đạo đức không dừng lại ở kiến thức học thuộc, mà dựa vào hành động. Lòng từ bi, bác ái, nhân hậu, trắc ẩn... chỉ hiện hữu khi đem ra sử dụng. Mặt khác, đạo đức, cũng giống như tình yêu, tôn giáo và nghệ thuật là những lĩnh vực “tự do”, hiểu là hành động xuất phát từ động cơ bên trong mỗi cá nhân, do bản thân tự mình hối thúc, chứ không phải màn “trình diễn” giả tạo nhằm thu hút sự quan tâm bên ngoài. Hoạt động từ thiện bấy lâu nay đã lạc mất giá trị chân thực này. Nhiều nơi tổ chức từ thiện như sự kiện văn hóa, có quay phim, phát trực tiếp lên truyền hình nhằm lan tỏa thứ giá trị giả dối một cách chân thực.

Xã hội cung cầu đang có chiều hướng lan rộng thành thứ giá trị văn hóa phổ biến, chuộng bề ngoài, hình thức, nhằm mục đích trình diễn. Nó xa rời bản chất đích thực. Chẳng phải chúng ta có “cỗ xe tam mã” chạy bằng công nghệ tiên tiến, hiện đại, có tư duy, đầu óc tổ chức chuyên nghiệp... là có thể sớm đưa văn hóa đại chúng tiến gần

tới xã hội nhân văn, lương thiện... Bởi, nếu đi nhầm hướng, càng đi càng xa với đích.

Bài học về đạo đức ở nhà trường theo xu hướng nhắm vào nhận thức, bỏ qua hành động, kết quả dựa trên cơ sở trắc nghiệm kiến thức... sẽ làm lạc mất giá trị đích thực. Khác với thời xa xưa, con người chưa biết thế nào là đúng – sai để hành động cho đúng. Ngày nay, đa số người ta đều biết thế nào là sai, nhưng vì lợi ích, nên vẫn cứ làm sai. Nhận hối lộ, nhúng nhieu, cửa quyền, lợi dụng chức vụ, mua quan, bán chức, “văn hóa phong bì”... tất cả đều được nhận thức đúng đắn, nhưng hành động không tương thích để lại hậu quả nặng nề. Học sinh chửi thề, đánh hội đồng, ích kỷ, không quan tâm đến những người xung quanh... đều phơi bày giữa môi trường công cộng. Ai cũng có thể quan sát, song hạnh kiểm lại được đánh giá, ghi nhận là tốt! Thấy cô vì thành tích của mình, nhà trường và phụ huynh học sinh vì thể diện của mình, tất cả cùng nhau tiếp tay, xây dựng hình ảnh giả dối của một nền đạo đức thiếu trung thực từ cội rễ.

Tôn giáo, tình yêu, nghệ thuật cũng rơi vào tình trạng biến sắc, biến tướng. Tinh thần tự do bị chủ nghĩa thực dụng ngự trị, tư duy mục đích “quyết định luận” độc tôn. Tiếp cận với Thiền, Yoga... đa số người ta ủy thác mong ước của mình lên tác dụng diệu kỳ của những kỹ thuật tập luyện này thay vì ứng xử một cách hồn nhiên.

Trong bài: “*Sự thật chỉ phát sinh từ hiểu biết*” của tác giả Thierry Truillet phỏng vấn Đại sư Tích Lan Walpola Rahula đăng trên tạp chí Văn Hóa Phật Giáo số 225 có đề cập con đường và các phương pháp tu tập. Đại sư Walpola Rahula nhấn mạnh rằng: “*Một khi nêu lên một con đường hay một kỹ thuật nào đó, thì mọi sự sẽ chấm dứt ở đấy. Phép thiền định vipassana tự nó không hàm chứa một kỹ thuật nào cả. Đó chỉ là cách mà bạn phải luôn ý thức về tất cả các hành động mình thể thôi*”.

Khi Quán Tự Tại Bồ-tát hành thâm Bát-nhã Ba-la-mật-đa thì ngài phát hiện chân lý “Ngũ uẩn giai không”.

Trong quá trình theo đuổi những giá trị ảo tưởng, con người đã đánh mất những dấu hiệu về mình. Chúng ta có thể liên kết hiện tượng này với bối cảnh xã hội đương đại, khi mà lòng tin càng ngày càng sa sút, trượt dốc nghiêm trọng thì tình trạng bám víu, trông cậy vào những tác nhân ngoại tại gia tăng. Sự lệ thuộc vào những hỗ trợ tâm linh nổi lên như một biện pháp điều trị tâm lý. Ở hoạt động kinh tế, người ta nhờ đến những vật phong thủy, tỳ hưu, những con cóc ngậm tiền, thần tài ôm vàng... Trong trị liệu, thực phẩm chức năng được lạm dụng một cách bất thường. Còn đối với đạo đức, xã hội, người ta đang truyền đi thứ giá trị giả dối, thực dụng tầm thường.

Chân lý chỉ có một, nhưng cách thức thể hiện lại muôn hình vạn trạng. Trên con đường dẫn chúng sinh đi từ ngộ Có tới ngộ Không, các giáo phái nói chung đều phải sử dụng phương tiện thế gian, bởi vậy chúng ta không ngạc nhiên khi thấy Tịnh thổ, Tây phương Cực lạc cũng giảng đầy hoa thơm cỏ lạ. ■



Vườn Trời

CAO HUY HÓA

Mỗi lần vào Sài Gòn, tôi có dịp ở lại trong một chung cư xa trung tâm thành phố, thuộc loại khá. Chẳng mấy khi tôi lên tầng cao trong tâm thế thành thơi, cho nên cảm giác cũng hay hay. Kiến trúc hợp lý, hoàn hảo. Tôi ra hành lang tận hưởng gió trời và không khí trong lành, ngắm nhìn xung quanh lô nhô mái nhà và cây xanh, văng vẳng tiếng xe. Ở trên cao như thế này, xe cộ có nơi giữ, lên xuống có thang máy, có gì bất tiện đâu, mà lại không hưởng thanh bình? Thế mà chỉ ở một ngày, tôi đã thèm, thèm... đất! Tôi đi xuống, thơ thẩn loang quanh, rồi tìm một quán cà-phê ngắm người qua lại. Từ lâu tôi đã sống chan hòa với người, với cây, với đất một cách vô tư, nay thì cách mặt đất chẳng bao lâu mà đã thèm trở về đất, đi trên đất, bình thường như mọi người.

Có lẽ những người quen sống ở nhà trệt, trong một không gian khá thoáng, đến khi phải lên ở trên cao một vài ngày, đều có chung ý nghĩ như tôi, và tôi bắt gặp ý nghĩ đó ngay ở đất nước xa xôi như nước Anh.

Đại đa số dân Anh ngày nay sống ở đô thị, trong cao ốc, nhưng tận sâu thẳm ẩn tàng trong tâm hồn, họ vẫn lưu luyến đất. Điều đó cắt nghĩa vì sao họ thích lang thang trên đường phố ở thủ đô London trong bất cứ mùa nào và thời tiết nào, rồi tìm một góc thích hợp để ngồi tĩnh lặng. Trong một khu vườn âm u tại trung tâm của St James's Square, ngay phía dưới tấm biển ghi nhớ

của Postman's Park, giữa những bia mộ tàn tạ phía sau nhà thờ St Alfege ở Greenwich, mọi người đến đây để đọc sách, đùa vui, ngẩng mặt lên trời và thả hồn vẩn vơ, như để thư giãn cho bù lại một ngày làm việc mệt nhọc.

Làm sao đáp ứng niềm khao khát đất của những người ở trên cao? Chỉ có cách đem đất lên gần họ; và những nhà thiết kế đô thị đã làm như thế. Đơn giản nhất là đưa đất lên mái nhà, trên sân thượng; phức tạp hơn là xây dựng những hành lang rộng như cây cầu ở giữa những tầng cao ốc và đưa đất lên đó. Trường hợp sau có thể là một vườn trời, một công viên đô thị mới như Promenade Plantée ở Paris (Pháp), New York's High Line (Mỹ) và sắp đến là Garden Bridge ở London (Anh).

Vườn trời ở Anh, sẽ mở cửa nay mai, có diện tích 9.000 feet vuông (khoảng 800 mét vuông) trên mái của địa chỉ 20 Fenchurch St, một cao ốc văn phòng 37 tầng. Những người chủ mong muốn cao ốc sẽ được nhìn dịu mắt hơn với không gian xanh trên mái, với những cây trồng hiếm có, du nhập, phong phú về chủng loại.

Vườn trên mái nhà, vườn trời trên cao ốc không chỉ có ý nghĩa đáp ứng cảm giác nhớ đất, giúp con người thư giãn trên cao, mà còn có ý nghĩa kinh tế và môi trường. Trồng rau, củ, quả trên cao không chỉ để ngắm mà còn để ăn, tiêu thụ hoặc bán. Phải chăng vì đất chật, người đông, đất canh tác ít nên người ta bày đặt trồng cây lơ lửng trên không? Không hẳn như vậy, vì các nước đi đầu trong việc canh tác này là những nước phát triển cao,

chuyện cơm ăn áo mặc cho dân không có gì bức bách. Nhưng ngày nay, chuyện hâm nóng trái đất, chuyện ô nhiễm môi trường... khiến người ta nhìn lại sản xuất lớn trong nông nghiệp, dầu biết rằng trên tấm vĩ mô, không thể chối từ sản xuất lớn. Cơ giới hóa nông nghiệp, kho tàng bến bãi, bảo quản, vận chuyển, tiêu thụ... đòi hỏi sử dụng nhiều năng lượng, thải ra khí CO₂ làm hâm nóng quả đất; rồi thì phân bón hóa học, thuốc trừ sâu, diệt cỏ dại... làm ô nhiễm môi trường, đầu độc thức ăn, nước uống. Ngày nay nhiều người tin tưởng ở canh tác nhỏ lẻ tại nơi mà mình biết rõ phẩm chất sạch của nguồn thức ăn. Vậy thì, trồng rau củ quả trên cao, chọn đất sạch, rau mầm sạch, giống sạch, và phân bón hữu cơ sạch thì sản phẩm là quá lý tưởng – tất nhiên là quá ít.

Ngay giữa thủ đô Paris của Pháp, quận 20, trên mái nhà của Trường Cao đẳng Henri Matisse, Hội Veni Verdi đã quyết định thực hiện dự án đầu tiên về canh tác trên mái nhà, nhằm rút kinh nghiệm cho canh tác đô thị có khả năng nhân rộng sau này. Đất đưa lên sân thượng, đổ đầy vào 120 bao hình hộp, trong đó người ta gieo trồng xà-lách và các loại rau. Đất gồm có đất thường và đất mùn, trộn với bã cà-phê và dăm bào. Cây trồng trong các bao dưới dạng thử nghiệm, cho nên có nhiều loại trong một bao và trồng dày: có cây cao như cà chua xen với cây thấp như rau mùi, cây củ cải, xà-lách, nhưng phải để ý sự cộng sinh giữa các loại cây đó. Người ta tính toán rằng với diện tích từ 600 đến 800m², canh tác tốt, có thể mang lại lợi tức đủ cho một người sinh sống.

Canh tác kiểu đó có ô nhiễm không? Để giải tỏa nghi ngại này, người ta đã chọn lựa đất không có kim loại nặng, và bảo đảm đất sạch. Người ta cũng không sử dụng thuốc trừ sâu và phân vô cơ.

Đầu tháng 7/2014 là thời điểm thu hoạch cuối cùng trong năm trên mái nhà của Trường Cao đẳng Henri Matisse. Cơ sở khi đó vắng sinh viên, nên đóng cửa và những thành viên của Hội Veni Verdi có thể lên mái nhà từ giữa tháng 6. Họ nhặt những gì có thể và thu hồi hạt cho sang năm. Bản tổng kết gây ngạc nhiên thích thú cho những người liên quan. Một điều đặc biệt là chu trình từ sản xuất đến tiêu thụ thật là ngắn. Nhà trường liên kết với khách sạn gần đó để bán những bao cây rau mầm mesclun giá 1,5 euro.

Tại Hoa Kỳ, làm nông trên mái nhà được phát triển hơn ở Pháp rất nhiều. Những dự án với chút ít công nghệ cho ra đời rau tươi cho những nhà sinh thái ở New York. Chẳng hạn, dự án Gotham Greens đã thu hoạch 300 tấn xà-lách và rau húng suốt năm trong nhà kính được sưởi ấm bởi những tấm pin mặt trời tại Brooklyn.

Tuy nhiên, ở Pháp, những người khởi xướng canh tác trên mái nhà suy nghĩ sâu xa hơn, không chỉ nhằm hiệu quả canh tác mà còn hướng đến một hệ sinh thái trong việc tạo lập một vườn rau trên mái của khách sạn Pullman Tour Eiffel, bằng cách bắt chước thiên nhiên. Điểm khởi đầu của dự án Pullman này là giảm thiểu

những chất thải hữu cơ gây ra bởi quán bia trong khách sạn. Như thế, phân ủ là yếu tố đầu tiên của hệ sinh thái vườn rau. Nuôi ong để hút nhụy hoa của rau và giúp thụ phấn. Toàn thể mái nhà được xanh hóa nhờ rau. Giun đất sinh sôi và di chuyển tùy thích, làm tăng thêm độ phì của đất. Những hàng cây chịu đựng thời tiết lâu dài cho phép bộ rễ làm tổ và kiểm soát những côn trùng gây hại. Nuôi gà giúp giảm thiểu những đồ thải hữu cơ và cung cấp trứng.

Dự án sau đây ở dạng hình mẫu mà cũng đã hấp dẫn. Mái nhà Mozinor, một cơ sở công nghiệp, ở phía Bắc Montreuil – vùng phụ cận ở phía Đông Paris – đem lại 1,5 hecta diện tích khai thác, cũng tương đương với diện tích trồng trọt cổ truyền bình thường trên đất. Dự án liên kết cả một tập thể hiệp hội và tư nhân cùng nhau nghiên cứu, đưa lại những kinh nghiệm rai rác đây đó, và cùng nhau gập gờ trong một không gian thuận lợi để thực hiện ý tưởng. Những người khởi xướng dự án này tin rằng có thể cung cấp những thùng rau cho công nhân những xí nghiệp làm việc trong tòa nhà.

Để nghề nông thành thị có khả năng sinh lợi, tất yếu phải tìm những loại rau tốt phù hợp. Người ta không trồng khoai tây mà thị trường đã quá nhiều. Tốt nhất là nên đặt cược vào những sản phẩm khó vận chuyển và cần nhiều nhân công khi thu hoạch. Đây là lợi thế của những người canh tác, sản xuất nhỏ ở địa phương, vì sản phẩm là dễ bị giập và rất cần tươi, không thể trôi nổi trong dây chuyền công nghệ vận chuyển và tiêu thụ. Ví dụ các loại hoa ăn được, rất mỏng manh, rau xà-lách mesclun thật tươi cần đến người tiêu thụ trong nhà riêng hay trong khách sạn, rau mùi đòi hỏi phải dùng tay cẩn thận khi thu hoạch,...

oOo

Chuyện làm nghề nông trên cao có khả năng phát triển và trở thành bình thường không, khó mà tiên đoán, chỉ có một điều chắc chắn: cuộc sống diễn ra muôn màu muôn vẻ, ai mà lường được? Trước đây, có ai nghĩ rằng chuyện rau trái là chuyện canh tác của người dân sống trong cao ốc, của những người làm công nghiệp? Thế mà nay có khái niệm nhà nông thành thị, có thực tế vườn trên cao. *"Ta dại ta tìm nơi vắng vẻ"*, xưa đã hay, nay cũng vẫn hay. Ngày nay, trong các xã hội phát triển, người khôn thì quá nhiều và người dại cũng không ít, trong đó có người tìm nơi dại không phải ở chốn quê mà lại ở trên cao, giúp con người thư giãn để có năng lượng lao vào nơi khôn. ■

Tài liệu sử dụng:

- *"If you love green urban spaces, shout it from the rooftops"*, Jane Shilling, The Telegraph online, 11/1/2015.
- *"Et si on essayait l'agriculture sur toit?"*, phóng sự gồm bài, hình ảnh và video clip trên Le Monde.fr, 15/11/2014.



Điều ít biết về *Tình khúc ơ bai*

Chiều nọ, nắng ấm và trong. Tôi ngồi uống trà thông thả cùng nhà văn Chu Bá Nam trong một căn gác nhỏ trên đường Phù Đồng Thiên Vương ở TP.Đà Lạt. Ông và tôi như hai nhà khảo cổ, ngồi mân mê mấy tấm di ảnh mốc thối bụi thời gian mang hình hài chàng trai Trịnh Công Sơn thuở còn gồ mòn gót giày khắp phường phố Đà Lạt trước khi trở thành nhạc sĩ nổi tiếng. Cả hai nửa như muốn nói, nửa như muốn im, nửa như muốn dứt, nửa như muốn nối. Gương mặt Trịnh xưa cũ lại lần lần hiện về. Tôi chợt nhận ra trong cái nắng hanh hao đầu hạ thấp thoáng một nét nhớ, nhưng chưa kịp nắm bắt thì nó đã tự lảng xuống và tan đi. Vị đậm của trà Thái thành một thứ ngôn ngữ. Ngôn ngữ của đất đai xứ sở thấm thấu vào lòng mình những chặng đời nổi nhen thăm thẳm.

Rồi tôi đã làm một cuộc xe gắn máy vượt hơn 110 cây số từ Đà Lạt về Bảo Lộc, nơi từng lưu dấu chân Trịnh Công Sơn trong vai trò thầy giáo dạy tiểu học, ngồi ẩn mình ở một quán vắng, nghe ngao vài ba câu nhạc và vu vơ nhớ Trịnh. Cùng lúc, từ chiếc computer của quán, giọng hát Khánh Ly vẳng vất liêu trai nhả rõ từng câu nhạc: “Tôi đi bằng nhịp điệu một hai ba bốn năm / Em đi bằng nhịp điệu sáu bảy tám chín mười / Ta đi bằng nhịp điệu nhịp điệu không giống nhau / Ta đi bằng nhịp điệu nhịp điệu sao khác màu” trong khê nong ma mị.

Tình khúc ơ bai (ơ bai trong ngôn ngữ K’Ho phải đọc là ơ vai mới đúng) được Trịnh Công Sơn viết ở giọng đô trưởng (Cmajor), điệu valse, gồm hai câu nhạc. Câu nhạc đầu, Trịnh Công Sơn sử dụng nhịp 3/4, đến câu nhạc sau, nhạc sĩ chuyển tiết tấu sang 2/4, làm cho câu nhạc trở nên dồn dập, sống động. Giai âm chủ đạo của *Tình khúc ơ bai* là giai âm ngũ cung. Tuy vậy, Trịnh Công Sơn có biến tấu một đôi nốt nhạc, tạo sự khác biệt, nhằm làm cho giai điệu bài hát trở nên mênh mang hơn. “Mặc dù ban đầu Trịnh Công Sơn viết *Tình khúc ơ bai* theo giọng đô trưởng, nhưng khi qua giọng hát Khánh Ly, thì chuyển xuống thành mi trưởng (E major). Còn nếu như *Tình khúc ơ bai* được hát bởi giọng Hồng Nhung, lại chuyển đổi thành sol trưởng (G major)”, Nhạc sĩ Đình Nghi, Chi hội trưởng Chi hội Âm nhạc Việt Nam tại Lâm Đồng, Trưởng đoàn Ca múa nhạc dân tộc Lâm Đồng, trao đổi qua điện thoại.

Đây là cách phân tích tác phẩm âm nhạc theo lối phổ thông kinh viện, mà đối với những ai đã từng theo học ngành âm nhạc, không quá khó để chỉ ra những điều trên. Còn tôi, tôi thích nhìn nhận *Tình khúc ơ bai* qua một lăng kính khác, lăng kính của đời thường, gắn với chuyến đi thực tế của Trịnh Công Sơn trên đất Lâm Đồng.

Chợt nhớ, trong một lần trò chuyện, nhà thơ Trần Ngọc Trác, nguyên Chủ tịch Hội Văn học Nghệ thuật Lâm Đồng, có nói đại khái rằng, Trịnh Công Sơn sáng tác *Tình khúc ơ bai* nhân chuyến đi thực tế sáng tác tại vùng đồng



Bài & ảnh: **TRỊNH CHU**

bào dân tộc thiểu số K'Ho (thôn Đồng Đò, xã Đinh Lạc, huyện Di Linh). Nay, thôn Đồng Đò thuộc về địa phận hành chính của xã Tân Nghĩa, huyện Di Linh. Thế rồi, tôi đã phải vắt dòng lịch sử, tìm về những ký ức rời, qua câu chuyện của một người trong cuộc, nhạc sĩ Đình Nghi, để lần gỡ nguồn cơn cháy khát giúp Trịnh Công Sơn làm nên *Tình khúc ơ bai*. Nhạc sĩ Đình Nghi xác nhận: "Quả có câu chuyện trên!".

Theo nhạc sĩ Đình Nghi, khoảng tháng 3 năm 1987, bà Cao Thị Quế Hương, Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Lâm Đồng lúc bấy giờ, dẫn đoàn nhạc sĩ đi thực tế tại các huyện Đức Trọng, Di Linh, Bảo Lộc và TP.Đà Lạt. Trong chuyến đi này, phía Sài Gòn có các nhạc sĩ Phạm Trọng Cầu, Trịnh Công Sơn, Hoàng Hiệp, Miên Đức Thắng và Trần Long Ẩn; phía Lâm Đồng có Mạnh Đạt, Đình Nghi, Sóng Trà, Duy Thanh và Phan Bá Chúc. Khi đến thôn Đồng Đò, đoàn có ghé thăm gia đình chị Ka Nheo, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ xã Đinh Lạc. Chị Ka Nheo có đem rượu cần mời khách. Các già làng và các sơn nữ trong thôn cũng đến. Mọi người ngồi quanh ché rượu. Cần rượu cứ thế mềm môi vít cong, khách trước rồi đến chủ, từ chủ lại qua khách. Men rượu cần càng nồng, tiếng hát lại càng vang xa, xa mãi. "Trịnh Công Sơn và các nhạc sĩ đang ngồi quây quần cùng bà con bên trong ngôi nhà dài (hùi rột), bỗng một bé gái K'Ho xin hộp quẹt ga (bật lửa) của anh Trịnh Công Sơn. Lúc ấy, anh Sơn đùa: "Vậy thì theo anh về Sài Gòn nhé!". Em gái K'Ho

ngượng ngịu, bật thốt: "Ơ bai!". Chị Ka Nheo giải thích: "Ơ bai" trong tiếng K'Ho có nghĩa là "Không chịu!". Nhạc sĩ Đình Nghi cho biết, sau chuyến đi thực tế đó, Trịnh Công Sơn có bài *Tình khúc ơ bai*.

Cũng liên quan đến *Tình khúc ơ bai*, ngày 17 tháng 11 năm 1988, từ TP.Hồ Chí Minh, Trịnh Công Sơn có mấy lời thư gửi lên Đà Lạt cho bà Cao Thị Quế Hương, người trực tiếp đưa các nhạc sĩ đi thực tế. Nội dung bức thư đã được bà Cao Thị Quế Hương công bố trên tập san *Khát Vọng* do Nhà xuất bản Thanh Niên ấn hành, tôi xin chép lại: "Quế Hương thân mến! Gửi lên Quế Hương ba bài hát đã thất lạc. Bài mới chưa viết được vì bận rất nhiều công việc cộng thêm bị đau suốt cả tháng nay vì cụp xương sống không di chuyển được. Về lời bài hát *ơ bai*, nếu ngại người K'Ho hiểu lầm, thì Quế Hương nên cắt nghĩa cho họ. Chữ "khác màu" không có nghĩa là màu da mà chỉ là màu sắc của hòa âm cuộc sống. Và chính đoạn kết *ơ bai* chính là sự phủ nhận sự khác biệt trên. Chúc Quế Hương vui và khỏe. Thân ái. Ký tên Trịnh Công Sơn".

Ở phần tái bút, Trịnh Công Sơn viết: "Gửi mấy cái ảnh chụp ở lần gặp ở buôn người dân tộc K'Ho".

Cứ theo cách nói của Trịnh Công Sơn, "đoạn kết *ơ bai* chính là sự phủ nhận sự khác biệt trên", tức màu sắc của hòa âm cuộc sống, rồi thử đem ra đối chiếu với phần dịch nghĩa từ "ơ bai" của bà Ka Nheo, tôi nhận thấy không được ổn cho lắm. "Ơ bai" dịch thành "không chịu" không những không được chuẩn xác mà còn chẳng ăn nhập gì với "sự phủ nhận sự khác biệt trên" cả. Vậy, "ơ bai" trong tiếng K'Ho có nghĩa là gì? Ka Triều, người K'Ho, cư trú tại buôn Tràng Wạt, xã Đinh Trang Hòa, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, nói: "Dịch chữ "ơ bai" trong ngôn ngữ K'Ho thành "không chịu" trong tiếng Việt là chưa thật sự chính xác. "Không chịu" trong tiếng Việt nếu chuyển ngữ sang tiếng K'Ho thì phải là "ơ gơ dăn", "không thích" là "ơ gơboh". Còn nghĩa của từ "ơ bai" lại là "Không đâu!".

Đến đây, sự giải nghĩa của Trịnh Công Sơn đã trở nên sáng rõ: "*Sông cạn đá mòn, sông cạn đá mòn / Làm sao ta gặp, làm sao ta gặp, được nhau / Ơ bai à... á... / Ơ bai à... á... / Ơ bai à... á... / Ơ bai à... á...!*".

"Ngày ấy, anh Sơn đến đâu cũng uống rượu, không bao giờ uống bia. Không có rượu ngoại (Tây), anh uống rượu đế (quốc lủi). Trong đoàn chỉ có mỗi Đình Nghi chịu đựng được tính khí này của anh và tiếp chuyện cùng anh có khi từ đêm cho đến sáng", Nhạc sĩ Đình Nghi nói thêm.

Đồng Đò như quán trọ ven đường mà Trịnh Công Sơn đã có lần buồn chân ghé chơi rồi để lại *Tình khúc ơ bai* trên hành trình thơ ca của mình. Câu nói bật thốt của em gái K'Ho ngày nào cũng chỉ là những gợi mở để Trịnh Công Sơn ưu tư về sự hòa âm cuộc sống. Tôi lại cưỡi xe gắn máy nhắm hướng Bảo Lộc - Di Linh thẳng tiến đến thôn Đồng Đò. Có điều tôi đến đây không phải để sáng tác một *Tình khúc ơ bai* mới. Tôi đến Đồng Đò để được nghe tiếng chân trần lên non và đứng một mình lặng ngắm dáng ai nhạt nhòa nơi nẻo vắng. ■



Nội tạng và ngoại bì

HOÀNG TÁ THÍCH

Gần đây, chuyện đe dọa khủng bố của nhóm Hồi giáo cuồng tín IS là đề tài thời sự nóng bỏng của cả thế giới. Báo chí có nói đến việc tổ chức này tuyên bố sẽ lập lại biến cố 11 tháng 9 dành cho Hoa Kỳ đã làm cho Chính phủ Mỹ phải lo sợ và tăng cường tối đa an ninh khắp nước. Nhưng nguồn tin tình báo của Mỹ cho hay không phải đe dọa khủng bố chỉ đến từ nhóm khủng bố IS thôi mà lại còn do những thành phần gọi là “cảm tình viên” của IS từ trong nước Mỹ sẽ tiếp tay thực hiện, và điều này mới là trầm trọng. Đúng là tin động trời và càng làm cho Chính phủ Mỹ gặp khó khăn trong việc kiểm soát ngăn chặn những đe dọa khủng bố sắp xảy ra trên đất nước của họ.

Ai cũng biết nhóm chiến quân Hồi giáo quá khích IS có thể giết người một cách vô tội vạ và những người bị giết chưa hẳn là kẻ thù thực sự của họ, mà cả những người không theo Hồi giáo cũng chẳng khác gì kẻ thù. Những hình ảnh hành quyết, giết người dã man được công bố ngang nhiên đã làm cho cả thế giới phẫn nộ. Những hình ảnh đó nói lên không những sự tàn ác mà

còn là man di mọi rợ của nhóm người này. Thế nhưng lại có rất nhiều người trong xã hội văn minh ủng hộ mới là lạ. Có nhiều thanh niên thiếu nữ ở Anh và cả ở Mỹ đã tìm cách trốn khỏi đất nước của họ, qua tận Trung Đông để gia nhập vào tổ chức IS, làm cho không ít người ngạc nhiên. Có thể vì nhiều lý do: bất mãn với xã hội, không thành công trong công việc, hoặc có thể bị áp bức thiệt thòi trong cuộc sống. Nhưng một khi đã quyết định gia nhập một tổ chức giết người như IS, thì xem ra những lý do đó đều sai lầm bởi những con người vô minh này không nhận ra là mình đang tiếp tay cho tội ác. Bây giờ sự đe dọa dân chúng Hoa Kỳ lại đến từ những người ở trong chính đất nước của họ thì quả thật là hết nói.

Hoa Kỳ là một cường quốc văn minh và công dân Mỹ luôn luôn tự hào vì đất nước của họ. Tuy thế, dù là một quốc gia dân chủ, thì bên trong guồng máy chính trị cũng không thể nào không có những thủ đoạn, những hành động bí mật phải che giấu. Nhưng nói cho cùng thì dù có, những chuyện đó phần lớn đều cũng vì mục đích lợi ích quốc gia, không như những nạn tham nhũng hối lộ chỉ làm hại đất nước, lung đoạn kinh tế.

Nếu những chuyện bí mật đó bị phanh phui thì cũng sẽ gây khó khăn cho chính phủ không ít. Vậy mà trước đây có anh chàng Edward Snowden, cựu nhân viên của cơ quan tình báo tuyệt mật NSA của Hoa Kỳ, có lẽ vì muốn nổi tiếng nên sau khi rời bỏ nhiệm vụ, đã lên tiếng tố cáo chính phủ về những chuyện mà chắc chắn lúc mới gia nhập, được huấn luyện để trở thành một nhân viên NSA thì anh ta đã phải tuyên thệ giữ bí mật về công tác tình báo của mình. Nếu anh ta có đủ tài trí để trở thành một nhân viên xuất sắc của NSA thì anh cũng phải hiểu lý do tại sao phải tuyên thệ, và anh cũng phải biết những công việc anh đảm nhiệm không phải là một công việc bình thường nằm trong bóng tối của Chính phủ Hoa Kỳ. Vậy mà anh đã lên tiếng tố cáo Chính phủ Mỹ. Anh ta đã được nhiều đối thủ chính trị của Mỹ trên thế giới che chở khi bị truy đuổi bởi lực lượng tình báo của Mỹ. Làm sao anh lại không biết sở dĩ người ta che chở, giúp đỡ, cho anh tạm trú, cũng chỉ vì muốn lợi dụng anh để khai thác tin tức với mục đích chống chính phủ của anh mà thôi. Đối với thế giới, anh chỉ là một con cờ và đối với Hoa Kỳ, anh là một kẻ phản quốc không hơn không kém.

Mới đây một nhà báo Mỹ cũng lên tiếng tố cáo những điều xảy ra bên trong câu chuyện lực lượng CIA hành xử Bin Laden ở Pakistan. Bin Laden không những là một tội phạm quốc tế mà còn là một kẻ thù của Mỹ, đã làm cho dân chúng Hoa Kỳ điêu đứng và căm phẫn sau cái chết của hàng ngàn người vụ 11 tháng 9. Dù có ghét chính phủ đi nữa thì chuyện giết Bin Laden cũng đã làm hả dạ dân chúng. Kế hoạch tổ chức giết Bin Laden dĩ nhiên phải là một kế hoạch bí mật không được công bố, ngoài chuyện Bin Laden đã chết. Vậy mà anh nhà báo này cũng lên tiếng tố cáo tổ chức CIA và cả Tổng thống Obama đã nói những điều không thực trong chuyện xảy ra ở Pakistan. Anh ta làm báo, nên có lẽ anh cũng muốn nhắm vào giải Pulitzer để được nổi tiếng, và anh ta đã tố cáo chính phủ. Nếu chính phủ làm điều gì hại cho dân thì anh ta nên tố cáo, nhưng việc giết một kẻ thù của Mỹ có diễn ra như thế nào thì thực ra anh đâu cần phải phanh phui ra làm gì? Anh nhà báo này chẳng khác gì anh chàng Snowden kia mà thôi. Chỉ vì muốn nổi tiếng, với một thứ mặc cảm sai lầm nào đó mà đã làm những công việc không đúng. Những người gây khó khăn cho Chính phủ Mỹ đó lại là người Mỹ, chẳng khác gì những căn bệnh nội tạng trong người, khó mà lường được.

Ở Mỹ thường xảy ra những vụ bạo loạn do nạn kỳ thị chủng tộc gây ra. Nước Mỹ từ lúc lập quốc hơn hai trăm năm nay đã có dân da đen. Dân da đen nguyên là nô lệ được đem từ Phi châu qua, nhưng cuối cùng cũng đã được giải phóng và bình đẳng với dân da trắng theo hiến pháp. Dĩ nhiên là tinh thần kỳ thị không thể nào một sớm một chiều mà hết được, cũng như cái mặc cảm của dân da đen cũng không thể nào không còn. Tuy nhiên, trải qua một quá trình từ thời lập quốc cho đến bây giờ, Chính phủ Hoa Kỳ đã luôn luôn cố gắng

đưa người da đen lên ngang hàng với người da trắng, vì dù sao, họ cũng là công dân Mỹ. Chuyện da trắng da đen luôn luôn làm khó cho chính quyền Mỹ, nhưng nếu những người da đen có khuynh hướng nổi loạn biết nghĩ sâu xa hơn, không có những mặc cảm sai lầm thì họ sẽ được sống giữa người da trắng một cách bình thường. Bằng chứng là hiện tại Tổng thống Mỹ cũng là da đen và có rất nhiều người da đen giữ những chức vụ cao cấp, quan trọng trong chính quyền, được mọi người trọng vọng. Ngoài ra, còn có những tỷ phú, những tài tử da đen nổi tiếng nhờ tài năng của họ mà thành công, không bao giờ bị ảnh hưởng của quan niệm phân biệt màu da cả. Lẽ ra khi xảy ra chuyện một anh cảnh sát da trắng bắn chết một anh da đen thì họ cứ nghĩ rằng đây là một anh cảnh sát Mỹ bắn chết một người Mỹ, có phải yên chuyện không? Nghe nói ở Phi châu, là đất nước của dân da đen, có nơi người ta cấm cửa dân da trắng. Tại sao người da đen phải có mặc cảm về nạn kỳ thị màu da? Đó cũng là một loại bệnh nội thương có thể làm suy yếu Hoa Kỳ.

Có những người chọn làm những chuyện không thể nào giải thích được về mặt tâm lý như những cảm tình viên của nhóm Hồi giáo quá khích IS, gia nhập tổ chức chỉ để giết người một cách vô cớ mà còn gián tiếp làm hại đất nước mình. Người Hồi giáo không có kẻ thù, vì kẻ thù của họ chính là những người không theo họ, không tin vào những gì họ tin và tội ác của họ quá rõ ràng. Tội ác của phát-xít thời Đức Quốc xã đã rành rành là thế mà đến nay vẫn còn có người tôn thờ biểu tượng chữ Vạn một cách kính cẩn. Điều này cũng không thể nào giải thích được. Vậy thì phải nói, nhân chi sơ vốn tính bốn thiện, nhưng chỉ vì lớn lên trong một môi trường đầy rẫy tội ác thì cũng không thể nào giữ được bản chất vốn thiện của mình.

Chỉ có thể nói, rằng an ninh của một tổ chức, của một cộng đồng và của cả một quốc gia nữa, không chỉ chịu ảnh hưởng bởi các tác động bên ngoài, mà còn tùy thuộc vào nội bộ. Nhưng nếu những tác động từ bên ngoài có thể được nhận biết tương đối dễ dàng thì những yếu tố nội tại luôn luôn khó phát hiện. Cũng tương tự, bệnh trong nội tạng mới gây chết người vì không dễ dàng bị phác giác như bệnh ngoài da. Và sở dĩ không dễ phát hiện là vì người ta không ngờ!

Tất cả những mối đe dọa nói chung, nếu đến từ bên ngoài thì vẫn dễ ngăn chặn hơn là những lực lượng bên trong. Giết người cướp của dù sao cũng là những tệ nạn xã hội dễ ngăn chặn, nhưng nếu là người nhà ăn trộm của nhau hay bạn bè thân thiết làm ăn với nhau lâu năm lật lọng phản bội nhau mới là chuyện khó xử. Chẳng khác gì nạn tham nhũng hối lộ, lúc nào cũng làm cho chính quyền khó khăn đối phó, vì nó có "dây mơ rễ má" như một loại ung thư trong nội tạng, được che đậy bởi nhiều đồng lõa, nên việc "trị liệu" không dễ dàng như những căn bệnh ngoài da được. ■

Đường bay của hạnh phúc

(Đọc *SỢI TƠ NHỆN* của Cao Huy Thuần, Nxb Trẻ, 2015)

ĐỖ HỒNG NGỌC

Đọc Cao Huy Thuần lúc nào tôi cũng thấy sáng khoái. Mới lướt qua, cứ tưởng anh kể chuyện tào lao trên trời dưới đất, đông tây kim cổ cho vui, nhưng không, đằng sau đó là tầng tầng lớp lớp những ẩn nghĩa, ẩn dụ... được giấu nhem bên trong. Cứ như có một cái kho tàng bí mật, nếu chịu khó khai ra từng lớp, từng lớp mới à há! Vậy mà không phải vậy. Không phải vậy mà vậy. Cho nên đọc Cao Huy Thuần đừng vội. Cứ nhờn nhờ. Cứ nhâm nhi. Ngâm, rồi ngẫm, rồi ngẫm.

Sợi Tơ Nhện (tr.18), tưởng là sợi tơ nhện mà không phải. Giữa mùa Vu lan, đọc *Sợi Tơ Nhện* để rùng mình, "hãy có một chút rùng mình khi mặt trời chìm trong nước biển, khi con chim thốt nhiên vỗ cánh kêu lên một tiếng trước hoàng hôn..."

Bà mẹ Bồ-tát Mục Kiền Liên giấu bát cơm, tên cướp Kandata giành sợi tơ nhện... Thiên đàng hay Địa ngục trong một sát-na đó thôi. Giá như mẹ đừng tham ăn. Giá như Kandata đừng ích kỷ. Vấn đề là "phát tâm". Phát tâm Bồ-đề. Vậy là đã đủ, như Duy-ma-cật nói. Chỉ một sát-na đó thôi.

Cao Huy Thuần giảng một sợi tơ, chỉ là cái cơ kéo ta vào đường bay của hạnh phúc. Một thứ hạnh phúc lấp lánh ánh vàng.

Anh nói về cái Chết, về Tình yêu. Bởi hai cái đó vốn là một. Không thể có cái này mà không có cái kia. Trong tình yêu cũng như trong cái chết thì người ta mới nhận ra "vô ngã". Mà vô ngã là Niết-bàn.

Đọc Cao Huy Thuần sáng khoái, như phát hiện giữa những trang sách một kho tàng bí mật, lấp lánh ánh vàng, bởi đó là những lời Phật dạy. Anh làm tour-guide, người dẫn đường, khai thị. Anh nói về cái chết, về linh hồn. Anh dẫn các triết gia đông tây kim cổ để rồi kết luận không có cái chết, cũng chẳng có linh hồn nào bất tử! Trịnh Công Sơn cũng bảo "Không có đâu em này không có cái chết đầu tiên / và có đâu bao giờ đâu có cái chết sau cùng". Tuệ Sỹ cũng viết

đại ý "Cái tử chỉ là chấm dứt của một giai đoạn tạm thời cũng như cái sinh là khởi đầu của một giai đoạn tạm thời khác".

Tôi hiểu vì sao Bùi Văn Nam Sơn viết trong lời giới thiệu "... sao lạ, cứ đọc xong vài chuyện tôi phải dừng lại khá lâu, có lúc muốn đọc lại. Một cảm giác thật hiếm gặp: vừa bồi hồi, xao xuyến, vừa thấy lòng mình trong trẻo, mát rượi, không gợn một chút bụi rứt hoang mang". Vậy là thanh tịnh đó. Vậy là hạnh phúc đó.

Hoa đào năm ngoái (tr.98), dĩ nhiên "còn cười gió đông" rồi. Cao Huy Thuần luận về chữ "còn" trong câu thơ Nguyễn Du. "Còn" thế nào được cơ chứ? Hoa đào năm ngoái rụng sạch hết rồi. Hoa đào là của năm nay đó chứ. Nhưng với chàng Kim Trọng, nhất định hoa đào năm ngoái vẫn còn đó, còn đó vì vẫn còn thấp thoáng bóng nàng Kiều. Nhưng đừng tưởng Cao Huy Thuần bàn chuyện tình của chàng Kim nàng Thúy. Anh mượn chữ "còn" để luận thời gian. Thời gian của quá khứ hiện tại và tương lai. Luận một lúc, thì ra chả có quá khứ hiện tại vị lai gì cả. Chỉ có cái khoảnh khắc ở đây và bây giờ thôi. Biết sống là sống với cái khoảnh khắc đó. Không thì thôi. "Chỉ có cái khoảnh khắc ấy là có thật. Cái khoảnh khắc ấy chứa đựng tất cả. Thấy để làm gì? Đâu phải để bàn hươu tán vượn triết lý suông. Mà để sống". Đó là một cách nói khác về một bài kinh của Phật: Người biết sống một mình: *Dĩ vãng đã qua rồi / Tương lai thì chưa tới...* Marc Aurèle của Hy Lạp cổ đại có một cách hay: vẽ một vòng tròn nhỏ cho hành động trong một vòng tròn lớn mệnh mông của thời gian. Khoảnh tròn cái gọi là hiện tại và chia nhỏ ra thành từng khoảnh khắc như những nốt của một bản hòa âm. Hãy đừng muốn cái gì khác ngoài cái ta đang có, thương cái đó, yêu cái đó, *amor fati*, Nietzsche nói. Nhưng không quên cái vòng tròn lớn của thiên nhiên.

Thác là thể phách (tr.167), lại bàn về chữ "còn" khác: còn là tình anh. Dẫn từ Socrate tới Sartre, từ Lamartine tới Marcel Proust đến Nguyễn Du...

Cái gì còn? Còn cái gì? Tưởng là linh hồn mà không phải. Không có một cái linh hồn bất biến nào cả. Cao Huy Thuần nói đến tiền kiếp, đến nghiệp, nhân quả, duyên sinh...

"Linh hồn của Socrate đã bay rồi! Linh hồn bay như một cỗ xe có cánh do hai con ngựa kéo...". Một ngày đầu thu nghe chân ngựa về chốn xa (TCS) rồi đó chăng? Cao Huy Thuần bèn nhắc lời Phật: hãy niệm tử. Hãy nhớ đến cái chết. Cái chết không xa lạ. Nó thân quen và gần gũi xiết bao. Nhiều điều trong cuộc sống không thể biết chắc nhưng cái chết thì biết chắc, lúc nào đó, cách nào đó. Phật dạy phải niệm tử. Và nói thêm: Ai làm bạn với Thần chết thì Thần chết chẳng làm khó dễ mình! Đã là bạn bè, ai nỡ làm khó dễ nhau! Bây giờ y học cũng nói đến không chỉ "Chất lượng cuộc sống" mà cả "chất lượng cuộc chết" rồi đó!

Nói chuyện triết lý (tr.178), Cao Huy Thuần cũng bàn về cái chết và dẫn Cicéron, trước Tây lịch: "Nói chuyện triết lý, ấy là học chết", rồi dẫn Epicure, để đi đến cái kết: "luận bàn về cái chết chính là để... trẻ lại. Hơn thế nữa, để bình yên, để hạnh phúc". "Và chính vì già trẻ lớn bé gì cũng chết cả, cho nên lúc nào cũng phải nghĩ đến cái chết không đợi đến già". Sợ chết là vô lý. Nhưng ta vẫn sợ. "Sợ cái không biết". "Đằng sau cái chết, triết lý đành thoái vị, nhường ngai cho lòng tin, cho tôn giáo". Cái sợ đó là sợ cái ta *tưởng tượng*. Thấy sợ dây tưởng con rắn. Chính cái Tưởng gây khổ cho cái Thọ, dẫn đến Hành, Thức không chánh kiến, hại đến cái Sắc trong ngũ uẩn vậy. Vì vậy mà phải *hành thâm bát-nhã* để "chiếu kiến ngũ uẩn giai không"!

Phỏng vấn (tr.232) với 3 nhân vật: Người thứ nhất, Descartes, người của ý thức, của lý trí. Khi bàn về sự đam mê trong tình yêu, ông bảo "Hiển nhiên không chạy theo đam mê mà hãy suy xét", hãy dùng lý trí rọi ánh sáng vào đam mê. Người thứ hai. Freud, người của "vô thức". Vô thức mới quan trọng. Tất cả dồn nén vào vô thức. Cái "Tôi" quờ quạng "do những xung động, bức bách" gây ra đều là đã bị "Cái ấy" và "Siêu tôi" giật dây! Người thứ ba, một nhà Sư. "Sóng từ đâu đến. Từ biển. Nó trở về đâu. Về biển. Biển và sóng đều cùng một thể". Và Sư kết luận: Vì thế nên tôi nghĩ phương thuốc để chữa bệnh vướng mắc của ông là học chữ "Không". Chữ *không*, tánh *không* (Sanyata) này dĩ nhiên là chân không của diệu hữu. Chỉ thấy chân không mà chưa thấy diệu hữu cũng không xong. Tiền thức, Mạt-na-thức và A-lại-ya thức phải chuyển thành trí - đại viên cảnh trí hay nhất thiết chủng trí - thì mới giải quyết được vấn đề vậy.

Bướm bay (tr.295) tưởng Cao Huy Thuần nói chuyện bay bướm, ái tình chi đó bởi trong bức thư mở đầu khá ướm át: *Em chưa quen của tôi... rồi Em bắt đầu quen của tôi và rồi Em đã quen và thương mến của tôi...* cú tưởng anh đang tán tỉnh một cô nàng tuổi ba mươi như ông lão André Maurois viết cho người đàn bà không quen

biết (lettres à l'inconnue) ngày nào, nhưng không. Đó là chuyện những cánh bướm... chập choạng chết hàng loạt, sẽ có ngày tuyệt chủng vì hóa chất, vì các thức ăn đã bị cấy ghép gene diệt bướm!... "*Giận con người đã làm thương tổn thiên nhiên. Con người quá thông minh... chỉ muốn vắt sữa thiên nhiên, hút máu thiên nhiên, cuồng bạo trước thiên nhiên. Con người không biết đọc lời kinh chép trên cánh bướm*".

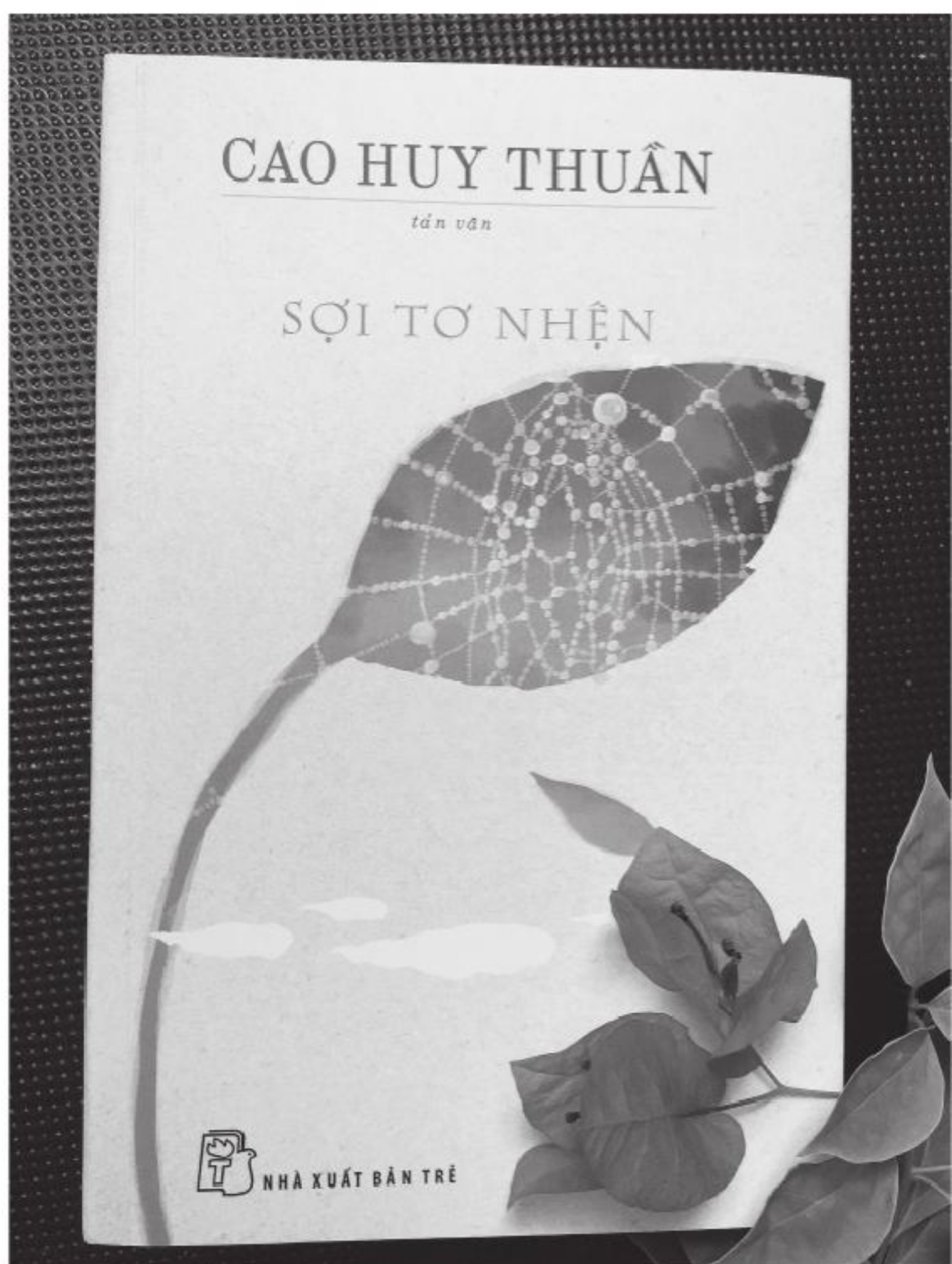
Phải, chỉ có cái đẹp mới cứu rồi. Cánh bướm chẳng đẹp sao? Như Lai đã chép trên đó.

*Cho nên ta không thể ngắt một bông hoa
Mà không làm rộ một ngôi sao.*

(F. Thompson)

"Khi con chim bay, nó không cần biết trời là gì, đâu là giới hạn. Nó chỉ bay. Trong bầu trời vô tận". Cao Huy Thuần chia sẻ.

Bởi đó là đường bay của hạnh phúc lấp lánh ánh vàng! ■



Vui mùa tịnh cư

TRƯỜNG KHÁNH

Sáng nay bé theo mẹ,
Đi trong nắng sớm vàng,
Áo Bà Lam màu khói,
Rạng tỏ trời nhật khoan.

Trong vô vàn điệu – khúc,
Ngân ru vùng tịnh cư,
Vê nghe nguồn từ lực,
Sáng cõi lòng vô dư.

Trong suy tư bé bỏng,
Lên chùa thoáng nghe kinh,
Giờ ngộ trưa đứng bóng,
Lời nguyện cầu lung linh.

Bé một mình lễ Phật,
Trước chánh điện uy linh,
Ôi Đạo Vàng lẽ thật,
Soi chiếu khắp hữu tình.

Lung linh hương trầm quyện,
Lời kinh Vàng cao bay,
Phật mỉm cười thánh thiện,
Vội tình thương vui đây.

Từng phút giây tịnh lắng,
Lòng nhẹ vút tầng mây,
Dẹp sạch lòng sân hận,
Để tình thương đọng đây.

Tôi yêu

NGUYỄN TỪ

Tôi yêu dải đất quê hương
Xanh xanh màu mạ, vương vương bao tình
Tôi yêu những buổi bình minh
Vàng dương soi sáng con kinh trước nhà
Êm êm dòng nước chảy qua
Hàng cau in bóng, thướt tha trúc sâu
Tôi yêu mái lá vách nâu
Sơ sài nhưng đượm tình âu yếm nồng
Tôi yêu mồ mã cha ông
Bao thu chôn chặt linh hồn thương yêu
Yêu nơi ấp ủ sớm chiều
Tình thương bất diệt bao nhiêu tâm hồn
Tôi yêu cha mẹ gói chôn
Tóc sương, thân những mối mòn vì con
Tôi yêu công khó như non
Khắc sâu tâm não lòng son không nhòa
Tôi yêu những buổi chiều tà
Chuông chùa thoảng thoảng tỏa ra cõi đời
Tình yêu lan khắp mọi nơi
Lòng tôi cảm thấy muôn đời thỏa vui.

Soi bóng

TRÀ KIM LONG

Vào đời muôn lối quanh co
Đã đi chạm mặt giả đồ như không
Lạc chân vào cuộc phiêu bồng
Để quên đâu mất tuổi hồng sau lưng.

Đường xa ngược dốc nửa chừng
Tàng cao lượn đám mây lưng lững trôi
Dừng chân vượt lại tuổi đời
Tôi ngày xưa khác với tôi bây giờ.

Trở về sau suốt cơn mơ
Tôi nhìn tôi thấy, tôi ngỡ vực tôi
Bềnh bồng nghiêng chiếc lá trôi
Xuôi dòng nước chảy tự soi bóng mình.



Khuyết khẩu

TRẦN VƯƠNG

Em về giọt nắng đa đoan
Vắt ngang tâm thức mà sang bóng ngày

Em đi hơi thở thêm gầy
Dài theo tiếng gót gẫm đầy dấu chân

Ngả hồn phở đáng chiều râm
Tạc vào khung cửa hút thâm mắt nhìn

Gieo tình bội thực niềm tin
Đóng đinh trên nỗi lặng thình vô lòng.

Đêm thành phố không ngủ

SÔNG HƯƠNG

Đêm thành phố không ngủ
Mưa đầu đông gõ trần trọc vào lo toan thiếu phụ
Thoảng tiếng thở dài kìm nén
Ngày mai những vòng quay ẩn hiện hình hài con số
Chật chội đời manh áo, chén cơm

Đêm thành phố không ngủ
Chiếc xe đạp còi cọc chở lời rao khăn đặc
Bánh mì nóng... đây
Sắp ngửa cuộc đời giữa hai mặt bàn tay
Xanh đỏ vũ trường nghiêng ngả những cơn say

Đêm thành phố không ngủ
Đàn kiến di cư nhắc mùa gió bắc
Một miền quê, góc mẹ nằm vạt phen thưa rung bản bật
Mái hiên lạnh lùng mưa hắt
Con còn đi mãi chưa về

Đêm thành phố không ngủ
Tiếng thạch sùng nuôi tiếc thả nốt trầm rơi quăng lặng
Ngày mai có là mưa, nắng?
Buồn, vui, được, mất... ai ngờ
Sâu kín lòng còn lại... một vãn thơ

Đêm thành phố không ngủ
Nhìn nụ cười con hồn nhiên trong mơ
Lo toan chùng như rất nhỏ
Ngoài kia mặc trời mưa gió
Lối con đến trường, đầu đó... một nhánh hoa.

Lối cũ

PHẠM ÁNH

Em qua lối cũ ngày xưa
Tóc mềm mượt nắng đầu mùa quê tôi
Mắt em trong cả mây trời
Tôi thương màu nắng trên môi thẹn thùng.

Hình như cây lá tơ rung
Lòng tôi xanh cả một vùng quê xanh
Đường làng dài lụa lung linh
Em thêu nỗi nhớ tơ tình dậm xa.

Nhớ rau muống nhớ tương cà
Tôi về lối cũ em qua lối nào
Chờn chành sóng nước bờ ao
Người xưa lối cũ nôn nao một mình.





Tuyệt Cung

NHỤY NGUYỄN

Những xuyên tạc cổ thụ, một khung cảnh huy hoàng đang rụi dần. Đám quan lại đứng chầu trước lăng người mất tay kẻ sát tai, có vị mắt lủng tròn; ngựa bị chém ngang lưng, những con voi gãy vòi nằm kênh ra rêu bám... Lăng vẫn nằm trong tuyến du lịch di sản của thành phố nhưng khách thường hủy bởi

đường xa lại phải qua sông. Tôi hình dung về một đám tang kéo dài mấy cây số trắng muốt làm nhói cả lòng sông bởi tiếng kêu gào của cung tần mỹ nữ. Rồi họ còn âm thầm khóc đến lúc con tim héo hắt khô quắt trong bốn bức tường có tên gọi: Tuyệt Cung.

"Nó mang nghĩa về đẹp niềm phong; một tấm biển cấm, như lưỡi đao treo hờ trên cổng...". Cô hướng

dẫn viên vừa nói vừa diễn tả. Hôm nay cô dẫn đoàn khách Tây thăm lăng, tôi không muốn nhập đoàn nghe những thông tin mình đã rõ; riêng lúc cô giới thiệu về Tuyệt Cung thì tôi lắng tai. Một vị khách đột nhiên hỏi có phi tần nào thoát khỏi chốn địa ngục tuổi xuân oan nghiệt này? Cô hướng dẫn viên trả lời Yes khá nhanh. Tự dưng niềm vui nhỏ thoáng qua, gợi cho tôi nhiều cảm hứng trong cuộc ngược dòng lịch sử.

* * *

Tôi rơi vào vô vọng. Không hề thấy dấu vết của bà phi nào từng leo tường trốn khỏi Tuyệt Cung. May sao hôm đến chơi một người bạn già, thấy cuốn sử ố vàng nằm ở góc bàn bụi bám, tôi lật vài trang... Chân dung nàng non tơ như lộc nhú trong vườn thượng uyển. Một thị nữ đứng hầu mài mực, thấp thuốc dâng trà cho vua trong điện Cần Chánh... Từ chối làm ngự thi, nàng cúi rạp xin vua xá tội. Nàng biết cuộc đời sẽ về đâu giữa lòng ganh ghét tị hiềm của đám phi tần. Nàng không trách họ; vô vàn mỹ nữ mấy tháng trời đằng đẵng đêm nào cũng tô son điểm phấn mà nào thấy bóng vua nói chỉ được thức năm canh hầu hạ. Nàng lại thường cùng vua dạo trong vườn Thiệu Phương xem hoa thưởng trà, nâng khăn sửa áo cho ngài, rồi nhờ tên thái giám có lúc còn cải trang vượt khỏi Tử cấm thành hò hẹn.

Không gian chói sáng sắc màu, dậy mùi hương ướp từ nhiều loài hoa quyến rũ, nàng mặc áo lụa màu xanh lơ thêu hoa vàng, trang điểm sau bức màn. Chợt nghĩ nếu phải diện kiến Hoàng hậu hay các hiền thiếp của vua chắc hẳn nàng biết phải làm xấu mình.

Tôi bị khuôn hình nàng ám ảnh. Sau chuyến công tác dài ngày, sáng ấy hơi oải, tôi điểm tâm xong lại nằm. Ánh nắng phả vào nền nã. Nàng chợt hiện dưới bao tổ mịt mùng.

Muốn ôm nàng chạy khỏi hoàng thành. Chạy khỏi cái đám tang lớn nhất sắp sửa. Nàng - bông hoa non mơn trớn giữa bầu trời vẫn vũ mây. Những cánh hồng tươi tắn. Nàng khóc như mình sắp bước lên dàn thiêu... Tôi đọc thêm vài trang, buông sách. Tay viết sử miêu tả tâm lý nàng quá tàn nhẫn. Nhưng, đây là một cuốn sử của người trong cuộc chứ nào phải hư cấu, dấu nàng đang khóc như một nhân vật trong tiểu thuyết. Nàng khóc không phải bởi vua băng hà. Mà khóc vì từ đây nàng sẽ phải sống trong Tuyệt Cung.

Tôi nhớ đến một ông vua khác cùng triều, lúc qua đời có hơn một trăm phi tần lên lăng lo hương khói. Một số sau vài năm được trở về cung phục dịch, số ở lại sống đến chết. Rùng mình. Hôm nay đứng bên mộ vua, nhìn về Tuyệt Cung mà xót xa! Chẳng hiểu sao tôi lại liên tưởng đến một di tích khác là Hồ Quyền, nơi tranh đấu giữa voi và hổ cho vua xem và thường hổ bị nhổ bớt móng vuốt... Những bông hoa trinh khiết nhận lãnh đời sống u ám lạnh lùng. Trong bốn bức tường ấy

liệu có dấu vết những bàn tay thon cào cấu trong nỗi tuyệt vọng? Bao nhan sắc như nàng vĩnh viễn chỉ nhìn thấy một mảng trời dày đặc âm khí đến cuối đời?

Nàng nhớ tới viên thái giám, người duy nhất có thể can dự vào vận mệnh của mình. Người đàn ông từng lướt qua tấm gương đời nàng và để lại vết nhớ mờ hồ. Gã là một trong hai thái giám được vua tin cẩn, là cánh tay nối dài của vua. Giọng nói vẫn ấm. Nếu gã không dán mác thái giám trước ngực, biết đâu vết nhớ trong nàng sẽ hằn sâu...

Dịp Hoàng quý phi cùng vua đến ngôi chùa nhỏ ở phía Tây hoàng thành cầu nguyện, nàng lẫn trong đám thị nữ. Vua chưa để ý đến nàng. Vào cung, sau thời gian học những từ ngữ cấm kỵ nàng cứ sợ phạm húy... đến cả chưa dám trò chuyện với thái giám. Nhưng chính gã này đã chắm nàng vào trong tốp năm được quỳ dâng thức ăn cho vua, mài mực trong ngự phòng, rồi nữa, việc chăn gối.

Ngày cha nuôi của gã, cũng là một thái giám ốm nặng, theo lệ phải ở trong tòa nhà tách biệt phía Bắc hoàng thành, nàng thường đến thăm. Viên thái giám cảm ân, đối với nàng như người thân. Cha nuôi gã không vượt qua bạo bệnh, theo di chúc được đưa về an táng trong một ngôi chùa. Tiết thanh minh năm sau, nàng đến chùa thăm mộ. Những vị thái giám thật sự thanh thản yên nghỉ nơi đây. Họ chọn một nơi lý tưởng cho cuộc đời vô tận phía bên kia. Vị thái giám cũng tự đắp cho mình ngôi mộ gió cạnh cha, nơi gã sẽ trở về kết thúc chặng đời vinh quang lẫn tủi nhục.

* * *

Người ta đã quá cẩn thận. Nếu một cung nữ yếu ớt như nàng có ý thoát khỏi chốn giày hoa xéo nguyệt này cũng không thể gặng trèo nổi vài thước tường thành. Trời xanh. Vườn ngự uyển ở đâu. Nàng chân thật nhớ vua. Chỉ vua mới đưa nàng khỏi chốn âm u rừng rợn hoang vu đồi núi này. Nàng ân hận, uất hận đã không nhận đặc ân vua ban, chẳng phải để nàng lên làm vương phi mà chính là chiếc phao cứu sinh giấu trong mình phòng cơn phong ba. Những lúc có cơ hội nàng lại ngồi bên mộ. Nàng chưa phản bội vua. Dẫu nàng không yêu vua. Thú nhận nàng yêu một người khác... Nàng căm ghét sắc đẹp của mình. Lại trách vua sao tuyển hàng trăm cung nữ nhốt làm của để dành trong lúc chẳng còn sức tận hưởng.

Giờ thì nàng đang chìm dần chết dần. Cảm nhận sinh khí hư hao. Thời gian, chậm đến rợn người. Nàng dật dờ tựa hồ bóng ma từng đêm chờ linh hồn vua mọc lên. Vô vọng. Vị vua của nàng đã thành một mê hồn vật vương bạc nhược héo hắt tàn lụi. Nàng chẳng nhận được chút xíu linh ứng. Nhiều lúc nàng vẫn muốn lần xuống âm phủ xem ông ta đang ở góc ngách nào.

Nàng không bỏ mặc nhan sắc, sao giờ nhìn vào

gương quá thảm hại. Nỗi buồn rút mòn sức sống. Gã thái giám đã thỉnh cầu Hoàng hậu. Không ngạc nhiên chuyện Hoàng hậu biết rõ tình cảm vua dành cho nàng. Nghe đến đây nàng không muốn hỏi gì thêm. Nàng nhắm mắt đến lúc nào. Từ lâu nàng vẫn nghĩ mình bí mật sở hữu vua, mà chẳng hay tai mắt của Hoàng hậu đến cả viên thái giám cũng mù mịt. Thường đêm nàng vẫn mơ mình tung tăng khắp hoàng thành. Thế giới của nàng không bó hẹp trong cung cấm. Nàng từng về thăm mẹ cha, từng lội vào những mảng tối nằm ngoài sự kiểm soát của thiên tử...

Tuyệt Cung dựng lên trước mắt làm sụp đổ tất cả những gì nàng gây dựng. Một lần nàng mơ thấy mình là vương phi, viết huyết thư dâng vua. Vua xem thấy có chữ "băng hà" trong đó, cho điểm gở, lập tức đuổi nàng khỏi kinh thành. Nàng lê bước, thất thểu ngang qua núi Sầm xin trọ ở chùa sư nữ... Vùng dậy đầm đìa mồ hôi. Nàng không ăn, chỉ muốn chết. Nếu trên đời không còn mẹ cha; nếu nàng hoàn toàn tắt niềm hy vọng được sống cùng người đàn ông ấy..., nàng sẽ gieo mình xuống sông khi ngồi trên chiếc thuyền chờ quan tài vua. Cái chết đó có thể được truy phong liệt nữ!

Không thể ngủ. Nàng ngồi dưới trời cao lộng. Bao cung tần mỹ nữ nơi đây vẫn bộ mặt âu sầu, bộ mặt đưa đám đến giờ còn ám mùi nhang khói. Phật tổ sẽ trách lầm khi nàng tưởng đến cảnh binh biến, cảnh một ngày kinh đô thất thủ, cả hoàng thành nháo nhác; cánh cửa Tuyệt Cung đổ sập. Giữa cuộc hăm hiếp điêu tàn, nàng khôn khéo nương mình dưới hồ sen trước mộ vua mà thoát...

Ngoài kia người ta vẫn tiếp tục tu bổ lăng thêm bề thế. Những người đàn ông lấm bết bùn đất và vôi vữa. Nàng ước cuộc sống đó. Nàng nhớ mùi mồ hôi, cũng muốn bắn thiêu như họ. Bữa cơm gói trong lá chuối cùng chút cá kho mặn, ăn rồi nằm trên cỏ xanh mà ngủ.

Thứ âm thanh trong veo êm dịu lẫn khuất trong trí nhớ bỗng thức. Tiếng tụng kinh nàng từng nghe ở ngôi chùa nhỏ trong Tử cấm thành, nàng cũng từng nghe ở chùa mỗi lần cùng viên thái giám đến thăm những ngôi mộ kiệt cùng cô đơn. Nàng mặc nguyên quần áo ngủ bước vội. Trời đổ nắng. Thiếp đi tẩm gần sáng, nàng ngủ vùi đến trưa hôm nay. Những thầy tu đang tụng niệm. Tiếng cầu kinh vang vang hối thúc khiến nhịp tim nàng loạn nhịp. Vòng người quanh mộ vua dày đặc. Khói nhang nghi ngút. Tên thái giám trẻ trực tại Tuyệt Cung cho nàng biết Hoàng hậu thời gian gần đây liên tiếp gặp ác mộng, thấy đức vua bị đầy xuống địa ngục thống khổ muôn vàn.

Ý nghĩ lóe lên, như tia chớp, như dòng điện nhỏ chạm vào cơ thể, nàng chạy vào phòng. Trước gương, nàng cầm kéo không chút ngần ngại cắt mái tóc óng mượt. Đứa tí nữ ngơ ngác run sợ quỳ phục... Dòng kinh tắt ngấm. Nàng hét lên. Nó lấy bẫy cầm dao đưa nhẹ. Những vết dao tứa máu. Nàng vẫn còn giữ chiếc

áo màu lam, vật quý vua tặng. Lau sạch máu, lau toàn thân và bận áo trắng, nàng trùm nốt chiếc khăn kín đầu chạy một mạch ra quỳ trước vị sư chủ lễ.

- Thưa quý Thầy, ngàn lần xin quý Thầy nhận con vào Tam bảo.

Chưa bao giờ nàng cảm thấy khóc lại sung sướng đến vậy. Nàng vẫn cúi rạp. Máu bắt đầu thấm đẫm chiếc khăn choàng đầu. Dưới sức nắng chói gắt đúng ngọ, nàng kiệt sức, gục xuống.

Từ từ mở mắt, điều đầu tiên nàng để ý là mình đang ở đâu. Mờ, sáng dần. Rồi khi nhận ra cái không gian quen thuộc, nàng chồm người lao thẳng đến bức tường. Đứa nô tì ngăn được. Giật mình. Nàng cảm ơn, không phải bởi đại đột suýt nữa toác đầu thiệt thân, mà chính nàng cảm ơn nó đã giữ hộ giọt máu lung linh trong sâu thẳm đời mình.

* * *

"Vị sư chủ lễ cầu siêu xin vua ân chuẩn nàng được xuất gia, và còn giới thiệu nàng tới ngôi chùa sư nữ dưới chân núi Sầm. Hôm sau hai ni sư đến Tuyệt Cung đón nàng". - Trang áp cuối của cuốn sử nguyên văn như vậy. Phần đầu sách thiếu mấy chục trang, phía cuối mất cũng không ít. Đời nàng trôi về đâu?

"Những ngày đầu nhập môn thật khắc khổ, nàng vẫn thấy an lành. Con tim dịu lại. Nơi đây cũng núi đồi xa vắng, tiếng chim hót và âm hưởng du dương của loài蝶; dòng kinh len vào lạch máu dần hồng tươi trở lại. Nhớ những xa xưa, khi nàng mới là đứa bé nhong long nơi thôn xóm quê mùa. Nhớ ngôi nhà có ngọn lửa ấm gia đình thường ngồi quanh mỗi lạnh giá lửa về. Muốn xin ân sư hồi quê một thời gian, lại chính là thời điểm cái sinh linh trong nàng lên tiếng... Nàng cảm nhận mình sinh non. Các ni sư bỏ dở khóa công phu sáng bùng đèn tới quanh giường nàng. Tiếng khóc ré lên dội vào ngọn núi Sầm dội ngược. Họ trao con cho nàng với vẻ mặt sấm hối, như chính toàn bộ lỗi lầm thuộc về họ. Nàng nhìn con, ôm chặt nghẹn ngào. Đứa trẻ vừa chào đời đã mang thân phận của một thái giám!".

Quyết tâm tìm tung tích nàng thêm mãnh liệt, tôi lật lại những bộ sử biên niên các triều đại. Nàng chỉ là vương phi với riêng mình vua, còn trên danh nghĩa triều đình, nào ai công nhận! Tôi lần từng dòng huyết sử. Một bóng dáng mờ nhòa ẩn hiện. Chiếu theo nội dung sự kiện được ghi rõ trong hai trang châu bản, đứa con của nàng sẽ là hoàng thái tử.

Tôi xuống tận ngôi chùa sư nữ dưới chân núi Sầm. Chùa được trùng tu nhiều lần. Tiếp kiến sư trụ trì. Sư không rõ về nàng, song vẫn có nghe qua. Người ta bảo nàng mắc bệnh, con không thể bú sữa, được gửi ở cô nhi viện. Rồi nàng tan vào sương khói... Đứa trẻ lại được đưa về chùa theo lời khẩn cầu của nàng. Nhưng lớn chừng mười tuổi, nó mất tích.

Phía sau chùa, tháp mộ nhiều. Riêng ngôi mộ đen xẫm màu vôi chết ở cuối khuôn viên lẻ loi khác biệt. Sự trụ trì lắc đầu không biết của ai. Tôi vạch lau sậy, không bia, không một dấu hiệu cho thấy nàng ở đây.

* * *

Ngôi chùa ngày xưa nàng từng đến còn nguyên những ngôi mộ thái giám im lìm trong cơn khát người xanh rợn. Tôi có trong tay danh sách từng ngôi mộ. Duy nhất hai cha con nằm cạnh nhau cho tôi hình dung về niềm an ủi lớn nhất trong những tháng ngày nàng không thể thoát khỏi vòng tay vua và dưới con mắt của Hoàng hậu. Trở lại lăng vua một chiều ố nắng. Hai trụ biểu cao ngang những cây cổ thụ đang rụng dần như nền cháy hắt hiu. Không bóng người. Mộ vua, nhưng ai biết ngài nằm ở đâu trong khuôn viên rộng ngút. Chẳng rõ nơi côi ấy có cung vàng điện ngọc? Điều tôi chắc chắn là ông đã gặp khá nhiều phi tần mà lúc sống chưa từng ngó đến.

Còn nàng ở đâu?

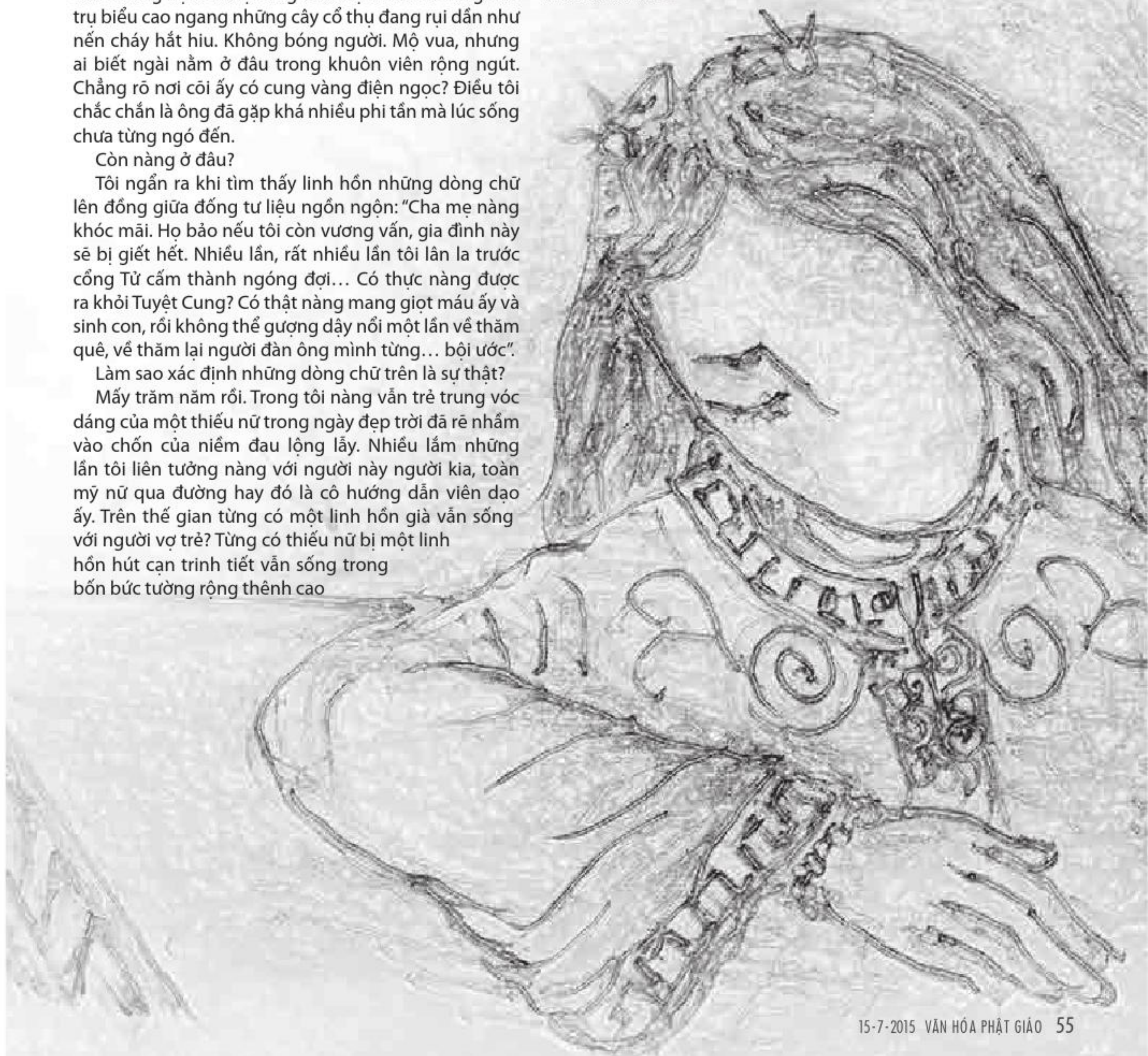
Tôi ngẩn ra khi tìm thấy linh hồn những dòng chữ lên đồng giữa đồng tư liệu ngồn ngộn: "Cha mẹ nàng khóc mãi. Họ bảo nếu tôi còn vương vấn, gia đình này sẽ bị giết hết. Nhiều lần, rất nhiều lần tôi lân la trước cổng Tử cấm thành ngóng đợi... Có thực nàng được ra khỏi Tuyệt Cung? Có thật nàng mang giọt máu ấy và sinh con, rồi không thể gượng dậy nổi một lần về thăm quê, về thăm lại người đàn ông mình từng... bội ước".

Làm sao xác định những dòng chữ trên là sự thật?

Mấy trăm năm rồi. Trong tôi nàng vẫn trẻ trung vóc dáng của một thiếu nữ trong ngày đẹp trời đã rẽ nhăm vào chốn của niềm đau lòng lầy. Nhiều lắm những lần tôi liên tưởng nàng với người này người kia, toàn mỹ nữ qua đường hay đó là cô hướng dẫn viên dạo ấy. Trên thế gian từng có một linh hồn già vẫn sống với người vợ trẻ? Từng có thiếu nữ bị một linh hồn hút cạn trinh tiết vẫn sống trong bốn bức tường rộng thênh cao

vút? Có đêm tôi bật dậy đấm đũa mồ hôi, nằm xuống lại mơ chính mình là vị tướng dẫn hàng vạn quân ồ ạt san bằng Tuyệt Cung nhưng vẫn không tìm thấy nàng. Một giả thiết nêu rằng dưới lăng vua có đường ngầm dẫn ra biển, và vị vua trẻ kế vị đã bí mật phóng thích nàng hay có thể nàng được giữ lại làm thiếp trong bốn bức tường khác thâm u hơn.

Bước qua cánh cửa Tuyệt Cung rỉ sét, thấy mình thật nhỏ nhoi dưới khoảng không gian hình vuông hun hút. Đàn bướm trắng chập chờn điểm xuyên màu mây thêm ảo. Có lẽ nàng còn đâu đây an ủi những mỹ nhân năm xưa đã tự vẫn để mong hồn mình như bướm kia nhẹ nhàng bay khỏi bốn bức tường cao rợn thấu trời xanh. ■



Mùa sen mùa người

NGUYỄN THÁNH NGÃ

Giữa trưa hè nóng bức, thoang thoảng đâu đây một làn hương thơm dịu, lùa qua ngõ vắng. Làn hương run khẽ, rồi len lỏi vào khứu giác khiến người ta bàng khuâng và thấy nhớ...

Dẫu không rõ mình đang nhớ gì, tôi vẫn bồi hồi xúc động. Quả thật mùa hè đã về, ve kêu miên man và phượng nở cháy cành. Hoa loa kèn thốn thức đã cắm vào trong những chiếc lọ sang trọng. Còn gì đây, nếu không phải là một loài hoa tinh khiết?

Tôi lần bước theo cảm giác rụt rè, khi đứng trước ngôi tịnh thất đơn sơ thì làn hương càng rõ rệt. Có một chút trộn lẫn với khói trầm từ cửa sổ tịnh thất bay ra. Phía sau tịnh thất là một cái ao rộng, những cánh sen hồng vươn lên. Bát ngát. Bát ngát ở đây là vừa trải rộng, lại vừa ngát hương...

Thì ra, vị Ni cô trong tịnh thất đã mang về trồng ở đây một loài hoa sen. Hỏi ra mới biết, ấy là giống sen Hồ Tây Hà Nội, loại sen mà người miền Bắc thường dùng ướp trà. Sư cô không phải người Hà Nội, nhưng đã được Sư bà truyền cho cái thú uống trà của nhà chùa. Nhờ thế mà mùa sen đầu tiên đã xuất hiện ở quê núi này. Chiếc ao xưa kia từng là một cái hồ rộng mênh mông, chứa nguồn nước ngọt giữa lưng núi đồi này; sau bao nhiêu san lấp, cái hồ ấy giờ còn lại là một chiếc ao, rộng hơn vài sào mặt nước, cá tôm cũng dần vơi. Sau khi vân du khắp nơi, Sư cô đã dừng bước nơi này, cất cái am nhỏ tịnh tu. Dần dà, của thập phương dâng cúng, nay đã thành một ngôi tịnh thất. Tịnh thất đơn sơ mà ao sen thì rực rỡ. Quả là bất chợt khi lần đầu tiên tôi được ngắm nhìn hoa sen nở thắm dưới bầu trời mùa hạ. Lưng trời mây xốp, lồng lộng núi đồi xanh thắm, những cánh sen hồng thì thắm trong gió, đã làm cho cảnh núi đồi bớt cô độc. Tôi vẫn biết sen Tây Hồ là loài sen thích phóng khoáng, thích đầm lầy và gió đầm, nhưng khi về làm cư dân xứ núi đồi trầm mặc thì dáng sen trở nên thon thả, vẻ đẹp trở nên kín đáo, dịu dàng trong nét thuần khiết đến lạ.

Từ nay ao sen không còn là của tịnh thất nữa, sen đã thoát khỏi cái gì rất riêng tư, và trở thành ao sen của núi đồi, rẫy ruộng. Dân vùng này hầu hết là người Bắc nhập cư, nghe tin có một "ao sen" thì ai cũng quý.

Riêng tôi, hoa sen từ lâu đã bay ra từ bài ca dao:

Trong đầm gì đẹp bằng sen

Lá xanh bông trắng lại chen nhụy vàng...

Đây không phải là sen trắng, nhưng sen hồng cũng có khác là mấy đâu. Lá sen rộng vành, có thể tưởng tượng như chiếc nón quai thao, đứng đưa vươn lên khỏi mặt nước, che chở cho từng nụ môi Quan họ chúm chím, hay điệu chào mời trầu phơn phớt hơi men. Từng cánh sen hồng cong cong ôm lấy nhụy vàng; ôi cái nhụy vàng ươm của nắng mới, tinh ròn và thanh thoát biết bao. Tôi cũng biết người ta lấy hoa sen làm biểu tượng cho Đức Phật từ bi, nên dù sinh ra từ bùn lầy, hoa sen lại biết chắt lọc vị tanh của bùn, vị hôi của tôm cá, vị nồng nã của tù đọng, nâng nôi kết lại mà thành làn hương tinh khiết.

Và hương sen lan tỏa ấy, đối với người này thì nhẹ nhàng, thanh tịnh; đối với người kia thì ấp ủ, nổi niềm... Vì thế, hương sen vào khứu giác người nào, liền trở thành tâm tư của người đó. Có điều, hương sen không bao giờ ác cảm với ai, hương sen chỉ đem đến sự nhẹ nhàng, khiến lòng người luôn hướng tới giá trị của một vẻ đẹp chân thiện mà thôi.

Nếu so với cuối đông, hoa cà-phê nở trắng những sườn đồi, thì mùa hè, ngọn gió núi chờ đẩy hương sen là một đặc ân khác nữa mà thiên nhiên ưu ái ban tặng. Đi quanh bờ ao, thưởng thức hương vị của sen đã đành, tôi còn phát hiện ra sen cũng giống như người. Kia là một đóa sen đang tựa đầu vào cuống lá, đón nhận sự chở che, này là hai búp sen nòn tinh khôi như hai chị em đang còn e ấp. Còn đóa sen chúm chím trong gió mát gợn lên từ mặt ao thì tỏ ra bên lên dịu dàng. Đâu đó trong sự trẻ trung, đã có vài cánh hoa rụng trên lá sen lấp lánh sương mai. Trong tiếng cá quẫy mơ hồ, một bông sen cô độc mọc nghiêng giữa nước gợn gợn, sóng biếc lăn tăn. Và giữa một góc khuất của cụm đá xanh rêu, một lá sen vừa héo, giống chiếc áo nâu thường ngày của mẹ tôi bóng xế...

Tôi chợt ngộ ra, có một mùa người trong mùa sen tháng hạ. Và ngược lại, mùa sen đang diễn ra một mùa người nguyên bản. Giữa thực hư, ảo huyền của sương khói mong manh vùng đồi lưng, hoa sen như người khách lạ, mang đến hơi thở tinh khôi, khiến tâm hồn ai đó như lạc vào cõi thiền nghiêm trang thư thái, và tràn đầy niềm hạnh phúc của sự lặng lẽ ngát hương... ■

Giành

Nhiếp ảnh gia TRẦN THẾ PHONG



Chọn lựa



Mưa Sài Gòn



Ung dung

Bội thu



Hội An



Lời cảm ơn cuộc sống

Thủy và tôi là hai chị em sinh đôi. Tôi sinh ra trước Thủy vài phút nên được làm chị. Chúng tôi giống nhau như đúc về nét mặt, về ngoại hình, duy chỉ khác một vài điểm: Thủy thường chậm chạp, ít nói, hay bị bệnh; còn tôi thì nhanh nhẹn, hăng hái, thích hoạt động, thích bạn bè.

Nhà nghèo, cha mất sớm, mẹ tôi tảo tần, làm thuê mướn và trồng trọt trong một khoảnh đất gần 500m².

Thuở nhỏ, tôi thường lén át Thủy vì nghĩ rằng vì mình là vai chị. Thủy luôn nhường nhịn tôi. Khi chúng tôi học hết tiểu học, sau đó lên học ở trường quận và cả hai chị em cùng tốt nghiệp trung học phổ thông. Bảy giờ do gia cảnh túng bấn, ba mẹ con chúng tôi đều nhận thấy trong hai chị em, chỉ một người được lên tỉnh thi vào đại học.

Vì tôi nhanh nhẹn, học giỏi hơn Thủy nên được chọn lên thành phố Hồ Chí Minh thi. May mắn, tôi được trúng tuyển vào ngành kinh tế. Thủy chọn được chỗ làm ở một công ty chế biến gỗ tại quê nhà.

Việc học của tôi khá suôn sẻ. Số tiền Thủy kiếm được góp vào chi tiêu trong gia đình mẹ và em ấy ở quê, đồng thời lo được phần lớn chi phí học tập của tôi; thỉnh thoảng Thủy còn gửi cho tôi ít quà bánh, trái cây ở quê nhà.

Ngày tôi tốt nghiệp chính là ngày tôi nhận được tin Thủy đột ngột ngã bệnh nặng và sau hai ngày nằm bệnh viện, Thủy đã lìa đời. Đau đớn, xót xa, ân hận vì không kịp về thăm và dự đám tang, tôi bàng hoàng, ngơ ngẩn...

Đến nay tôi đã có chỗ làm tương đối tốt, có thể tự lo cho mình và giúp mẹ cải thiện cuộc sống của mẹ, an nhàn, thanh thoi hơn.

Còn đối với Thủy? Nhớ thương, biết ơn... biết nói sao cho vita...

Tôi cảm ơn cha mẹ tôi đã sinh ra Thủy, một con người cao thượng, nhân nhục, dịu hiền, thâm trầm. Tôi mang ơn cuộc sống, mang ơn đất nước đã sản sinh những con người như Thủy, người em gái mà tôi suốt đời thương nhớ.

L.T. Kim Thủy, đường Lê Quang Định,
quận Bình Thạnh, TP.HCM



THIÊN PHÚ THẠO là nơi chế tác tượng Phật đáng tin cậy!
Vì Sản Phẩm luôn được bảo hành mãi mãi...!

ĐC: 69/5K, đường Nhà Vua,
Mỹ Hòa I, Trung Chánh, Hóc Môn, TP.HCM
ĐT: 08.37181818 - 01.222.999.666 - 01.666.000.666
Website: thienphuthao.com Email: dkhonthao@gmail.com

Sa y na ég va øsa y noòg

Cách xử trí và phòng ngừa

Lương y ĐINH CÔNG BẢY



Vào mùa hè, thời tiết oi bức, người ta dễ bị say nắng và say nóng. Vậy say nắng và say nóng giống nhau và khác nhau như thế nào?

Giống

Say nắng và say nóng đều làm cho cơ chế điều hòa thân nhiệt của cơ thể bị ức chế, dẫn đến tình trạng sốt cao, vã mồ hôi, mất nước, trụy mạch.

Khác

- Say nắng thường do trực tiếp ở dưới ánh sáng mặt trời, bị ảnh hưởng của tia tử ngoại chiếu lên da. Nếu nhẹ gọi là thương thử, nếu nặng gọi là trúng thử (thử là khí nóng của mặt trời).

Triệu chứng thường gặp: nhức đầu, vã nhiều mồ hôi, mặt đỏ gay, lừ đừ, khó thở, có khi đau bụng, nôn mửa, người bứt rứt.

Nếu không được cấp cứu kịp thời, có thể dẫn đến tình trạng hoa mắt, chóng mặt, sốt cao (41-42°C), mạch nhanh, sắc mặt chuyển qua tái nhợt. Thần trí lơ mơ, mê sảng, co giật, có thể bị hôn mê, trụy mạch, dễ tử vong.

- Say nóng thường do tia hồng ngoại phát ra từ sức nóng, nhiệt độ cao (hầm mỏ, lò lửa, nhà xe, nhà mái tôn, trên tàu xe chật chội, nóng bức, ánh nắng buổi chiều...) tác động lên cơ thể với thời gian kéo dài. Các triệu chứng cũng giống say nắng, nhưng diễn tiến từ từ với mức độ nhẹ hơn.

Cách xử trí

- Đưa nạn nhân ra khỏi nơi nắng, nóng, cho nằm nghỉ ở nơi thoáng mát.
- Nới rộng hoặc cởi bớt quần áo.
- Dùng khăn thấm nước mát, đắp vùng trán, gáy, nách, lau khắp người để làm hạ thân nhiệt. Theo dõi cho đến khi thân nhiệt hạ xuống dưới 38°C.

- Cho uống nhiều nước để bù các chất điện giải, như nước oresol, nước trà loãng (hoặc nước lọc) pha với đường và muối (tỷ lệ 8g đường + 1g muối cho 1 lít nước).

- Nếu lâm vào tình trạng hôn mê, phải đưa ngay đến cơ sở y tế gần nhất để xử trí kịp thời.

Trong các trường hợp nhẹ hơn, có thể dùng một trong các món ăn - bài thuốc sau:

- Bột sắn dây 20-30g, hòa với 350ml nước sôi để nguội, thêm chút đường cho dễ uống. Ngày uống 2-3 lần.

- Dùng thịt dưa hấu 500-800g, ép lấy nước, chia 2-3 lần uống trong ngày.

- Bí xanh (bí đao) 100-150g, gọt vỏ, rửa sạch, ép lấy nước cho uống 1-2 lần/ngày.

- Đậu xanh 30-50g, rửa sạch, nấu với 750ml nước, sắc còn 300ml, hòa với 30g đường, chia uống 2 lần trong ngày.

- Đậu ván trắng (bạch biến đậu) 50-80g, rửa sạch, phơi khô, sao vàng thơm. Nấu với 1 lít nước, sắc còn 500ml, chia uống 2-3 lần trong ngày. Có thể hòa thêm ít đường để uống.

- Lá sen tươi 20g, lá hoắc hương tươi 16g, rễ cây lau (hoặc lá dâu tằm tươi) 16g. Nấu với 1 lít nước, sắc còn lại 600ml, chia 2-3 lần uống trong ngày.

- Cháo lá sen giải thử (giải cảm nắng):
1 lá sen tươi (loại không già, không non quá), rửa sạch, cắt nhỏ, nấu với 750ml nước, sắc còn 400ml, lấy nước bỏ bã. Thêm vào 50g gạo tẻ, nấu thành cháo nhừ, thêm ít đường phèn để ăn trong ngày.

- Cháo sắn dây:

Bột sắn dây 16g, gạo tẻ 100g. Nấu gạo tẻ thành cháo nhừ rồi hòa bột sắn dây vào, khuấy đều. Có thể thêm ít đường để ăn trong ngày.

- Cháo hương nhu:

Gạo tẻ 100g, lá hương nhu tươi 12-16g. Lá hương nhu rửa sạch, cắt nhỏ. Nấu gạo tẻ thành cháo nhừ rồi trộn lá hương nhu vào, khuấy đều. Có thể thêm 50g thịt heo nạc, băm nhỏ, nêm gia vị vừa ăn, dùng ăn trong ngày.

Cách phòng ngừa

- Để phòng ngừa say nắng, say nóng, ngoài việc luyện thân thể, ăn uống đầy đủ và cân đối các chất dinh dưỡng, cần lưu ý ăn thêm rau quả tươi. Gặp ngày thời tiết nóng bức, nên uống nước thanh nhiệt, giải khát chế biến từ rau quả, trái cây có tính mát, không quá ngọt, như: nước dừa, đậu ván, rau má, sắn dây, lá tre, mía lau, hương nhu, chanh, cam, quýt, thanh long, chanh dây, dưa (thơm), dâu tây, cà chua, dưa hấu, rau câu...

- Khi ra ngoài trời nắng, cần có mũ nón che đầu (rộng vành càng tốt), áo quần rộng rãi, thoáng mát, cổ áo cao để tránh nắng chiếu vào gáy.

- Vào mùa nắng nóng, không ở nơi nóng bức liên tục quá lâu, hoạt động 45-60 phút cần nghỉ giải lao 10-15 phút.

- Ở môi trường nhiệt độ cao, cần phải có quần áo chuyên dụng và luôn phải chuẩn bị nước sạch để uống liền khi khát nước.



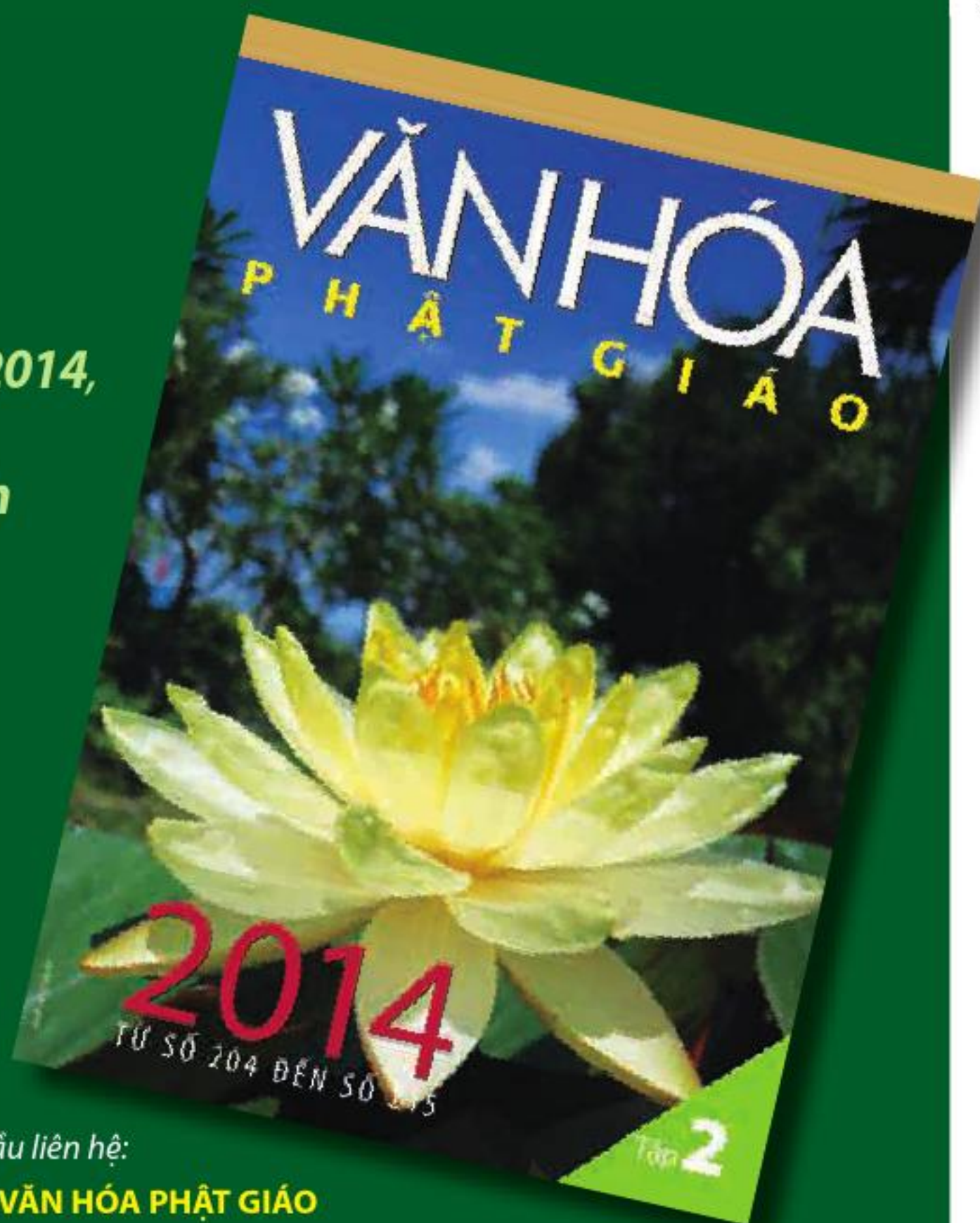
Đang phát hành

VĂN HÓA PHẬT GIÁO

đóng bộ **Tập 2 năm 2014**,
từ số 204 đến số 215
giá: **210.000đ/cuốn**

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo vừa đóng lại
toàn tập (tập 1 + tập 2)

2007 (tập 2): 160.000VNĐ
2008 (2 tập): 340.000VNĐ
2009 (2 tập): 360.000VNĐ
2010 (2 tập): 380.000VNĐ
2011 (2 tập): 420.000VNĐ
2012 (2 tập): 420.000VNĐ
2013 (2 tập): 420.000VNĐ
2014 (2 tập): 420.000VNĐ



Bạn đọc có nhu cầu liên hệ:

Tòa soạn Tạp chí **VĂN HÓA PHẬT GIÁO**

294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM



THỰC PHẨM DƯỠNG SINH CHÂN NGUYÊN®

96H Võ Thị Sáu, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM

Số 11 đường Số 2, Cư xá Đô Thành, P.4, Q.3, TP.HCM, Tel: 08 22422951

Facebook: chan nguyen

Hotline: 84-8-38251659 - Web: www.channguyen.vn



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ

INTERLOG

YOUR LOGISTICS PARTNER

Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn

3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM. Tel: 0917171948 - 0938734035

"Chuyên giao-nhận hàng hóa, VHP và tranh tượng Phật giáo quốc tế"



VĂN HÓA PHẬT GIÁO

Tạp chí của tất cả những ai chấp nhận tư tưởng Phật giáo, quyết tâm xây dựng một xã hội lành mạnh, hiền hòa và bảo vệ, phát huy văn hóa truyền thống của dân tộc.

PHÒNG PHÁT HÀNH KINH SÁCH - VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO

TÂM THUẬN

- Kinh, sách văn hóa phẩm Phật giáo
- Pháp phục Tăng, Ni, áo tràng Phật tử, nón tỷ lệ...
- Chuông mõ Huế các size.
- Tranh, tượng Phật, hàng mỹ nghệ, lưu niệm...
- Nhận thực hiện in, ấn tống kinh sách theo yêu cầu

Giao hàng tận nơi (08) 2247 7809

Đ/C: Cuối hẻm 380 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, Tp.HCM
 ĐT: 0902 40 47 48 - 0972 898818 - Email: hoinguyen.kt@gmail.com

Ngô Phương Đức: STK: 76935619

Ngân hàng ACB, CN Bình Thạnh

Nguyễn Thị Hối: STK: 1920206053273

Ngân hàng Agribank, CN Bến Thành

**Hoà Tiên****CÔNG TY TNHH-SXTM HOA TIÊN**

D13/2 Trần Náo, P.Bình Khánh, Q.2, TP.HCM

Chuyên sản xuất:

- Các tôn tượng Phật
- Linh vật phong thủy
- Trang trí nội thất

Liên hệ để biết thêm chi tiết:

- Anh Minh, ĐT: 0908.381.867
- Web: www.hoatien.vn
- Email: thongtin@hoatien.vn

Với chất liệu sản phẩm bằng Polyresin



Restaurant

Chay
Vegetarian

Với các món ăn chay tinh khiết, nấu theo lối Huế thuần túy
 Khung cảnh ấm cúng, thanh nhã và lịch sự

○ **Đặc biệt:** Bánh bèo, bánh nậm, bánh bột lọc, cuốn diếp, cuốn rỏi, bánh ướt cuốn vụn hoa, gỏi và trộn, gỏi mít trộn, cơm sen, bún Huế, cơm hến chay, bún hến chay...

Giờ mở cửa: Từ 6 giờ - 22 giờ**Buổi sáng:** Còn có điểm tâm, cà-phê và nước uống○ **Địa chỉ:** 11 Trần Nhật Duật, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM○ **Điện thoại:** (08) 384 82612 - 0909 023469
hoan hi gặp anh Lành (quản lý)**Trân trọng kính mời**

17/2 - 17/4 Nguyễn Huy Tường, P. 6, Bình Thạnh, Tp.HCM
 08. 35 035 579 - 08. 36 026 818 - 0916 943 877
lienhe@phapuyen.com - www.phapuyen.com



Công ty TNHH SX-TM
QUANG NGHỆ

QUANG NGHỆ CO., LTD.
 HIỆN THỰC MANG ĐẾN THUYẾT

Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm
 Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - ĐT: 0989 183 398

- Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu paraffin, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...
 - Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.
- Đặc biệt:** Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước

Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM

Điện thoại: (08) 62738,228 - 38656,506 - Fax: (08) 3865.6506

Email: quangnghecandle@yahoo.com.vnWebsite: www.quangnghecandle.com

THƯ NGỎ

Nam-mô Bốn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật

Ngưỡng bái bạch chư tôn đức Tăng Ni

Kính thưa quý Phật tử gần xa

Kính thưa quý Mạnh thường quân, Doanh nhân, Doanh nghiệp trong và ngoài nước

○ **Chùa Bửu Lâm**, ấp 3, xã Bưng Riềng, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Là một nhà tranh dựng tạm do Phật tử lập nên trong thời kỳ khó khăn chung của đất nước, là xã vùng biên giáp biển Đông của tỉnh Đồng Nai lúc bấy giờ. Dù cuộc sống còn nhiều khó khăn, nhưng với lòng tin đất nước còn đạo Phật còn "Hết cơn bĩ cực đến hồi thái lai". Vất vả trong cuộc mưu sinh nhưng an lành trong hào quang chư Phật nên Phật tử quyết tâm bám đất, giữ chùa để mong ngày mai tươi đẹp, dù hơn 60% dân số địa phương đã bỏ đi vì đói khổ.

○ Ngày được Phật bổ xứ nhận lãnh trách nhiệm trụ trì, thấy gương mặt hớn hờ mừng vui của Phật tử sau bao năm mong đợi Thầy về, nhìn cảnh hoang sơ và mái tranh Phật ngự, lòng càng thương hơn cho người con Phật ở vùng kinh tế mới, thời gian dần trôi, Thấy trò thêm thấm tình Đạo Pháp, Phật tử nhiều hơn, Tăng chúng cũng tăng dần.

○ Nhưng sự xuống cấp của vật liệu ban sơ, gần 30 năm đã rồi, hư đầu sửa đó, đột đầu che đó, nay ngôi chánh điện không còn khả năng chống chọi với thời gian. Trước sự xuống cấp này Tăng chúng và Phật tử chúng tôi cầu mong và ước nguyện có được ngôi chánh điện trang nghiêm để đáp ứng nhu cầu tu học, thiết nghĩ với khả năng hoàn cảnh khó thực hiện được tâm nguyện lớn lao này.

○ Vì vậy, thay mặt Tăng chúng và Phật tử chúng tôi tha thiết kêu gọi chư Phật tử gần xa, quý Doanh nhân, Doanh nghiệp, quý Mạnh thường quân hướng về chùa Bửu Lâm phát bồ-đề tâm trợ duyên vật chất, tinh thần để ngôi chánh điện hoàn thành viên mãn.

○ Sự gia tâm chú nguyện của quý Ngài, sự yểm trợ tài vật của chư Thiên nam Tín nữ là niềm mong đợi vô biên là sự khích lệ vô tận để trợ duyên cho Tăng chúng và Phật tử chùa Bửu Lâm trên bước đường xây dựng và tu học, đồng thời hộ trì Tam bảo trường tồn, chúng sanh lợi lạc.

○ Chúng con xin nguyện cầu Hồng ân Tam bảo gia hộ chư tôn đức Pháp thể khinh an, quý Phật tử thân tâm an lạc, vạn sự cát tường.

Mọi sự ủng hộ xin gửi về:

Đại Đức Thích Nhuận Thanh

Trụ trì chùa Bửu Lâm

Ấp 3, xã Bưng Riềng, huyện Xuyên Mộc, BR-VT

ĐT: 064 3791 019 - DĐ: 01684 228772

Chủ tài khoản: Nguyễn Quang Thanh

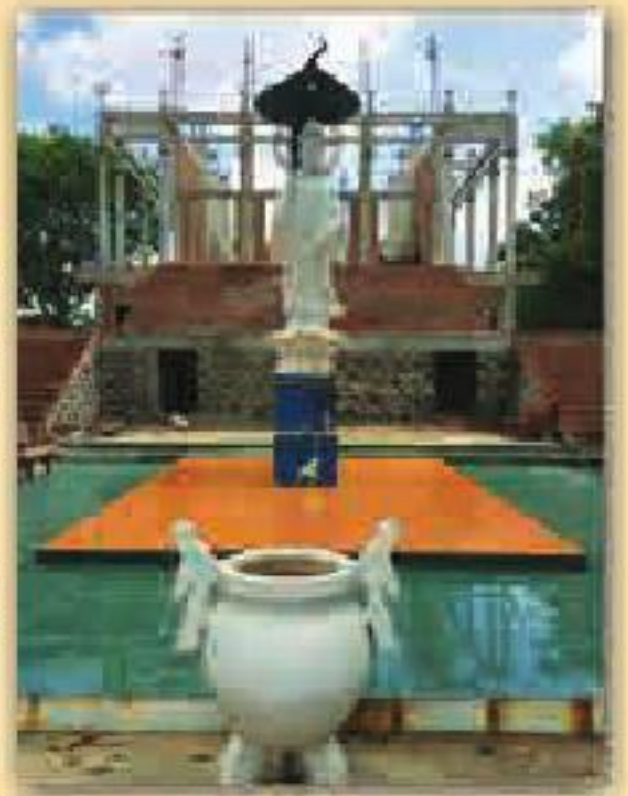
STK: 6002205118586 - NHNN & PTNN huyện Xuyên Mộc, BR-VT

Nam-mô Công Đức Lâm Bồ-tát Ma-ha-tát

Trụ trì Chùa Bửu Lâm



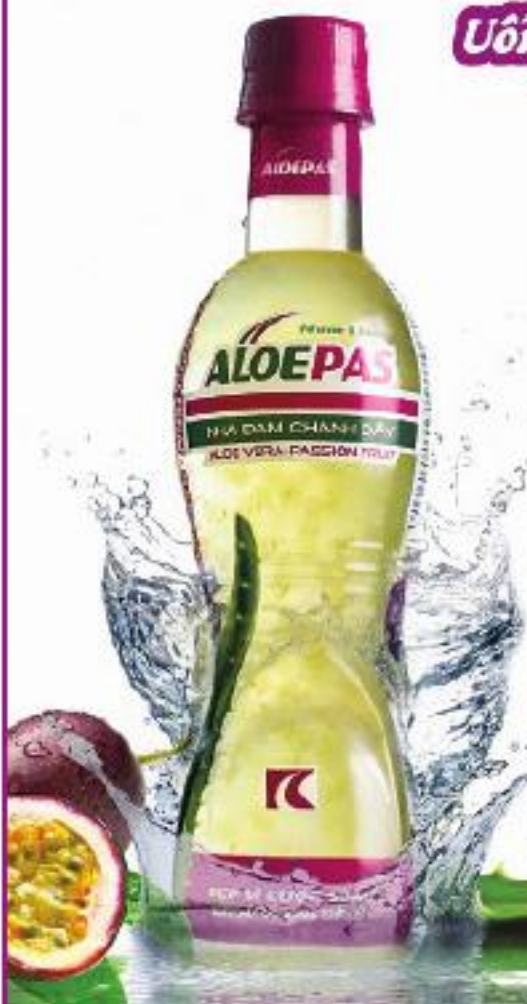
Đại Đức Thích Nhuận Thanh



KHÂM TÍN

Nước Uống ALOEPAS

Uống Ngon Ngon Nhai Giòn Giòn



○ Công ty TNHH TMDV KHÂM TÍN vừa đưa ra thị trường sản phẩm nước uống **Nha đam - Chanh dây** mang thương hiệu **ALOEPAS** được người tiêu dùng đánh giá rất cao. Ngoài việc kết hợp độc đáo của hai loại thảo dược thiên nhiên mang nhiều dưỡng chất có lợi cho sức khỏe này, nước uống **ALOEPAS** còn mang đến cho người tiêu dùng một trải nghiệm hương vị mới vô cùng hấp dẫn.

○ Với phương châm sản xuất ra những sản phẩm **Đẹp Vì Cuộc Sống, Khỏe Vì Gia Đình**, giải thưởng **Cúp Vàng Chất Lượng Việt Nam** **Phù Hợp Tiêu Chuẩn** chính là ghi nhận xứng đáng dành cho những đóng góp của công ty.



Sản phẩm của : **CTY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KHÂM TÍN**
Số : 284/11 Cô Bắc, Phường, Cô Giang, Q.1, TP.HỒ CHÍ MINH
Số Nhà máy : **CN NHADAM VINA - CTY TNHH TMDV KHÂM TÍN**
Số 2 Lô A, Cụ Xá PHÚ LÂM D, P. 10, Q. 6, TP. HCM, VIỆT NAM
Website : www.khamtin.vn Email : khamtin1668@gmail.com

ĐẸP VÌ CUỘC SỐNG · KHỎE VÌ GIA ĐÌNH

Nước Cẩm Hoa ASA

Giúp hoa tươi lâu, không thối nước

Tiết kiệm 50% chi phí mua hoa do thời gian hoa tươi lâu gấp 2 lần.

Được tặng thêm 10% dung tích

Nước cẩm hoa ASA hiện có mặt tại các cửa hàng Phật giáo, shop hoa tươi, các hệ thống siêu thị trên toàn quốc:

Co.opmart, Maximark, Citimart, Vinmart, ST Sài Gòn, ST Văn Lang, Giant...



15 YEARS OF QUALITY
2000 - 2015

CÔNG TY TNHH MỸ PHẨM HOÀNG ANH

Hotline: (08) 3851 3452 - Web: www.asavn.vn

www.facebook.com/ASAhomypham - 0979 357 821 Huyền

VĂN HÓA
P HẬT GIÁO

○ Quý độc giả có nhu cầu viết bài và chụp ảnh về nhà hàng chay, quảng bá thương hiệu hay đưa tin về công tác từ thiện, chuyên mục y tế cũng như đăng quảng cáo...

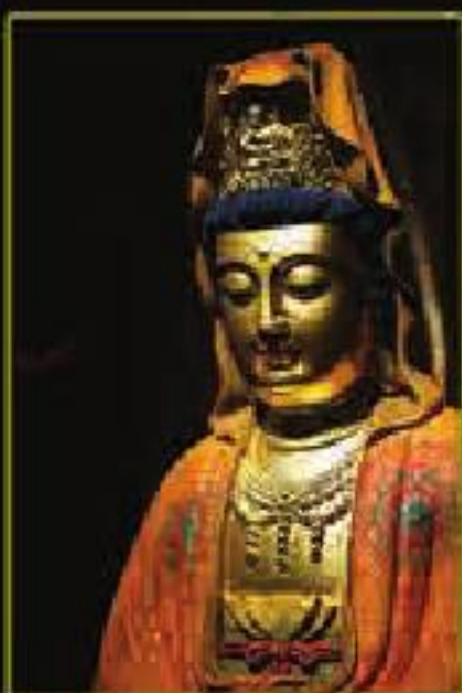
○ Xin vui lòng liên hệ: đạo hữu **Pháp Tuệ**

○ ĐT: **0913 810 082**

○ Email: bongnguyen.vhpg@gmail.com



DIÊU TƯỜNG ÂM NGHỆ THUẬT PHẬT GIÁO



DIÊU TƯỜNG ÂM NAM KỲ
382B NAM KỲ KHỞI NGHĨA, P. 8, Q. 3
ĐT: (08) 38 484 558 - HOTLINE: 0906 955 663

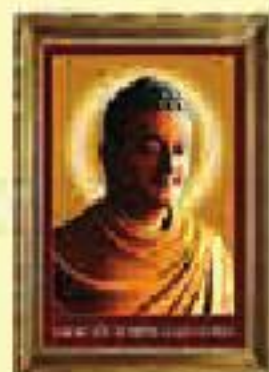
DIÊU TƯỜNG ÂM 3/2
212 HÀ THĂNG HẢI, P. 12, Q. 10
ĐT: (08) 38 684 913 - HOTLINE: 0902 848 363

DIÊU TƯỜNG LƯU LY QUANG (NGỌC LUYỆN)
382G NAM KỲ KHỞI NGHĨA, P. 8, Q. 3
ĐT: 0938 959 503

www.dieutuongam.com

Cơ sở Hồng Ân laminate

- Cung cấp các loại tranh laminate,
- Tranh sơn dầu, tranh thư pháp,
- Tranh đèn led, đồng hồ lịch vạn niên
- In ảnh và gia công ép laminate



Đc: 36/11/1 Lũy Bán Bích,
P. Tân Thới Hòa, Q. Tân Phú, Tp. HCM
ĐT: 08.39612835-0903685605-0903969396
Email: honganart @ ymail.com



TOP TEN TRAVEL

www.toptentravel.com.vn

www.facebook.com/toptentravelgroup

HÀNH HƯƠNG ĐẤT PHẬT MYANMAR (Yangon - Bago - Golden Rock)

KH: 29/7, 27/8, 10/9 (4N)

11.900.000 Đ

TOUR
NƯỚC NGOÀI

TOUR
TRONG NƯỚC

ĐC: 02 Giải Phóng, P. 04, Tân Bình, HCM

ĐT: (08) 6683 0006 | ĐD: 0933 27 3378

Chuyên tour du lịch trong và ngoài nước với giá tốt nhất.
Đặc biệt chuyên tổ chức tour du lịch Phật Giáo, tâm linh đặc sắc.

CAMPUCHIA (4N): Siem Reap - PhnomPenh	
KH: Thứ 5 hàng tuần	2.950.000 Đ
THÁI LAN (5N): Bangkok - Pataya	
KH: Thứ 3, 5, 7 hàng tuần	6.300.000 Đ
SINGAPORE-MALAYSIA (4N): 14, 21, 28/7; 4/8	11.900.000 Đ
CHÂU ÂU (9N): Pháp - Bỉ - Hà lan - Đức	57.900.000 Đ
MỸ (10N): Liên tuyến đông tây	71.900.000 Đ
ĐÀ LẠT (3N); KH: Thứ 5 hàng tuần	1.400.000 Đ
PHAN THIẾT (2N); KH: Thứ 7 hàng tuần	1.183.000 Đ
NHA TRANG (3N); KH: Thứ 5 hàng tuần	1.950.000 Đ
MIỀN TRUNG (4N); KH: Thứ 5 hàng tuần	5.590.000 Đ

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 20.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG



NHÀ SÁCH VĂN THÀNH

Số mới: 411 Hoàng Sa – phường 8 – quận 3 – TP.HCM
(Số cũ: 60/116 Lý Chính Thắng – P.8 – Q.3 – TP.HCM)

Tel: 08.38482028



SỞ ĐIỆP CÔNG VĂN Tập 3: Phần Điệp



TỪ ĐIỂN PHẬT HỌC TUỆ QUANG TUỆ QUANG DICTIONARY OF BUDDHIST TERMS

Vietnamese-Chinese-Sanskrit-English

Việt-Hán-Phạn-Anh

Do Nguyễn Hiền, chủ biên, Nguyễn Hồng, Nguyễn Tánh

Trên 3000 trang, khổ 16x24 được in trên giấy in từ điển đặc chủng bible Hà Lan
thời gian sử dụng lâu bền, bìa cứng được chia thành 2 tập.

*Từ điển này nhằm phục vụ đối tượng người tu học Phật pháp, sinh viên các
trường Phật học, và giới nghiên cứu văn hóa xã hội tôn giáo...*

CHI NHÁNH QUẬN 9

Nhà số 14, đường số 8, P.Phước Bình, quận 9, TP.HCM. ĐT: 728 0174 - DĐ: 0909.093.106

**Nhà sách chúng tôi có dịch vụ chuyên tư vấn về xuất bản, in ấn, lo mọi thủ tục giấy phép và
thực hiện chế bản các thể loại kinh sách văn hóa phẩm Phật giáo bằng chữ Hán, Pàli và Sanskrit.**



Theo nguyện vọng của Chư tôn
đức Tăng, Ni và quý Phật tử

ZEN ART
đã chính thức phát hành
Tôn tượng
Phật Bốn Sư khất thực

Đây là sản phẩm trí tuệ, đầy tâm
huyết của **ZEN ART** trải qua rất
nhiều thời gian dày công nghiên
cứu tạo tác và hoàn thiện để có
được thành quả ngày hôm nay.

Quý vị có thể thỉnh tượng bằng cách

Liên hệ:

0909 319 882 (Hoàng Đức Diên)

Email:

mythuatzen@gmail.com

Website:

www.zenart.com.vn

Facebook:

[mythuat.zen@facebook.com](https://www.facebook.com/mythuat.zen)